

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN  
(Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**









**Nghệ An, tháng 11/2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC -  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**  
**Theo tiêu chuẩn Đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo  
(Giai đoạn đánh giá: 2017-2022)**

**Nghệ An, tháng 11/2022**

**DANH SÁCH**  
**CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

<b>T T</b>	<b>Họ và tên, cơ quan công tác</b>	<b>Trách nhiệm được giao</b>	<b>Chữ kí</b>
1	PGS. TS. Bùi Duy Cam	Trưởng đoàn	
2	TS. Phan Hùng Thư Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh	Thư kí	
3	TS. Trần Đình Quang Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh	Thành viên thường trực	
4	GS. TS. Nguyễn Quang Dong	Thành viên	
5	PGS. TS. Phan Văn Hiếu	Thành viên	
6	PGS. TS. Nguyễn Thái An	Thành viên	
7	TS. Lê Huy Tùng, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Thành viên	
8	ThS. Võ Công Dũng Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh	Giám sát	

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo qui định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các qui định liên quan trong pháp luật hiện hành.

## MỤC LỤC

Danh mục các chữ viết tắt	iv
<b>Phần I. TỔNG QUAN</b>	<b>1</b>
1. Giới thiệu chung	1
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài	1
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	3
3.1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo	3
3.2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo	6
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài	10
<b>Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN</b>	<b>12</b>
<b>I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>	<b>12</b>
<i>Tiêu chí 1.1</i>	12
<i>Tiêu chí 1.2</i>	13
<i>Tiêu chí 1.3</i>	14
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1	15
<b>II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo</b>	<b>16</b>
<i>Tiêu chí 2.1</i>	16
<i>Tiêu chí 2.2</i>	17
<i>Tiêu chí 2.3</i>	18
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2	19
<b>III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học</b>	<b>20</b>
<i>Tiêu chí 3.1</i>	20
<i>Tiêu chí 3.2</i>	21
<i>Tiêu chí 3.3</i>	22
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3	23
<b>IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học</b>	<b>25</b>
<i>Tiêu chí 4.1</i>	25
<i>Tiêu chí 4.2</i>	26
<i>Tiêu chí 4.3</i>	27
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4	28
<b>V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học</b>	<b>30</b>
<i>Tiêu chí 5.1</i>	30
<i>Tiêu chí 5.2</i>	31
<i>Tiêu chí 5.3</i>	32
<i>Tiêu chí 5.4</i>	33
<i>Tiêu chí 5.5</i>	34
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5	34
<b>VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên</b>	<b>36</b>
<i>Tiêu chí 6.1</i>	36
<i>Tiêu chí 6.2</i>	38
<i>Tiêu chí 6.3</i>	40
<i>Tiêu chí 6.4</i>	41
<i>Tiêu chí 6.5</i>	42

<i>Tiêu chí 6.6</i>	43
<i>Tiêu chí 6.7</i>	44
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6	46
<b>VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên</b>	<b>49</b>
<i>Tiêu chí 7.1</i>	49
<i>Tiêu chí 7.2</i>	50
<i>Tiêu chí 7.3</i>	51
<i>Tiêu chí 7.4</i>	52
<i>Tiêu chí 7.5</i>	53
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7	55
<b>VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học</b>	<b>56</b>
<i>Tiêu chí 8.1</i>	56
<i>Tiêu chí 8.2</i>	57
<i>Tiêu chí 8.3</i>	59
<i>Tiêu chí 8.4</i>	61
<i>Tiêu chí 8.5</i>	63
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8	64
<b>IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị</b>	<b>66</b>
<i>Tiêu chí 9.1</i>	66
<i>Tiêu chí 9.2</i>	67
<i>Tiêu chí 9.3</i>	68
<i>Tiêu chí 9.4</i>	69
<i>Tiêu chí 9.5</i>	71
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9	72
<b>X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng</b>	<b>73</b>
<i>Tiêu chí 10.1</i>	73
<i>Tiêu chí 10.2</i>	74
<i>Tiêu chí 10.3</i>	75
<i>Tiêu chí 10.4</i>	76
<i>Tiêu chí 10.5</i>	77
<i>Tiêu chí 10.6</i>	78
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10	79
<b>XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra</b>	<b>81</b>
<i>Tiêu chí 11.1</i>	81
<i>Tiêu chí 11.2</i>	82
<i>Tiêu chí 11.3</i>	83
<i>Tiêu chí 11.4</i>	85
<i>Tiêu chí 11.5</i>	86
Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11	88
<b>Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	<b>90</b>
<b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>	<b>vii</b>

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>CỤM TỪ ĐẦY ĐỦ</b>
1.	BLQ	Bên liên quan
2.	CB	Cán bộ
3.	CĐR	Chuẩn đầu ra
4.	CLB	Câu lạc bộ
5.	CLPT	Chiến lược phát triển
6.	CNTT	Công nghệ thông tin
7.	CSGD	Cơ sở giáo dục
8.	CSVC	Cơ sở vật chất
9.	CTDH	Chương trình dạy học
10.	CTĐT	Chương trình đào tạo
11.	CTCT&HTSV	Công tác chính trị và hỗ trợ sinh viên
12.	CVHT	Cổ vấn học tập
13.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
14.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
15.	ĐGN	Đánh giá ngoài
16.	ĐH	Đại học
17.	ĐTBD	Đào tạo bồi dưỡng
18.	GDDH	Giáo dục đại học
19.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
20.	GS	Giáo sư
21.	GV	Giảng viên
22.	HP	Học phần
23.	HVBC&TT	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
24.	HVCTQGHCM	Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
25.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
26.	KQHT	Kết quả học tập
27.	KTCT	Kinh tế chính trị
28.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
29.	KT&ĐBCLĐT	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo
30.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31.	NH	Người học
32.	NTD	Nhà tuyển dụng
33.	NV	Nhân viên
34.	PPDH	Phương pháp dạy học

35.	PPGD	Phương pháp giảng dạy
36.	PVCD	Phục vụ cộng đồng
37.	QLĐT	Quản lý đào tạo
38.	SV(TN)	Sinh viên (tốt nghiệp)
39.	TĐG	Tự đánh giá
40.	ThS	Thạc sĩ
41.	TLGD	Triết lý giáo dục
42.	TS	Tiến sĩ

## **PHẦN I. TỔNG QUAN**

### **I. Giới thiệu chung**

Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kinh tế chính trị (KTCT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (HVBC&TT) được thành lập theo Quyết định số 514/QĐ-KĐCLV ngày 26/8/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (Trung tâm). Đoàn gồm có 07 chuyên gia ĐGN và 01 cán bộ (CB) giám sát, do PGS. TS. Bùi Duy Cam (số thẻ KĐV: 2017.01.244) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo qui định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được, những kiến nghị đối với CTĐT ngành KTCT của HVBC&TT. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục 1: Giới thiệu HVBC&TT, Khoa KTCT;
- Phụ lục 2: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) CTĐT ngành KTCT;
- Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn ĐGN;
- Phụ lục 4: Lịch trình ĐGN;
- Phụ lục 5: Công văn của HVBC&TT phản hồi Dự thảo báo cáo ĐGN.

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Học viện cung cấp tính đến thời điểm ngày 10/10/2022, từ thực trạng của Học viện cùng các thông tin phản hồi và kết quả khảo sát, phỏng vấn các bên liên quan (BLQ) trong quá trình đánh giá.

### **II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài**

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT được ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

- + Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Học viện và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Học viện, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;
- + Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Học viện đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;
- + Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp (SVTN) và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Học viện từ các BLQ;



+ Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSV), trang thiết bị và các hoạt động của Học viện để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Học viện.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 31/8 - 08/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

(2) *Họp Đoàn*: ngày 09/9/2022

Đoàn ĐGN và Trung tâm đã họp online để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSV cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Học viện, Trung tâm và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(3) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/9/2022

Trưởng đoàn ĐGN, Thành viên thường trực, một số thành viên cùng Đại diện của Trung tâm đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền trực tiếp (PGS. TS. Bùi Duy Cam, Trưởng đoàn; Trần Đình Quang, Giám đốc Trung tâm kiêm thành viên thường trực; TS. Phan Hùng Thư kiểm định viên của Trung tâm, thư kí). Các đại diện Đoàn ĐGN đã làm việc với Lãnh đạo Học viện, Hội đồng TĐG và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn của Học viện. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Học viện. Đoàn đã thảo luận với Học viện và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Học viện bổ sung; các CSV cần quan sát, kiểm tra tại cơ sở của Học viện; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn, ...

Kết thúc đợt khảo sát sơ bộ, Trưởng đoàn ĐGN cùng Giám đốc Học viện và Giám đốc Trung tâm đã kí Biên bản ghi nhớ.

(4) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 07 đến 11 tháng 10 năm 2022

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm CB phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; Công tác sinh viên (SV), Đảm bảo chất lượng (ĐBCL), Thanh tra giáo dục; Nghiên cứu khoa học (NCKH), Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Hợp tác quốc tế, Quản trị, Thư viện, Công

nghệ thông tin (CNTT), ... thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 06 nhóm đối tượng gồm tất cả các BLQ (89 người); gặp gỡ và phỏng vấn không chính thức với SV tại nhà ăn SV, kí túc xá, thư viện, phòng thực hành; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, kiểm tra ngẫu nhiên nhiều đầu sách/giáo trình của các học phần (HP) của CTĐT ngành KTCT; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động lên lớp của một số lớp học; khảo sát về tình hình việc làm (qua điện thoại) đối với 18 SVTN đại học (ĐH) hệ chính qui tốt nghiệp năm 2020 và 2021; Trong đó, tỉ lệ SVTN có việc làm trong vòng 06 tháng là 100%; tỉ lệ SVTN làm đúng chuyên môn được đào tạo là 72,22 %.

Đoàn cũng đã thu được từ các BLQ đến tham dự phỏng vấn 89 phiếu góp ý, tổng cộng có 445 ý kiến của CB, giảng viên (GV), SV, cựu SV và nhà tuyển dụng (NTD) về các hoạt động của Học viện.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết Dự thảo báo cáo ĐGN*: Từ 12/10/2022 đến ngày 20/10/2022, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết Dự thảo báo cáo ĐGN. Dự thảo báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và CB giám sát của Trung tâm KĐCLGD-ĐHV thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Học viện vào ngày 28/11/2022.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi đồng ý hoàn toàn với Dự thảo báo cáo ĐGN CTĐT ngành KTCT của HVBC&TT (ngày 29/11/2022), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 01/12/2022. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Học viện (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng qui định.

### **III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài**

Đoàn chuyên gia ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại HVBC&TT từ ngày 07 đến ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo đúng kế hoạch, qui trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

#### ***1. Tóm tắt những điểm mạnh của chương trình đào tạo***

##### ***(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Mục tiêu CTĐT được xác định rõ ràng, bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể. Mục tiêu đào tạo phù hợp với mục tiêu giáo dục qui định tại Luật Giáo dục đại học (GDĐH) và phù hợp Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện. CTĐT có chuẩn đầu ra (CĐR), chuẩn về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (17 CĐR: 07 CĐR về

kiến thức; 07 CDR về kĩ năng, 03 CDR về mức tự chủ và trách nhiệm). CDR của CTĐT được rà soát vào năm 2018, và 2020, dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ, được công bố công khai trên website Học viện, được giới thiệu đến SV vào đầu khóa.

*(2) Bản mô tả chương trình đào tạo*

Học viện có bản mô tả CTĐT, đề cương chi tiết (ĐCCT) ngành KTCT. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật định kì vào năm 2018 và năm 2020. Khi đổi mới đã lấy ý kiến các BLQ. Bản mô tả CTĐT, ĐCCT cơ bản cơ bản có các thông tin theo qui định, được công bố trên cổng thông tin điện tử và phổ biến đến SV. Các BLQ có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT, ĐCCT trên website của Học viện. ĐCCT cập nhật nội dung kiểm tra, thi và rubrics.

*(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Chương trình dạy học (CTDH) ngành KTCT được xây dựng trên cơ sở CDR, mỗi khối kiến thức xây dựng trên một số CDR nhất định; CTDH được rà soát và điều chỉnh năm 2018 và năm 2020. Các HP có kế hoạch dạy và học, sử dụng tổ hợp phương pháp giảng dạy (PPGD), tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá (KTĐG) cơ bản tương thích với CDR đã tuyên bố. Học viên đã lấy ý kiến của các BLQ để cải tiến/điều chỉnh cho phù hợp, có đối sánh với các CTDH của trường trong nước. Kết cấu, thời lượng CTDH hợp lí, cụ thể trong 130 tín chỉ trong đó: 34,62% đại cương; 63,38% giáo dục chuyên nghiệp; 6,92 % bổ trợ; 13,85% cơ sở ngành; 21,54% ngành; 23,08% chuyên ngành và 26,2 % khối kiến thức tự chọn.

*(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Học viên đã tuyên bố Triết lí giáo dục (TLGD) năm 2021. Khoa đã thảo luận, lựa chọn PPGD trong gợi ý 9 PPGD cho từng HP; hoạt động dạy-học được thiết kế đa dạng phù hợp với từng HP; công nghệ được sử dụng trong giảng dạy, học tập kết hợp hình thức trực tiếp và trực tuyến qua phần mềm Microsoft Teams. GV hướng dẫn SV sử dụng tổ hợp các phương pháp học tập; rèn luyện khả năng học tập suốt đời; NCKH của SV. Khoa tổ chức hội thảo về phương pháp học tập, phương pháp học tiếng Anh. PPGD được SV đánh giá cao: trên 80% “hài lòng”, “hoàn toàn hài lòng” về tổ hợp PPGD; trên 79% về phát triển kĩ năng cho SV.

*(5) Đánh giá kết quả học tập của người học*

Học viên có đầy đủ các qui chế, qui định đánh giá kết quả học tập (KQHT) của SV, được công khai trên website và được phổ biến cho SV. Các HP đều có sử dụng phối hợp các hình thức, phương thức đánh giá khác nhau (vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, bài tập nhóm, bài tập lớn, ...); một số HP có ngân hàng câu hỏi/đề. Học viện có hệ thống quản lí điểm; kết quả đánh giá được công bố kịp thời, dễ tra cứu.

SV tiếp cận được qui trình khiếu nại KQHT; số bài phúc khảo trong chu kỳ đánh giá không đáng kể. SV đánh giá tốt về phổ biến quy định kiểm tra và phản hồi.

*(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản và triển khai thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV trên cơ sở đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ trong các giai đoạn đáp ứng cơ bản nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng (PVCĐ). Việc tuyển dụng đội ngũ GV các khoa và triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng (ĐTBD) cho GV được thực hiện hằng năm; đội ngũ GV của ngành đã gia tăng trong giai đoạn đánh giá; tỉ lệ GV/SV các năm học trong giai đoạn đánh giá đều đạt tỉ lệ theo quy định; khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học; thực hiện tốt công tác quản trị công việc của GV theo quy trình khá chặt chẽ từ phân công nhiệm vụ đầu năm đến đánh giá kết quả cuối mỗi học kỳ, đánh giá, phân loại, Thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, không có khiếu nại gì.

*(7) Đội ngũ nhân viên*

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên (NV) của Học viện/Khoa được tuân thủ theo Chiến lược phát triển (CLPT) HVBC&TT. Học viện đã tiến hành khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ, đồng thời có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Học viện đã ban hành quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách, quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV và đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV.

*(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học (NH) được xác định rõ ràng, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin. Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH. Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua, và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH; ngoài ra SV

còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

*(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an ninh, an toàn tốt, cây xanh nhiều, thiết kế đẹp, thân thiện. Có khu kí túc xá riêng (373 phòng), bố trí trong một khu vực liên hợp cả khu thể thao, căng-tin, y tế rất tiện lợi cho sinh hoạt của NH. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng phong phú (6,7m<sup>2</sup>/NH), có đủ trang thiết bị phù hợp phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống CNTT, thư viện, thiết bị thực hành phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ: có đủ học liệu, không gian tự học; có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng lab học tiếng (và 12 phòng thực hành chuyên dụng khác); công tác tin học hoá việc quản lí trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng.

*(10) Nâng cao chất lượng*

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ và đã thực hiện khảo sát, xử lí tất cả các kết quả khảo sát. Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT và thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình này. Học viện/Khoa đã chuyển tải 11 đề tài các cấp trong tổng số 59 đề tài NCKH thành nội dung giảng dạy của nhiều HP trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (KT&ĐBCLĐT) chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện.

*(11) Kết quả đầu ra*

Tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp được giám sát và có tỉ lệ SVTN đúng hạn tương đối cao. Học viện/Khoa đã có nhiều hoạt động tư vấn hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm. Công tác NCKH của SV được quản lí, tổ chức tương đối chặt chẽ và có chính sách tạo động lực khuyến khích SV tham gia và GV hướng dẫn. Công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ được thực hiện định kỳ, đa dạng về phương thức khảo sát và kết quả khảo sát đã được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

**2. Tóm tắt những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo**

*(1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Khoa cần rà soát mục tiêu đào tạo của ngành KTCT, chuẩn hóa lại mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể, không nhầm lẫn với CĐR; xác định rõ CĐR, xác định thang đo khoa học, sử dụng các động từ phù hợp theo thang nhận thức đảm bảo đáp ứng Khung năng lực quốc gia. Học viện cần đầu tư để đào tạo về xây dựng CTĐT,

CĐR cho CB quản lí, CB khoa và GV. Học viện/Khoa cần rà soát lại phiếu khảo sát để lấy ý kiến trực tiếp vào các CĐR cần rà soát; cần khảo sát theo ngành; nên tổ chức hình thức nhiều khảo sát/xin ý kiến để thu được nhiều kiến của BLQ.

*(2) Bản mô tả chương trình đào tạo*

Học viện nên ban hành bản CTĐT kèm theo bản mô tả CTĐT và ĐCCT; cần đảm bảo đủ nội dung bản mô tả theo quy định; đảm bảo định kỳ rà soát theo Thông tư 17/2021/TT- BGDĐT ngày 22/6/2021. Học viện cần rà soát lại kết nối HP và CĐR, kết nối các chương mục/bài giảng với CĐR của CTĐT và CĐR HP; rà soát giáo trình, tài liệu tham khảo. Cần thiết kế để công khai hóa bản mô tả CTĐT và ĐCCT trên trang thông tin điện tử ở vị trí/thư mục dễ tìm kiếm.

*(3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Trong đợt rà soát tiếp theo, Học viện cần rà soát và hoàn thiện kết nối, xác lập sự phù hợp các khối kiến của CTDH, của HP với CĐR của CTĐT, kết nối chương mục/bài giảng, xác định thang đo năng lực mức đóng góp của chương mục/bài giảng vào CĐR của HP. Cần tổng kết về các phương pháp KTĐG KQHT để kịp thời đưa tìm ra các đánh giá hiệu quả hơn. Học viện nên tham chiếu giữa kết quả khảo sát vị trí đang làm việc của cựu SV ngành KTCT và kết cấu của CTDH để điều chỉnh cho CTDH hiệu quả hơn.

*(4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Học viện cần truyền thông TLGD bằng nhiều hình thức đến các BLQ và hướng dẫn truyền tài Triết lí vào xây dựng và phát triển CTĐT. Khi khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, cần phân tích chi tiết, phân tích theo nhiều khía cạnh khác nhau để thu được nhiều thông tin, so sánh được các tiêu chí, so sánh các đơn vị. Học viện cần chuyển tải trực tiếp kết quả khảo sát cho từng giáo viên. Học viện nên có nhiều giải pháp lôi cuốn, khuyến khích SV NCKH, không hạn chế số lượng đề tài cho một lớp.

*(5) Đánh giá kết quả học tập của người học*

Khoa cần rà soát ma trận kết hợp giữa phương pháp/hình thức KTĐG với CĐR của CTĐT và CĐR của HP nhằm đánh giá đúng mức độ đạt CĐR. Học viện cần đưa vào quy định về làm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, nội dung về phân tích độ tin cậy, độ giá trị của đề thi và thực hiện việc phân tích ở mỗi học kỳ; cần xây dựng ma trận đề thi theo khung nhận thức. Khoa cần nghiên cứu, thiết kế các phiếu chấm phù hợp để ghi chi tiết các ý trong nội dung, đáp án đề thi. Học viện cần giám sát tốt hơn công tác chấm thi để đảm bảo chấm bài tất cả các HP đúng theo quy định. Học viện nên rà soát để giảm thời gian chấm bài, thời gian phúc khảo bài thi.

*(6) Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên*

Học viện cần xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ CB, GV theo giai đoạn tương ứng với CLPT của Học viện với các chỉ tiêu cụ thể gắn với các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, theo nhóm ngành và chú trọng cơ cấu độ tuổi và tỉ lệ nam, nữ làm cơ sở cho các đơn vị/khoa xây dựng chiến lược/kế hoạch CLPT của đơn vị. Rà soát đề án vị trí việc làm để điều chỉnh số lượng vị trí GV của các Khoa cho phù hợp với ngành đào tạo như hiện nay. Học viện/Khoa cần có chính sách mạnh thu hút GV có chức danh, trình độ cao và trẻ hóa đội ngũ làm nòng cốt cho Khoa/ngành trong đào tạo và NCKH; đầu tư cho GV trẻ đi đào tạo nâng cao trình độ và các lớp ĐTBĐ về năng lực phát triển CTDH và NCKH; cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV trên cơ sở tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs), quy trình, cách thức đánh giá năng lực và thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ trong suốt mỗi năm học; cần khuyến khích và có chính sách đầu tư hơn nữa để tất cả các GV của ngành tích cực NCKH, đảm bảo số giờ và sản phẩm NCKH theo quy định TT20/2020 và đảm bảo tỉ lệ chi cho NCKH theo đúng quy định của Nghị định 99/2014 của Chính phủ.

*(7) Đội ngũ nhân viên*

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ NV một cách bài bản. Cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản. Cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, ĐBCL, ... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện. Học viện nên có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV hỗ trợ các hoạt động về đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện như Tuyển sinh, ĐBCL, Đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lí KTX, Y tế, CTCT&HTSV, ... khi số lượng NH ngày một tăng.

*(8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Học viện và Khoa cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành KTCT sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm; Cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ BLQ về phương pháp xét tuyển và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng; Học viện cần tuyển thêm GV chuyên Ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra; Học viện và Khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập (CVHT); Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động câu lạc bộ (CLB), sinh hoạt đội nhóm cho SV; Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV.

*(9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại. Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH khác; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho Phần mềm Kipos; bổ sung, cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; tăng số máy khử từ. Trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy, phòng thực hành dạy học trực tuyến. Đầu tư phần mềm quản lý dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

*(10) Nâng cao chất lượng*

Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc lấy ý kiến các BLQ trong quá trình rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT. Cần quan tâm hơn việc đánh giá quá trình dạy-học và quá trình KTĐG. Cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá KQHT để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện. Định kỳ tổng kết, đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ để cải tiến, nâng cao hiệu quả khảo sát.

*(11) Kết quả đầu ra*

Học viện cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SV thôi học và tăng tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SVTN để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng SV sau tốt nghiệp và nâng cao chất lượng các hoạt động đối sánh.



**3. Bảng tổng hợp kết quả Tự đánh giá và Đánh giá ngoài**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								
Tiêu chí 1.1	4	4	4,67	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								
Tiêu chí 2.1	5	3	4,67	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	5	3						
Tiêu chí 3.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	5	4						
Tiêu chí 4.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								
Tiêu chí 5.1	5	4	5,00	5	100	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	5	3						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								
Tiêu chí 6.1	5	5	5,00	7	100	4,00	6	85,71
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	5	4						
Tiêu chí 6.4	5	3						
Tiêu chí 6.5	5	4						

Tiêu chí 6.6	5	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>								
Tiêu chí 7.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	5	4						
Tiêu chí 7.3	5	4						
Tiêu chí 7.4	5	4						
Tiêu chí 7.5	5	4						
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>								
Tiêu chí 8.1	5	4	5,00	5	100	4,20	5	100
Tiêu chí 8.2	5	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	5	4						
Tiêu chí 8.5	5	5						
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>								
Tiêu chí 9.1	5	5	5,00	5	100	4,40	5	100
Tiêu chí 9.2	5	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	5	4						
Tiêu chí 9.5	5	5						
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>								
Tiêu chí 10.1	5	4	5,00	6	100	3,83	4	66,67
Tiêu chí 10.2	5	4						
Tiêu chí 10.3	5	3						
Tiêu chí 10.4	5	5						
Tiêu chí 10.5	5	4						
Tiêu chí 10.6	5	3						
<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>								
Tiêu chí 11.1	5	4	5,00	5	100	4,00	5	80,00
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	5	4						
Tiêu chí 11.4	5	4						
Tiêu chí 11.5	5	4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								

## **Phần II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN**

### **I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo**

**1. Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học qui định tại Luật giáo dục đại học**

#### **1. Điểm mạnh**

Chuyên ngành KTCT được đào tạo từ năm 1976, năm 2018 bắt đầu đào ngành KTCT theo quyết định của Bộ GD&ĐT (Số 754/QĐ-BGDĐT ngày 12/3/2018). Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã có hai phiên bản CTĐT ngành KTCT năm 2018 (Số 4950-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018) và năm 2020 (Số 3911/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Tất cả các phiên bản của CTĐT KTCT đều có mục tiêu chung. Mục tiêu chung của CTĐT năm 2020 là: “Đào tạo cử nhân KTCT: Có kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy về KTCT và các HP khác về kinh tế ở các trường ĐH, cao đẳng; các trường trung học chuyên nghiệp, các trường chính trị tỉnh, thành phố và các đoàn thể; Có năng lực tham mưu tư vấn cho các cấp lãnh đạo, quản lý trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động kinh tế; có khả năng độc lập nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế - xã hội; Có kỹ năng khả năng làm công tác truyền thông kinh tế cho các báo, tạp chí, cơ quan, ... có liên quan đến các lĩnh vực kinh tế”. CTĐT năm 2020 ngoài mục tiêu chung có 16 mục tiêu cụ thể về kiến thức, mục tiêu cụ thể về kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và mục tiêu về phẩm chất chính trị đạo đức.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành KTCT phù hợp với CLPT của Học viện đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với sứ mạng của Học viện là “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng – văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” (Số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/2/2017; số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018).

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành KTCT: “đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân”, phù hợp với mục tiêu GD ĐH quy định tại Điều 5 Luật GGDH (Luật số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018).

#### **2. Điểm tồn tại**

CTĐT ngành KTCT chưa thể hiện rõ một số nội dung của Khung năng lực quốc gia “... kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện”, “... có kĩ năng nhận thức liên quan đến phản biện ...” của quyết định số 1982/QĐ-TT ngày 18/10/2016. Ba mục tiêu chung về đào tạo - kĩ năng nghiên cứu và giảng dạy, năng lực tham mưu tư vấn, kĩ năng làm truyền thông kinh tế - chỉ là vị trí/chức danh NH sau tốt nghiệp có thể làm việc.

CTĐT xác định quá nhiều mục tiêu cụ thể (16 mục tiêu), vì vậy một số mục tiêu cụ thể nhằm lẫn với CĐR.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần rà soát mục tiêu đào tạo của CTĐT KTCT để thể hiện một cách đầy đủ hơn Khung năng lực quốc gia ghi trong Quyết định số 1982 ngày 18/10/2016 của Thủ tướng.

Nên rà soát lại mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể để mang tính khả thi cao và không nhằm lẫn với CĐR.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

***2. Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện có hai phiên bản bản mô tả CTĐT ngành KTCT trong chu kỳ đánh giá, tương ứng có 2 phiên bản CĐR của CTĐT năm 2018 và năm 2020. CĐR của CTĐT năm 2018 và năm 2020 đều bao gồm chuẩn về kiến thức, kĩ năng, chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

CĐR năm 2020 gồm 17 chuẩn, trong đó có 7 chuẩn về kiến thức, 7 chuẩn về kĩ năng, 3 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Học viện đã xây dựng ma trận kĩ năng liên kết giữa HP và CĐR.

CĐR về Ngoại ngữ bậc 3/6; CĐR về CNTT chuẩn theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ban hành ngày 11/03/2014.

#### 2. Điểm tồn tại

Một số PLO (PLO12, PLO13, PLO14) chứa nhiều nội hàm rất khác nhau, thang đo nhận thức khác nhau gây ra khó khăn trong đánh giá chuẩn.

Ma trận kết hợp giữa HP và CĐR có thang đo năng lực ở các mức "cao", "trung", "thấp" không được định nghĩa rõ ràng.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong đợt rà soát CTĐT tiếp theo, Học viện cần chuẩn hóa CĐR của CTĐT ngành KTCT: xác định rõ các chuẩn; xác định thang đo khoa học để xác định đóng góp của các HP vào CĐR; sử dụng các động từ phù hợp theo thang nhận thức. Mỗi chuẩn nên đơn nội hàm.

Học viện cần có hướng dẫn, tập huấn cho CB quản lí, GV về xây dựng CTĐT, xây dựng các ma trận kết nối giữa giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu của CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***3. Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kì rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

#### 1. Điểm mạnh

Trong chu kì đánh giá, Học viện đã có 2 phiên bản CĐR năm 2018 và năm 2020. Các phiên bản CĐR đã phản ánh được yêu cầu của các BLQ. Khi rà soát sửa đổi CTĐT, Học viện đã khảo sát ý kiến các BLQ như SV cuối khóa, cựu SV, NTD và GV về CĐR (Số 2244/QĐ-HVBCTT ngày 22/05/2018; số 2643/QĐ-HVBCTT ngày 29/4/2020; số 3094/HD-HVBCTT-ĐT ngày 18/6/2018; số 2645/HD-HVBCTT-ĐT ngày 29/4/2020; số 3056/KH-HVBCTT ngày 15/05/2020). Ví dụ, năm 2021, Học viện đã khảo sát 19 SVTN với 20 câu hỏi về mức độ đạt được CĐR, về CTĐT, về hoạt động KTĐG. Khảo sát SV trước tốt nghiệp về 21 tiêu chí liên quan đến mục tiêu đào tạo và CĐR.

Lần rà soát năm 2018, CĐR được công bố gồm 31 chuẩn trong đó 16 chuẩn về kiến thức 10 chuẩn về kĩ năng, 5 chuẩn năng lực tự chủ và trách nhiệm. Đến năm 2020, CĐR được cô đọng lại, gồm 17 chuẩn, trong đó 7 chuẩn thuộc về kiến thức, 7 chuẩn thuộc kĩ năng và 3 chuẩn thuộc chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

CĐR của CTĐT được Học viện công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: trên cổng thông tin điện tử của Học viện, được truyền thông trong các kỳ tuyển sinh, được phổ biến cho SV đầu khóa trong “Tuần sinh hoạt công dân”, được Khoa phổ biến để định hướng cho SV học tập hướng đến đạt CĐR.

#### 2. Điểm tồn tại

Học viện đã lấy ý kiến các BLQ về mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, tuy nhiên chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến riêng đối với các đối tượng là SV trước tốt nghiệp, NTD cho ngành KTCT.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát lại phiếu khảo sát để lấy ý kiến trực tiếp vào CDR cần rà soát; cần khảo sát theo ngành; nên tổ chức nhiều hình thức khảo sát/xin ý kiến để thu được kiến của các BLQ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Ngành KTCT được đào tạo từ năm 2018 theo quyết định Bộ GD&ĐT, trước đó từ năm 1976 đào tạo chuyên ngành KTCT thuộc ngành Kinh tế. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã có hai phiên bản CTĐT ngành KTCT năm 2018 và năm 2020. Tất cả các phiên bản của CTĐT KTCT đều có mục tiêu chung. CTĐT năm 2020, ngoài mục tiêu chung còn có 16 mục tiêu cụ thể về kiến thức, mục tiêu cụ thể về kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và mục tiêu về phẩm chất chính trị đạo đức. Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành KTCT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của HVBC&TT, phù hợp với mục tiêu GDĐH quy định tại Luật GDĐH.

Học viện có hai phiên bản bản mô tả CTĐT ngành KTCT trong chu kỳ đánh giá, tương ứng có 2 phiên bản CDR của CTĐT năm 2018 và năm 2020. CDR của CTĐT năm 2018 và năm 2020 đều bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng, chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. Trong đó CDR năm 2020 gồm 17 chuẩn, trong đó có 7 chuẩn về kiến thức, 7 chuẩn về kỹ năng, 3 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Học viện đã xây dựng ma trận kỹ năng liên kết giữa HP và CDR với thang đo Bloom. CDR về Ngoại ngữ bậc 3/6; CDR về CNTT chuẩn theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông ban hành ngày 11/03/2014.

CDR được rà soát, điều chỉnh hai lần trong chu kỳ kiểm định. Khi rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT, Học viện lấy ý kiến của các BLQ: NTD, cựu SV, SV năm cuối, GV.

CDR, CTĐT được Học viện công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

CTĐT ngành KTCT chưa thể hiện rõ một số nội dung của Khung năng lực quốc gia “... kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện”, “... có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện...” của quyết định số 1982/QĐ-TT ngày 18/10/2016. Ba mục tiêu chung về đào tạo - kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy, năng lực tham mưu tư vấn, kỹ năng làm truyền thông kinh tế - chỉ là một số vị trí/chức danh NH sau tốt nghiệp có thể làm việc.

CTĐT xác định quá nhiều mục tiêu cụ thể (16 mục tiêu cụ thể), vì vậy một số mục tiêu cụ thể trùng lặp với CĐR.

Một số PLO (PLO12, PLO13, PLO14) bao gồm nhiều nội hàm rất khác nhau, thang đo nhận thức khác nhau gây ra khó khăn trong đánh giá, đo lường chuẩn. Ma trận kết hợp giữa HP và CĐR năm 2020 có thang đo ở các mức "cao", "trung", "thấp" không được định nghĩa rõ ràng.

Học viện đã lấy ý kiến các BLQ về mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT, tuy nhiên chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến riêng đối với các đối tượng là SV trước tốt nghiệp, NTD cho ngành KTCT.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Khoa cần rà soát mục tiêu đào tạo của ngành KTCT, chuẩn hóa lại mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể mang tính khả thi cao và không nhầm lẫn với CĐR; xác định rõ CĐR, xác định thang đo khoa học, sử dụng các động từ phù hợp theo thang nhận thức đảm bảo đáp ứng khung năng lực quốc gia theo Quyết định 1982 ngày 18/10/2016 của Thủ tướng. Học viện cần có hướng dẫn, tập huấn cho CB quản lí, GV về xây dựng CTĐT, xây dựng các ma trận kết nối giữa giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu của CTĐT.

Học viện cần rà soát lại phiếu khảo sát để lấy ý kiến trực tiếp vào CĐR cần rà soát; cần khảo sát theo ngành; nên tổ chức hình thức khảo sát/xin ý kiến khác để thu được nhiều kiến của BLQ.

## **II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **1. Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.**

#### **1. Điểm mạnh**

Trong chu kỳ đánh giá có hai phiên bản bản mô tả CTĐT năm 2018 và năm 2020. Các phiên bản này có các thông tin cơ bản theo quy định: tên cơ sở giáo dục (CSGD); tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu; CĐR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận CĐR, mô tả HP, ma trận kỹ năng...

Bản mô tả CTĐT năm 2018 đã cập nhật được rất nhiều thay đổi so với 2016: điều chỉnh mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, điều chỉnh CĐR, từ 31 chuẩn xuống 17 chuẩn, biểu đạt các chuẩn có căn cứ hơn, mã hóa được CĐR; bổ sung và hoàn thiện các ma trận kết nối giữa các HP với CĐR, ma trận giữa phương pháp dạy học (PPDH) với CĐR, ma trận kết nối kiểm tra, đánh giá với CĐR; số tín chỉ tăng từ 128 lên 130; kiến thức đại cương giảm từ 59 xuống 47 tín chỉ. Bản mô tả năm 2020 so với năm 2018 đã mã hóa được các mục tiêu cụ thể.

## 2. Điểm tồn tại

Ma trận kỹ năng năm 2018 xác định thang đo năng lực ở mức 2 đối với tất cả các HP có đóng góp vào chuẩn. Ma trận kỹ năng năm 2020, thang đo ở mức "cao", "trung bình" và "thấp".

Bản mô tả thiếu cấu trúc/HP, kế hoạch đào tạo suốt 4 năm, các tổ hợp tự chọn...

Việc ban hành các văn bản CTĐT, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT chưa được ban hành đồng bộ.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong đợt rà soát tiếp theo, Học viện nên ban hành bản CTĐT, bản mô tả CTĐT và ĐCCT một cách đồng bộ; đảm bảo xác định thang đo năng lực chuẩn trong ma trận kỹ năng; cần đảm bảo nội dung các bản mô tả theo quy định; đảm bảo định kỳ rà soát theo Thông tư 17/2021/TT- BGDDT ngày 22/6/2021; cần công khai đầy đủ CTĐT, bản mô tả CTĐT, ĐCCT trên website.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

## **2. Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

### 1. Điểm mạnh

Dựa trên CTĐT của ngành KTCT, Khoa đã xây dựng ĐCCT cho tất cả các HP trong CTĐT theo hướng dẫn và quy định của Học viện. Tất cả các ĐCCT HP có đầy đủ thông tin: Tên HP, tên đơn vị phụ trách, tên GV đảm nhận giảng dạy, số tín chỉ của HP, mục tiêu và CĐR, ma trận kết nối CĐR và nội dung HP; lịch trình, nội dung giảng dạy, tài liệu đọc bắt buộc, tài liệu đọc tham khảo trong từng buổi học; PPDH, phương pháp KTĐG; yêu cầu và tiêu chí đánh giá; ...

Khi rà soát, đổi mới CTĐT, Học viện ban hành Hướng dẫn và Kế hoạch rà soát (Số 2244/QĐ-HVBCTT ngày 22/05/2018; số 6521/KH\_HVBCTT ngày 28/12/2018; số 3900/ KH-HVBCTT ngày 30/6/2020; số 2646/HD-HVBCT, ngày 9/7/2020). Khoa KTCT rà soát và cải tiến CTĐT, cùng với đó là tất cả các đề cương các HP cũng được rà soát. Trong giai đoạn KĐCLGD, Khoa đã 2 lần rà soát, cập nhật các đề cương học phần vào các năm 2018 và năm 2020. Trong lần rà soát, cập nhật năm 2018, Khoa đã bổ sung CĐR của HP, ma trận kết nối giữa nội dung các HP với CĐR của HP. Đợt rà soát, cập nhật năm 2020, Khoa đã: tham chiếu, đối sánh và cập nhật theo CĐR mới của CTĐT; đã bổ sung, hoàn thiện hơn ma trận liên kết nội dung HP với CĐR của HP, phương thức KTĐG với CĐR của HP; các nội dung sẽ được kiểm tra, đánh giá trong quá trình học và bài thi cuối kỳ; ...

## 2. Điểm tồn tại



Một số ĐCCT: (i) Còn sử dụng giáo trình xuất bản trước 5 năm (Giáo trình Kinh tế phát triển, Lịch sử các học thuyết kinh tế,..); (ii) Sử dụng bài giảng làm giáo trình/tài liệu lưu hành nội bộ ( HP Xác suất thống kê, Thị trường chứng khoán, Lịch sử kinh tế quốc dân); (iii) viết tên giáo trình không đầy đủ (thiếu tên tác giả, năm xuất bản, nhà xuất bản (HP Đạo đức học, Lí luận dạy và học...)).

Mặc dù các ĐCCT có xác lập ma trận kỹ năng của HP nhưng chưa có thang đo. Nhiều CĐR của HP biểu đạt bằng các động từ không phù hợp (Lịch sử kinh tế quốc dân, Kinh tế tài nguyên môi trường, ...).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát lại kết nối HP và CĐR, kết nối các chương mục/bài giảng với CĐR của CTĐT và CĐR HP; rà soát giáo trình, tài liệu tham khảo được sử dụng cho từng HP ghi trong ĐCCT, đảm bảo tài liệu chính và tài liệu tham khảo đúng quy định của Học viện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4).

### **3. Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận**

#### 1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT CTĐT ngành KTCT được công khai hóa bằng nhiều hình thức khác: trên trang thông tin điện tử của Học viện, trên trang thông tin học tập trực tuyến; được đóng quyển để lưu giữ tại thư viện, các phòng chức năng và các văn phòng khoa. Trong các đợt tuyển sinh hằng năm, thông tin về CTĐT ngành KTCT được truyền thông đến phụ huynh, học sinh.

ĐCCT được GV phổ biến, hướng dẫn cách tra cứu cho SV vào buổi học đầu tiên của HP.

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT trên nhiều kênh thông tin đã giúp các BLQ có thể tiếp cận và sử dụng được.

#### 2. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tuy được công khai hóa, nhưng tìm kiếm và tra cứu chưa được thuận tiện đối với các BLQ ngoài Học viện; một số thông tin còn chưa chuẩn khi đưa lên web (Bản mô tả CTĐT đào tạo trên web nhưng tên tiêu là quyết định ban hành CTĐT, khung chương trình nhưng nội dung là mô tả HP, ...).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần thiết kế để công khai hóa bản mô tả CTĐT và ĐCCT trên trang thông tin điện tử ở vị trí/thư mục dễ tìm kiếm. ĐCCT nên được thiết kế để tra cứu dưới dạng cơ

sở dữ liệu để sử dụng hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện có hai phiên bản bản mô tả CTĐT năm 2018 và năm 2020. Các phiên bản này có các thông tin cơ bản theo quy định: tên CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu; CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận CDR, mô tả HP, ma trận kỹ năng.

Bản mô tả CTĐT năm 2018 đã cập nhật được nhiều thay đổi so với 2016: điều chỉnh mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, điều chỉnh CDR, từ 31 chuẩn xuống 17 chuẩn, biểu đạt các chuẩn có căn cứ hơn, mã hóa được CDR; bổ sung và hoàn thiện các ma trận kết nối giữa các HP với CDR, ma trận giữa PPDH với CDR, ma trận kết nối kiểm tra, đánh giá với CDR; số tín chỉ tăng từ 128 lên 130; kiến thức đại cương giảm từ 59 xuống 47 tín chỉ. Bản mô tả năm 2020 so với năm 2018 đã mã hóa được các mục tiêu cụ thể.

Khoa đã xây dựng ĐCCT cho tất cả các HP trong CTĐT theo hướng dẫn và quy định của Học viện. Tất cả các ĐCCT HP có đầy đủ thông tin. Học viện đã định kỳ rà soát và cải tiến các đề cương các HP. Học viện đã 2 lần rà soát, cập nhật các đề cương học phần vào các năm 2018 và năm 2020. Trong lần rà soát, cập nhật năm 2018, Khoa đã bổ sung CDR của HP, ma trận kết nối giữa nội dung các HP với CDR của HP. Đợt rà soát, cập nhật năm 2020, Khoa đã: tham chiếu, đối sánh và cập nhật theo CDR mới của CTĐT; đã bổ sung, hoàn thiện hơn ma trận liên kết nội dung HP với CDR của HP, phương thức KTĐG với CDR của HP; các nội dung sẽ được KTĐG trong quá trình học và bài thi cuối kỳ, ...

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT CTĐT ngành KTCT được công khai hóa bằng nhiều hình thức khác nhau: trên trang thông tin điện tử của Học viện, trên trang thông tin học tập trực tuyến; được đóng quyển để lưu giữ tại thư viện, các phòng chức năng và các văn phòng khoa; được truyền thông đến phụ huynh, học sinh trong kỳ tuyển sinh. ĐCCT được GV phổ biến, hướng dẫn cách tra cứu cho SV vào buổi học đầu tiên của HP. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT trên nhiều kênh thông tin đã giúp các BLQ có thể tiếp cận và sử dụng được.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Ma trận kỹ năng năm 2018 xác định thang đo năng lực ở mức 2 đối với tất cả các HP có đóng góp vào chuẩn. Ma trận kỹ năng năm 2020, thang đo ở mức "cao", "trung

binh" và "thấp". Bản mô tả thiếu cấu trúc/HP, kế hoạch đào tạo suốt 4 năm, các tổ hợp tự chọn, ... Việc ban hành các văn bản CTĐT, bản mô tả CTĐT và ĐCCT chưa được ban hành đồng bộ.

Học viện cần rà soát lại kết nối HP và CĐR, kết nối các chương mục/bài giảng với CĐR của CTĐT và CĐR HP; rà soát giáo trình, tài liệu tham khảo được sử dụng cho từng HP ghi trong ĐCCT, đảm bảo tài liệu chính và tài liệu tham khảo đúng quy định của Học viện.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT tuy được công khai hóa, nhưng tìm kiếm và tra cứu chưa được thuận tiện đối với các BLQ; một số thông tin còn chưa được chuẩn khi đưa lên web.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Trong đợt rà soát tiếp theo, Học viện nên ban hành bản CTĐT kèm theo bản mô tả CTĐT và ĐCCT; đảm bảo xác định thang đo chuẩn trong ma trận kỹ năng; cần đảm bảo nội dung các bản mô tả theo quy định; đảm bảo định kỳ rà soát theo Thông tư 17/2021/TT- BGDDT ngày 22/6/2021; cần công khai đầy đủ CTĐT, bản mô tả CTĐT, ĐCCT trên website.

Học viện cần rà soát lại kết nối HP và CĐR, kết nối các chương mục/bài giảng với CĐR của CTĐT và CĐR HP; rà soát giáo trình, tài liệu tham khảo được sử dụng cho từng HP ghi trong ĐCCT, đảm bảo tài liệu chính và tài liệu tham khảo đúng quy định của Học viện.

Cần thiết kế để công khai hóa bản mô tả CTĐT và ĐCCT trên trang thông tin điện tử ở vị trí/thư mục dễ tìm kiếm. ĐCCT nên được thiết kế để tra cứu dưới dạng cơ sở dữ liệu sử dụng dễ dàng hơn.

### **III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### ***1. Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

##### ***1. Điểm mạnh***

Các phiên bản CTĐT KTCT đều có CĐR. CTDH đều được thiết kế dựa trên CĐR. CTĐT phiên bản 2020 có 17 CĐR, trong đó 7 chuẩn về kiến thức, 7 chuẩn về kỹ năng, 3 chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm. CTDH có 130 tín chỉ được thiết kế theo các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức bổ trợ, kiến thức chuyên ngành. Mỗi nhóm kiến thức đáp ứng các chuẩn nhất định. Các HP/các khối kiến thức của CTDH được xác định dựa trên các CĐR. Ví dụ: PLO1 "Xác định được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ...", Học viện đã thiết kế 6 HP: Triết học Mác-Lênin, KTCT Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử

Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

100% ĐCCT đã xây dựng các hình thức tổ chức dạy và học. Các hình thức dạy học gồm: dạy học lí thuyết, thực hành, tự học, e-learning, blended learning. Các PPGD: phương pháp thuyết giảng, phương pháp tương tác, phương pháp gián tiếp và phương pháp trải nghiệm. Học viện đã xây dựng được ma trận liên kết giữa PPGD và CDR của CTĐT

100% ĐCCT các HP đều có phương pháp KTĐG. Học viện đánh giá theo quá trình với ba đầu điểm: chuyên cần, bài đánh giá giữa kỳ và bài cuối kỳ. Tùy từng HP trọng số có khác nhau, thông thường bài cuối kỳ có trọng số từ 50% đến 60%. Các hình thức, phương pháp KTĐG thường xuyên, định kỳ cũng như bài cuối kỳ được thiết kế nhằm đảm bảo đạt CDR. Kiểm tra trắc nghiệm nhằm đánh giá khả năng ghi nhớ và hiểu biết các kiến thức; kiểm tra viết nhằm đánh giá kĩ năng phân tích, lập luận; kĩ năng vận dụng kiến thức để phân tích, lí giải các sự kiện và hiện tượng. Kiểm tra vấn đáp nhằm đánh giá kĩ năng phân tích, lập luận, kĩ năng giao tiếp của NH. Khóa luận tốt nghiệp đánh giá năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng. Học viện đã xây dựng được ma trận liên kết giữa phương pháp KTĐG và CDR của CTĐT.

## 2. Điểm tồn tại

Ma trận kĩ năng có một số sai sót dẫn đến biểu đạt CTDH xây dựng trên cơ sở CDR chưa phù hợp.

Mặc dù Học viện có một số seminar về PPGD tích cực, tuy vậy chưa có tổng kết/hội thảo về phương pháp KTĐG để thảo luận và xác định cách đánh giá năng lực của SV theo ĐCCT và CTĐT.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát lại kết nối giữa CTDH và CDR để xác lập sự phù hợp các HP nhằm đáp ứng CDR; cần có tổng kết về phương pháp KTĐG KQHT để kịp thời đưa tìm ra các đánh giá hiệu quả hơn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***2. Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng***

### 1. Điểm mạnh

Học viện đã xác định đóng góp của từng HP vào đạt được CDR của CTĐT. Đóng góp của mỗi HP vào CDR được thể hiện ở ma trận kĩ năng mô tả liên hệ từng HP với CDR của CTĐT. Ma trận kĩ năng của CTĐT năm 2020 mô tả đóng góp của 67 HP vào các CDR của CTĐT.

100% HP trong CTDH ngành KTCT xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG. Các PPDH được ghi nhận trong từng ĐCCT, phù hợp với HP (HP thuộc kiến thức chung, khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành, ngành) hướng tới đạt CĐR của HP. Học viện đánh giá KQHT của SV ở các HP theo quá trình gồm 3 thành phần điểm-điểm chuyên cần (10% đến 20%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%) và bài thi cuối kỳ (50% đến 60%), được ghi trong ĐCCT.

Kết thúc học kỳ khoa/bộ môn họp tổng kết đánh giá, triển khai nhiệm vụ chuyên môn có lấy ý kiến của đội ngũ GV, CBQL về nội dung HP nhằm đảm bảo đạt được CĐR.

Khảo sát 72 SV KTCT và Kinh tế cuối khóa năm 2020 cho thấy 83% ý kiến đánh giá ở mức "hài lòng" và "hoàn toàn hài lòng" về tổ hợp PPGD-học tập giúp đạt CĐR; 79,2% ý kiến đánh giá "hài lòng" và "hoàn toàn hài lòng" phương pháp giảng dạy trong CTĐT khuyến khích sự tham gia tích cực của NH.

## 2. Điểm tồn tại

Đóng góp của một số HP vào CĐR của CTĐT chưa chính xác. Ví dụ, các HP "Kinh tế học", "Kinh tế tài nguyên môi trường", ... không có đóng góp vào "Phân tích được các vấn đề cơ bản của kinh tế, vận dụng các lí thuyết kinh tế vĩ mô và vi mô vào thực tiễn (PLO3)", trong khi đó "Tâm lí học sư phạm", "Lí luận dạy ĐH", ... lại có đóng góp ở mức cao là không phù hợp. Kết nối giữa chương mục/bài giảng với CĐR của CTĐT ở một số HP không chuẩn (HP "KTCT Mác-Lênin" kết nối các chuẩn không có (chuẩn 22, 23,27,30)). Nhiều HP biểu đạt về CĐR HP không rõ, đa nội hàm, khó đánh giá được; dùng nhiều mức nhận thức ("vận dụng", "phân tích", "đánh giá") trong cùng một CĐR. ĐCCT mới xác định có quan hệ giữa chương mục/bài giảng với CĐR, chưa xác định thang đo năng lực như thế nào. Việc khảo sát nội dung của HP chưa được thực hiện.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong đợt rà soát tiếp theo, Nhà trường cần rà soát và hoàn thiện kết nối HP và CĐR của CTĐT, kết nối chương mục/bài giảng, xác định thang đo năng lực mức đóng góp của các HP vào CĐR của CTĐT và của chương mục/bài giảng vào CĐR của HP.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

### **3. Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp**

#### 1. Điểm mạnh

Tất cả các phiên bản của CTĐT đào tạo đều có cấu trúc phù hợp bao gồm: kiến

thức đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kiến thức bút buộc, kiến thức tự chọn. CTDH năm 2020 có 130 tín chỉ không kể các HP Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh. Trong đó, khối kiến thức đại cương chiếm 34,62%; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 65,38 %. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành chiếm 13,85% (18/130), kiến thức ngành 21,54%, kiến thức chuyên ngành 23,08%, bổ trợ 6,92%. Toàn CTDH có 5 module tổ hợp tự chọn chiếm 26,2% (34 tín chỉ). Kết cấu CTDH là hợp lí. Các HP được bố trí giảng dạy hợp lí, liên kết thành 1 khối, từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành, bổ trợ ngành, ngành và chuyên ngành. Thời lượng của từng HP là phù hợp.

Khi điều chỉnh CTĐT, Học viện đã lấy ý kiến các BLQ và tham khảo các CTĐT của một số trường ĐH trong nước: Trường ĐH Kinh tế - ĐH Huế, ĐH Sư phạm Hà Nội. Học viện đối sánh về các HP, thời lượng, kết cấu các khối kiến thức.

## 2. Điểm tồn tại

Khi khảo sát cựu SV, Khoa chưa phân tích vị trí việc làm ứng với 3 mục tiêu đào tạo (giáo viên, tư vấn, truyền thông kinh tế), kết hợp với phân tích cấu trúc CTDH nhằm theo các mục tiêu này. Do vậy cơ sở để điều chỉnh hướng tới mục tiêu chưa rõ.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên tham chiếu giữa kết quả khảo sát vị trí SV đang làm việc của cựu SV ngành KTCT và kết cấu của CTDH để điều chỉnh CTDH hiệu quả hơn.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

CTDH có 130 tín chỉ được thể kế theo các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức bổ trợ, kiến thức chuyên ngành. Mỗi nhóm kiến thức/HP được xây dựng dựa trên các chuẩn nhất định. Ma trận kĩ năng cho kết nối giữa các HP của CTDH với các CĐR. 100% ĐCCT đã xây dựng các hình thức tổ chức dạy và học. Các hình thức dạy - học gồm: dạy học lí thuyết, thực hành, tự học, e-learning, blended learning. Các PPGD: phương pháp thuyết giảng, phương pháp tương tác, phương pháp gián tiếp và phương pháp trải nghiệm. Học viện đã xây dựng được ma trận liên kết giữa PPGD và CĐR của CTĐT. 100% ĐCCT các HP đều có phương pháp KTĐG. Học viện đánh giá theo quá trình với ba đầu điểm. Trọng số điểm chuyên cần, bài đánh giá giữa kỳ và bài cuối kỳ tùy từng HP. Học viện đã xây dựng được ma trận liên kết giữa phương pháp KTĐG và CĐR của CTĐT.

Học viện đã xác định đóng góp của từng HP vào đạt được CĐR của CTĐT. Ma

trận kĩ năng của CTĐT năm 2020 mô tả đóng góp của 67 HP vào các CDR của CTĐT. 100% HP trong CTDH ngành KTCT xác định rõ tổ hợp các PPDH, phương pháp KTĐG. Các PPDH được ghi nhận trong từng ĐCCT, phù hợp với môn học. Kết thúc học kỳ khoa/bộ môn họp tổng kết đánh giá, triển khai nhiệm vụ chuyên môn có lấy ý kiến của đội ngũ GV, CBQL về nội dung HP nhằm đảm bảo đạt được CDR.

Khảo sát 72 SV ngành KTCT và kinh tế năm 2020, kết quả cho biết trên 83% ý kiến đánh giá ở mức "hài lòng" và "hoàn toàn hài lòng" về tổ hợp PPGD-học tập giúp đạt CDR; 79,2% ý kiến đánh giá "hài lòng" và "hoàn toàn hài lòng" phương pháp giảng dạy trong CTĐT khuyến khích sự tham gia tích cực của NH.

Tất cả các phiên bản của CTĐT đào tạo đều có cấu trúc phù hợp bao gồm: kiến thức đại cương, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kiến thức bắt buộc, kiến thức tự chọn. CTDH năm 2020 có 130 tín chỉ; kiến thức đại cương chiếm 34,62%; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 65,38 %. Trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành chiếm 13,85% (18/130), kiến thức ngành 21,54%, kiến thức chuyên ngành 23,08%, bổ trợ 6,92%. Toàn CTDH có 5 module tổ hợp tự chọn chiếm 26,2% số tín chỉ. Kết cấu CTDH là hợp lí.

Các HP được bố trí giảng dạy hợp lí, liên kết thành 1 khối, từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành, bổ trợ ngành, ngành và chuyên ngành. Thời lượng của từng HP là phù hợp. Khi điều chỉnh CTĐT, Học viện đã lấy ý kiến các BLQ và tham khảo các CTĐT của một số trường ĐH trong nước.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Ma trận kĩ năng có một số sai sót dẫn đến biểu đạt CTDH xây dựng trên cơ sở CDR chưa phù hợp. Mặc dù Học viện có một số seminar về PPGD tích cực, tuy vậy chưa có tổng kết/hội thảo về phương pháp KTĐG để thảo luận và xác định cách đánh giá năng lực của SV theo ĐCCT và CTĐT.

Đóng góp của một số HP và CDR của CTĐT chưa chuẩn. Kết nối giữa chương mục/bài giảng với CDR của CTĐT, CDR của HP ở một số HP không chuẩn dẫn đến hiểu không đúng về HP/chương mục HP được xây dựng trên cơ sở CDR.

Nhiều HP biểu đạt về CDR HP không rõ, đa nội hàm, khó đánh giá được; dùng nhiều mức nhận thức ("vận dụng", "phân tích", "đánh giá") trong cùng một CDR. ĐCCT mới xác định có quan hệ giữa chương mục/bài giảng với CDR, chưa xác định mức độ như thế nào. Việc khảo sát nội dung của HP chưa được thực hiện. Khi khảo sát cựu SV, Khoa chưa phân tích vị trí việc làm ứng với 3 mục tiêu đào tạo (giáo viên, tư vấn, truyền thông kinh tế), kết hợp với phân tích cấu trúc CTDH nhằm theo các mục tiêu này. Do vậy cơ sở để điều chỉnh hướng tới mục tiêu chưa rõ.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần rà soát lại kết nối giữa CTDH và CĐR để xác lập sự phù hợp các HP nhằm đáp ứng CĐR; cần có tổng kết về phương pháp đánh giá KQHT để kịp thời đưa tìm ra các đánh giá hiệu quả hơn.

Trong đợt rà soát tiếp theo, Nhà trường cần rà soát và hoàn thiện kết nối HP và CĐR của CTĐT, kết nối chương mục/bài giảng, xác định thang đo năng lực mức đóng góp của các học phần vào CĐR của CTĐT và của chương mục/bài giảng vào CĐR của HP.

Học viện nên tham chiếu giữa kết quả khảo sát vị trí SV đang làm việc của cựu SV ngành KTCT và kết cấu của CTDH để điều chỉnh CTDH hiệu quả hơn.

#### **IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### ***1. Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

###### **1. Điểm mạnh**

Học viện đã tuyên bố TLGD của mình "Học để làm việc, làm người, làm CB; học để phụng sự Đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại" (Số 6900/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2021). Mục tiêu chiến lược của Học viện đã được xác định trong CLPT Học viện đến năm 2035, tầm nhìn 2050 (Số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018) là: "... đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng văn hóa, báo chí truyền thông tại Việt Nam và khu vực"

Mục tiêu trong CLPT của Học viện khi xây dựng đã được thảo luận trong các hội nghị của Đảng bộ, của Học viện, tại các cuộc họp của Khoa và được phổ biến rộng rãi cho các CBGV, NV, NH và tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở mục tiêu đào tạo, khi đổi mới ngành KTCT Khoa đã cập nhật mục tiêu đào tạo, CĐR và CTDH của ngành KTCT.

TLGD, mục tiêu đào tạo của Học viện được công bố bằng văn bản; được công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường và trang fanpage của Khoa; được gửi đến CBGV, NV qua đường công văn. Mục tiêu chiến lược đã được phổ biến đến NH thông qua sinh hoạt công dân đầu khóa, được phổ biến ở các buổi đối thoại giữa NH và lãnh đạo Khoa/lãnh đạo Học viện; thông qua Sổ tay SV; thông qua các bài phát biểu trong các sự kiện đã truyền tải tới NH, cựu NH và các doanh nghiệp.

###### **2. Điểm tồn tại**

Học viện mới công bố TLGD, còn một số người chưa biết, hiểu đầy đủ về TLGD; cần nhiều thời gian đánh giá các CTĐT đã quán triệt TLGD như thế nào. Trong khi mục tiêu đào tạo của Học viện được phát biểu song chưa thật rõ ràng, tường



minh, còn lẫn vào mục tiêu CLPT của Học viện. Học viện cũng chưa có văn bản hướng dẫn việc chuyển tải mục tiêu đào tạo trong CLPT vào nội dung CTĐT trong quá trình thiết kế, cập nhật CTĐT

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần truyền thông đa dạng hơn về TLGD; cần làm rõ hơn mục tiêu giáo dục của Học viện; cần có văn bản hướng dẫn truyền tải TLGD, mục tiêu giáo dục vào xây dựng và phát triển CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***2. Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

### 1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT (mục 7.4) đã gợi ý 4 nhóm (Dạy học tương tác, Dạy gián tiếp, Dạy trải nghiệm, và SV tuyệt trình) gồm 9 PPGD cụ thể. Tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học được Khoa/Bộ môn thảo luận, lựa chọn, phù hợp với từng HP để đạt được CĐR. Tổ hợp các hoạt động dạy và học được thể hiện trong các đề cương HP. Sự đóng góp của các hoạt động dạy - học để đạt CĐR được thể hiện trong ma trận kết nối PPGD với CĐR của CTĐT. Theo đó, các hoạt động giảng dạy phân biệt đối với các HP mang tính lí thuyết, thực hành, các HP trải nghiệm. Đối với các HP lí thuyết hoạt động giảng dạy chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống/vấn đề, mô phỏng, ... Ví dụ, trong CTDH phê duyệt năm 2020 các hoạt động/tổ hợp PPGD thông qua thuyết giảng và thảo luận nhóm giúp SV đạt được các CĐR: PLO1, PLO2, PLO3, PLO4 PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, và PLO16, PLO17; Phương pháp nhập vai, phương pháp thực hành giúp cho SV đạt được các CĐR từ PLO2 đến PLO7.

Các hoạt động dạy và học được thiết kế khá đa dạng nhằm đạt được CĐR. Mục 5 trong các ĐCCT quy định các hoạt động dạy và học: hoạt động giảng dạy trên lớp; viết niên luận, khóa luận, thực tập và NCKH SV; và các hoạt động ngoại khóa khác như trao đổi SV, các cuộc thi của SV, tọa đàm, hội thảo. GV áp dụng nhiều PPGD khác nhau như thuyết trình, thảo luận nhóm, nói chuyện với chuyên gia, bài tập tình huống, bài tập thực hành. Các PPDH được sử dụng linh hoạt theo tính chất HP và đối tượng SV. Công nghệ được sử dụng trong hoạt động dạy và học kết hợp hình thức giảng dạy online và offline. Các phần mềm hỗ trợ học tập như Microsoft Teams cũng được sử dụng trong dạy và học.

Khoa và GV đã hướng dẫn SV sử dụng các phương pháp học, các hoạt động học tập phù hợp để SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. PPDH

và học nhấn mạnh vào việc phát huy tính chủ động của SV trong việc tiếp thu kiến thức cũng như phát triển các kỹ năng cần thiết cho SV. Mục 5 trong ĐCCT ở từng chương/ mục đã chỉ ra các mục, tài liệu, thu thập dữ liệu, chuẩn bị slides, ... yêu cầu SV chuẩn bị cho bài học; nêu ra yêu cầu về chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng SV cần đạt được ở chương/mục này. GV hướng dẫn quá trình thực hiện các bài tập nhóm và định hướng thảo luận trên lớp. Các bài tập nhóm và thuyết trình nhóm đòi hỏi SV phải tự tìm tòi, thu thập và xử lý các số liệu và tài liệu, phát hiện và giải quyết vấn đề, qua đó tăng khả năng của SV trong việc áp dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Học viện đã khảo sát hoạt động giảng dạy của GV trong từng học kỳ chính của các năm trong chu kỳ đánh giá với 19 tiêu chí. Khảo sát học kỳ II năm học 2019-2020, các GV đều được đánh giá ở mức "hài lòng" và "hoàn toàn hài lòng" đạt từ 80,8% trở lên về câu hỏi "GV sử dụng tổ hợp các PPGD. Khảo sát SV trước khi ra Học viện ở năm 2020, 79,2% ý kiến đánh giá ở mức "hài lòng" và "hoàn toàn hài lòng" với 'phương pháp dạy-học phát triển được kỹ năng nghề nghiệp cho NH".

Qua phỏng vấn GV tham gia giảng dạy ngành KTCT, GV sử dụng tổ hợp các phương pháp, linh hoạt trong giảng dạy HP.

## 2. Điểm tồn tại

Khi khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, Học viện chưa tổng hợp cấp ngành/khoa theo từng câu hỏi để biết nhưng điểm mạnh, điểm yếu về thực hiện giảng dạy của GV để cải thiện

Qua phỏng vấn GV cho thấy GV chưa trực tiếp nhận được kết quả khảo sát mà được lãnh đạo khoa thông báo, kết quả khảo sát về các tiêu chí cũng không biết.

Học viện chưa tổ chức tổng kết đánh giá việc dạy và học trực tuyến. Khoa chưa đánh giá các PPDH.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khi khảo sát các BLQ nói chung và khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, Học viện cần phân tích chi tiết, phân tích theo nhiều khía cạnh khác nhau để thu được nhiều thông tin, so sánh được các tiêu chí, so sánh các đơn vị. Trên cơ sở đó có chính sách phù hợp để cải tiến. Học viện cần chuyển tải trực tiếp kết quả khảo sát cho từng giáo viên.

Khoa cần tổng kết/hội thảo về các PPDH cho ngành KTCT để tìm phương pháp mới, hoàn thiện trao đổi kinh nghiệm các phương pháp đang thực hiện.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### **3. Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

#### 1. Điểm mạnh

100% ĐCCT, tại mục 5, đều mô tả rõ việc sử dụng các hoạt động dạy-học nhằm giúp SV đạt được kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. ĐCHP quy định rõ nội dung, các hoạt động và PPDH cho từng chương mục/bài giảng, chú trọng vào các hoạt động tự học của SV; phân bổ giờ giảng lý thuyết, giờ làm bài tập, thảo luận, các bài tập nhóm và thuyết trình của SV. Nhiều ĐCCT đều xác định rõ các nghiên cứu tình huống, các bài tập nhóm, và thuyết trình của SV trên lớp. Thông qua đó củng cố các kiến thức lý thuyết và tăng cường khả năng của SV áp dụng lý thuyết vào các vấn đề thực tiễn, cũng như rèn luyện cho SV các kỹ năng mềm thiết yếu như làm việc nhóm, lãnh đạo nhóm, trách nhiệm trong công việc, phân tích, đánh giá, tổng hợp.

100% ĐCHP trong CTĐT đều được phân bổ thời gian tự học, tự nghiên cứu; quy định rõ nội dung, hoạt động và PPDH cho từng chương/mục/tuần, chú trọng vào các hoạt động tự học của SV. Ngoài giờ giảng lý thuyết, giờ làm bài tập, thảo luận, các bài tập nhóm và thuyết trình của SV, tại mục "Yêu cầu đối với SV" yêu cầu SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước khi đến lớp, chuẩn bị các nghiên cứu tình huống, bài tập nhóm, thuyết trình của SV trên lớp. Ngoài hoạt động dạy-học, GV hướng dẫn SV thực hiện NCKH. Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã tổ chức 7 hội thảo khoa học SV, trong đó có hội thảo về "Phương pháp học tập ở bậc ĐH", "Phương pháp học Tiếng Anh chuyên ngành KTCT"; có 4 SV ngành KTCT tham gia NCKH của SV.

Qua phỏng vấn, nhận thấy, SV năng động, tích cực tìm tòi, học hỏi, tham gia các hoạt động ở một số CLB.

#### 2. Điểm tồn tại

Theo đánh giá của Học viện "Còn một bộ phận SV chưa tích cực tham gia vào hoạt động dạy và học ...". Học viện giao số lượng đề tài một lớp còn hạn chế (1 đề tài/1 lớp trong mỗi năm).

#### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên có nhiều giải pháp lôi cuốn, khuyến khích SV NCKH, không hạn chế số lượng đề tài cho một lớp.

#### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

#### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

#### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:**

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện đã tuyên bố TLGD của mình; có mục tiêu về đào tạo được ghi trong

CLPT Học viện. Mục tiêu về đào tạo khi xây dựng đã được thảo luận trong các hội nghị của Đảng bộ, các hội nghị của Học viện, tại các cuộc họp của Khoa và được phổ biến rộng rãi cho các CBGV, NH và tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở mục tiêu đào tạo của Học viện, khi đổi mới ngành KTCT, Khoa đã cập nhật mục tiêu đào tạo, CĐR và CTDH của ngành KTCT.

Bản mô tả CTĐT đã gợi ý 4 nhóm gồm 9 PPGD cụ thể. Tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học được Khoa/Bộ môn thảo luận, lựa chọn, phù hợp với từng HP để đạt được CĐR. Tổ hợp các hoạt động dạy và học được thể hiện trong các đề cương HP. Sự đóng góp của các hoạt động dạy và học để đạt CĐR được thể hiện trong ma trận kết nối PPGD với CĐR của CTĐT. Các hoạt động dạy và học bao gồm: hoạt động giảng dạy trên lớp; viết niên luận, khóa luận, thực tập và NCKH SV; và các hoạt động ngoại khóa khác như trao đổi SV, các cuộc thi của SV, tọa đàm, hội thảo. GV áp dụng tổ hợp PPGD khác nhau như thuyết trình, thảo luận nhóm, nói chuyện với chuyên gia, bài tập tình huống, bài tập thực hành. Công nghệ được sử dụng trong hoạt động dạy và học kết hợp hình thức giảng dạy online và offline; phần mềm hỗ trợ học tập như Microsoft Teams cũng được sử dụng trong dạy và học.

GV đã hướng dẫn SV sử dụng các phương pháp học, các hoạt động học tập phù hợp để SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR. PPDH nhấn mạnh vào việc phát huy tính chủ động của SV trong việc tiếp thu kiến thức cũng như phát triển các kỹ năng cần thiết cho SV, giúp SV đạt được kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. 100% ĐCHP trong CTĐT đều được phân bổ thời gian tự học, tự nghiên cứu; quy định rõ nội dung, hoạt động và PPDH cho từng chương/mục/tuần, chú trọng vào các hoạt động tự học của SV, yêu cầu SV đọc tài liệu, chuẩn bị trước khi đến lớp, chuẩn bị các nghiên cứu tình huống, bài tập nhóm, thuyết trình của SV trên lớp. Ngoài hoạt động dạy và học, GV hướng dẫn SV thực hiện NCKH.

Qua phỏng vấn, nhận thấy, SV năng động, tích cực tìm tòi, học hỏi; tham gia các hoạt động ở một số CLB. Kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của GV cho thấy các GV đều được đánh giá cao về câu hỏi "GV sử dụng tổ hợp các PPGD" và câu hỏi "PPDH phát triển được kỹ năng nghề nghiệp cho NH".

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện mới công bố TLGD ngày 31/12/2021, nên tại thời điểm đánh giá, một số CB, GV và SV chưa nắm được. Việc chuyển tải TLGD vào CTĐT cần có thêm thời gian đánh giá.

Khi khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, Học viện chưa tổng hợp cấp ngành/khoa theo từng câu hỏi để biết những điểm mạnh, điểm yếu về thực hiện giảng dạy của GV để cải thiện. Qua phỏng vấn GV cho thấy, GV chưa trực tiếp nhận được

kết quả khảo sát.

Qua phỏng vấn SV, được biết hằng năm Học viện có tổ chức NCKH, số lượng đề tài giao cho một lớp bị hạn chế (1 đề tài).

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần tổ chức truyền thông đa TLGD, cần làm rõ hơn về nội dung mục tiêu giáo dục của Học viện; cần có văn bản hướng dẫn truyền tải TLGD, mục tiêu giáo dục vào xây dựng và phát triển CTĐT.

Khi khảo sát các BLQ nói chung và khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, Học viện cần phân tích chi tiết, phân tích theo nhiều khía cạnh khác nhau để thu được nhiều thông tin, so sánh được các tiêu chí, so sánh các đơn vị. Trên cơ sở đó có chính sách phù hợp để cải tiến. Học viện cần chuyển tải trực tiếp kết quả khảo sát cho từng GV.

Khoa cần tổng kết/hội thảo về các PPDH cho ngành KTCT để tìm phương pháp mới, hoàn thiện trao đổi kinh nghiệm các phương pháp đang thực hiện.

Học viện nên có nhiều giải pháp lôi cuốn SV tham gia quá trình dạy và học; khuyến khích SV NCKH, không hạn chế số lượng đề tài cho một lớp.

## **V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

***1. Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra***

### **1. Điểm mạnh**

Học viện có hệ thống các văn bản về đánh giá KQHT của NH từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp: Quy định đào tạo ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí của (Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 1/9/2017); Quy định về công tác tổ chức thi HP (Số 1909/QĐ-HVBCTT ngày 14/4/2021; số 1182/QĐ-HVBCTT ngày 16/3/2022, ); Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG HP (Số 2647/HD-HVBCTT ngày 09/07/2020); Quy trình xây dựng, rà soát và cập nhật ngân hàng đề thi (Số 2648/QĐ-HVBCTT ngày 9/7/2020); Quy định làm khóa luận tốt nghiệp hoặc các HP thay thế tốt nghiệp (Số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định phúc khảo bài thi HP (Số 1117/QĐ-HVBCTT ngày 9/3/2018). Ngoài ra, các yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định trong các ĐCHP. Các văn bản đã cho biết rõ quy trình, phương thức, kế hoạch tổ chức đánh giá KQHT NH và được phổ biến, công khai cho NH trên trang web của Học viện, trong Sổ tay SV.

Các quy định, quy trình đánh giá HP đã ra đưa hướng dẫn, thiết kế các công cụ, các phương pháp đánh giá KQHT của SV. Hướng dẫn thiết kế phương pháp

KTĐG HP (Số 2647/HD-HVBCCT ngày 09/7/2020) là cơ sở để Khoa/Bộ môn thiết kế hình thức thi, tiêu chí đánh giá. Văn bản này đã đưa ra 9 hình thức KTĐG, mỗi hình thức có tiêu chí đánh giá. Văn bản cũng xây dựng rubrics đánh giá bài tiểu luận và rubrics đánh giá dự án/sản phẩm/bài tập thực hành. ĐCCT lựa chọn hình thức KTĐG, tiêu chí đánh giá, các nội dung/chủ đề đánh giá HP cũng được ghi chi tiết. Các phương pháp, công cụ phù hợp với từng loại HP đều hướng tới đánh giá mức độ đạt được CĐR của SV.

Các hoạt động/phương pháp KTĐG KQHT của NH được thiết kế khá phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR.

## 2. Điểm tồn tại

Ma trận liên kết phương pháp KTĐG với CĐR của CTĐT xác định chưa đúng, ví dụ, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra viết tự luận, ... không có đóng góp vào các chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Mặc dù Học viện đã xây dựng kết nối phương pháp KTĐG với CĐR của CTĐT, với CĐR của HP, và quy định về ngân hàng thi trắc nghiệm có 4 cấp độ của ngân hàng câu hỏi (25% câu hỏi dễ, 35% câu hỏi trung bình, 25% câu hỏi khó, 15% câu hỏi rất khó), nhưng chưa đủ chi tiết để xây dựng một đề thi do chưa có ma trận đề thi được xây dựng trên khung năng lực và các chương/bài giảng của HP.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần rà soát ma trận kết hợp giữa phương pháp/hình thức KTĐG với CĐR của CTĐT và CĐR của HP nhằm đánh giá đúng mức độ đạt CĐR.

Học viện cần có hướng dẫn đầy đủ về ma trận đề thi, Khoa đẩy nhanh việc xây dựng ma trận đề thi và bổ sung vào ĐCCT HP.

## 4. Những điểm chưa rõ (Nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

***2. Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

### 1. Điểm mạnh

Các quy định cụ thể về đánh giá KQHT NH bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, và thi kết thúc HP, khóa luận tốt nghiệp, các hình thức/phương pháp thi/kiểm tra, đánh giá được ghi trong quy quy chế đào tạo ĐH (Số 3777/QĐ-HVBCCT-ĐT ngày 18/10/2017), trong quy định về công tác tổ chức thi HP (Số 1909/QĐ-HVBCCT ngày 14/4/2021), trong ĐCCT HP. Mỗi HP

đều quy định rõ ràng hình thức thi KTĐG, số bài KTĐG cùng trọng số chi tiết.

Các quy định về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan được công khai hóa bằng nhiều hình thức khác nhau: trên cổng thông tin điện tử của Học viện, trong Sổ tay SV, được lưu trữ ở các khoa/bộ môn, được phổ biến cho SV đầu khóa trong tuần “Giáo dục công đức công dân”.

Học viện thông qua hệ thống CVHT phổ biến đầy đủ đến SV các quy định về KTĐG; GV phụ trách HP phổ biến đến SV quy định về KTĐG HP do GV giảng dạy. Theo kết quả khảo sát ý kiến SV cuối khóa, ngành KTCT và Kinh tế, có 83,3% ý kiến "đồng ý" và "hoàn toàn đồng ý" với câu hỏi "NH hiểu rõ các yêu cầu và tiêu chí đánh giá".

## 2. Điểm tồn tại

Phiếu chấm thi vấn đáp của một số HP (KT02712, KT02713, ...) không ghi thang điểm cho nội dung chi tiết đánh giá mà chỉ ghi tổng số cho từng nội dung; gộp 3 mức "Vận dụng, phân tích, đánh giá", nhưng chỉ chi tiết 2 nội dung ở mức "vận dụng". Phiếu chấm thi tự luận mỗi SV chỉ có 2 dòng cho 2 câu hỏi, không đủ để ghi chi tiết các ý nhỏ.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần nghiên cứu, thiết kế các phiếu chấm phù hợp để ghi chi tiết các ý trong nội dung, đáp án đề thi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## **3. Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng**

### 1. Điểm mạnh

Các HP thuộc ngành KTCT có đa dạng các hình thức KTĐG. Đánh giá giữa kỳ có 5 hình thức: vấn đáp, viết luận, trắc nghiệm trên giấy, thuyết trình, bài tập lớn. 17/39 (43,6%) HP do Khoa quản lí có ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề. Tỷ trọng bài kiểm giữa kỳ theo hình thức tự luận là 46,2%, thuyết trình 32,8%, bài tập lớn 18% và 3% trắc nghiệm trên giấy. Hình thức bài thi cuối kỳ: tự luận 83,6%, trắc nghiệm 1,5%, tiểu luận 8,9% và bài tập lớn (bao gồm cả thực tập, khóa luận tốt nghiệp) 6%. Một số HP xây dựng ma trận đề thi. Đối với khóa luận tốt nghiệp, SV bảo vệ trước hội đồng gồm 3 thành viên.

### 2. Điểm tồn tại

Tuy có một số HP có ma trận đề thi, nhưng ma trận này lại gộp nhiều thang đo nhận thức (vận dụng, phân tích, đánh giá), do vậy không đảm đánh giá được như CDR

HP. Quy định xây dựng và cập nhật ngân hàng đề thi yêu cầu các câu hỏi của ngân hàng câu hỏi theo 4 mức độ chưa đủ chi tiết để xây dựng đề thi đánh giá đúng CĐR. Học viện chưa có quy định về phân tích độ tin cậy, độ giá trị đề thi/câu hỏi thi; Khoa chưa thực hiện nội dung này.

Kiểm tra ngẫu nhiên một số túi bài thi: nhận thấy phiếu chấm không chi tiết; 3 túi không có bút tích/điểm trên bài (KT03116, KT02406, KT02001); Đáp án không chi tiết, còn có câu đề ở mức 2-3 điểm (KT03119, KT02704, KT03116, KT02406).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần đưa vào quy định về làm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi nội dung về phân tích độ tin cậy, độ giá trị của đề thi và thực hiện việc phân tích ở mỗi học kỳ; cần xây dựng ma trận đề thi theo khung nhận thức, chia theo số chương/bài giảng.

Học viện cần giám sát tốt hơn công tác chấm thi để đảm bảo bài tất cả các HP đúng theo quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

## ***4. Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

### 1. Điểm mạnh

Quy định về phản hồi kết quả đánh giá HP được thể hiện trong Quy chế đào tạo ĐH (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quy định về công tác khảo thí (Số 2989/QĐ-HVBCCTT-KT ngày 1/9/2017); Quy định về công tác tổ chức thi HP (Số 1909/QĐ-HVBCCTT ngày 14/4/2021); các quyết định quy định thời hạn các khâu công tác trong quy trình chấm thi; quy định về quy trình và thời hạn làm công tác xem lại quy trình chấm thi học kỳ.

Các văn bản quy định về phản hồi đánh giá KQHT được ghi trong Sổ tay SV; được phổ biến trong tuần sinh hoạt đầu khóa; được phổ biến qua CVHT. Các văn bản quy định về đánh giá KQHT, phản hồi kết quả được công khai trên cổng thông tin điện tử của Học viện.

SV được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời ngay sau khi có điểm, qua hệ thống tài khoản học tập của SV.

Khảo sát SV cuối khóa ngành KTCT năm 2020 với câu hỏi "KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập" được 73,6% ý kiến đánh giá "hài lòng" và "rất hài lòng" .

### 2. Điểm tồn tại

Thời gian từ khi nộp đơn xin kiểm tra lại quy trình chấm thi HP đến khi có kết



quả là quá dài (30 ngày), quá trình chấm bài cũng dài (thi tự luận 17 ngày, QĐ số 1909/QĐ-HVBCTT ngày 19/4/2021).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên nghiên cứu để điều chỉnh quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, rút ngắn thời gian phản hồi kết quả đánh giá của NH tạo điều kiện cho họ kịp thời cải thiện việc học tập.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***5. Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

#### 1. Điểm mạnh

Quy định về công tác khảo thí (Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 1/9/2017), Quy định về công tác tổ chức thi HP (Số 1909/QĐ-HVBCTT ngày 14/4/2021) có điều khoản về xem lại quy trình quy trình chấm thi.

Quy trình khiếu nại bài thi được công khai hóa trên trang thông tin điện tử, được in trong Sổ tay SV, được phổ biến cho SV qua CVHT, sinh hoạt đầu khóa.

Trong chu kỳ đánh giá có rất ít bài xin xem lại quy chấm thi HP. Các bài xin xem lại quy chấm thi HP đều được giải quyết thỏa đáng.

#### 2. Điểm tồn tại

Tiêu chí này không có tồn tại.

#### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tiêu chí này không có kiến nghị.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện có hệ thống các văn bản về đánh giá KQHT của NH từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp. Các yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được quy định trong các ĐCHP. Các văn bản đã cho biết rõ quy trình, phương thức, kế hoạch tổ chức đánh giá KQHT NH và được phổ biến, công khai cho NH. "Hướng dẫn thiết kế phương pháp KTĐG HP" đã đưa ra 9 hình thức KTĐG, mỗi hình thức có tiêu chí đánh giá. Văn bản cũng xây dựng rubrics đánh giá bài tiểu luận và rubrics đánh giá dự án/sản phẩm/bài tập thực hành. ĐCCT lựa chọn hình thức KTĐG, tiêu chí đánh giá, các nội dung/chủ đề đánh giá HP. Các phương pháp, công cụ phù hợp với từng HP, hướng tới đánh giá

mức độ đạt được CDR của SV.

Các quy định cụ thể về đánh giá kết quả NH bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc HP, khóa luận tốt nghiệp, các hình thức/phương pháp thi/kiểm tra, đánh giá được quy định và được công khai hóa, được phổ biến đầy đủ đến SV.

Các HP thuộc ngành KTCT có tỷ trọng đánh giá gồm: bài kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận là 46,2%, thuyết trình 32,8%, bài tập lớn 18% và 3% trắc nghiệm trên giấy. Hình thức bài thi cuối kỳ: tự luận 83,6%, trắc nghiệm 1,5%, tiểu luận 8,9% và bài tập lớn (bao gồm cả thực tập, khóa luận tốt nghiệp) 6%. 17/39 (43,6%) HP do Khoa quản lí có ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề. Đối với khóa luận tốt nghiệp, SV bảo vệ trước hội đồng gồm 3 thành viên.

Học viện quy định về phản hồi kết quả đánh giá HP, quy định về xem lại quy trình chấm thi. Quy định về phản hồi được công khai hóa và được phổ biến cho NH. SV được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời ngay sau khi có điểm, qua hệ thống tài khoản học tập của SV. Trong chu kỳ đánh giá có rất ít bài xin xem lại quy trình chấm thi HP. Các bài xin xem lại quy trình chấm thi HP đều được giải quyết thỏa đáng.

Khảo sát SV cuối khóa ngành KTCT năm 2020 về "NH hiểu rõ các yêu cầu và tiêu chí đánh giá" và "KQHT được phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh quá trình học tập" được đánh giá "hài lòng" và "rất hài lòng" ở mức cao (trên 73,6%).

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Ma trận liên kết phương pháp KTĐG với CDR của CTĐT xác định chưa đúng, ví dụ, điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra viết tự luận, ... không có đóng góp vào các chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm.

Mặc dù Học viện đã xây dựng kết nối phương pháp KTĐG với CDR của CTĐT, với CDR của HP, và quy định về ngân hàng thi trắc nghiệm có 4 cấp độ của ngân hàng câu hỏi (25% câu hỏi dễ, 35% câu hỏi trung bình, 25% câu hỏi khó, 15% câu hỏi rất khó), nhưng chưa đủ chi tiết để xây dựng một đề thi do chưa có ma trận đề thi được xây dựng trên khung năng lực và các chương/bài giảng của HP.

Phiếu chấm thi vấn đáp của một số HP không ghi thang điểm cho nội dung chi tiết đánh giá mà chỉ ghi tổng số cho từng nội dung; gộp 3 mức "Vận dụng, phân tích, đánh giá", nhưng chỉ chi tiết 2 nội dung ở mức "vận dụng". Phiếu chấm thi tự luận mỗi SV chỉ có 2 dòng cho 2 câu hỏi, không đủ để ghi chi tiết các ý nhỏ.

Học viện chưa có quy định về phân tích độ tin cậy, độ giá trị đề thi/câu hỏi thi; Khoa chưa thực hiện nội dung này. Kiểm tra ngẫu nhiên một số túi bài thi: nhận thấy phiếu chấm không chi tiết; không có bút tích/điểm trên bài; đáp án không chi tiết, còn

có câu đề ở mức 2-3 điểm.

Thời gian từ khi nộp đơn xin kiểm tra lại quy trình chấm thi HP đến khi có kết quả là quá dài (30 ngày), quá trình chấm bài cũng dài.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Khoa cần rà soát ma trận kết hợp giữa phương pháp/hình thức KTĐG với CDR của CTĐT và CDR của HP nhằm đánh giá đúng mức độ đạt CDR.

Học viện cần có hướng dẫn đầy đủ về ma trận đề thi, Khoa đẩy nhanh việc xây dựng ma trận đề thi và bổ sung vào ĐCCT HP.

Khoa cần nghiên cứu, thiết kế các phiếu chấm phù hợp để ghi chi tiết các ý trong nội dung, đáp án đề thi.

Học viện cần đưa vào quy định về làm xây dựng ngân hàng câu hỏi thi nội dung về phân tích độ tin cậy, độ giá trị của đề thi và thực hiện việc phân tích ở mỗi học kỳ; cần xây dựng ma trận đề thi theo khung nhận thức, chia theo số chương/bài giảng.

Học viện cần giám sát tốt hơn công tác chấm thi để đảm bảo chấm bài tất cả các HP đúng theo quy định.

Học viện nên rà soát để giảm thời gian chấm bài, thời gian phúc khảo bài thi.

## **VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

***1. Tiêu chí 6.1. Việc qui hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Điểm mạnh**

Học viện đã có CLPT HVBC&TT đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 (Số 2418/QĐ-HVBCTT ngày 08/7/2014); CLPT HVBC&TT đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 (Số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017, về việc chỉnh sửa và ban hành; số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018, về việc bổ sung, điều chỉnh và ban hành); Trong đó, đánh giá thực trạng đội ngũ GV trong từng giai đoạn; xác định mục tiêu, giải pháp nhằm tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc tại Học viện với các chỉ tiêu: có 240/386 GV/tổng số CBGVNV, đạt 62,18%; GV có trình độ thạc sĩ (ThS) là 113 đạt 47,08%; GV có trình độ tiến sĩ (TS) là 97 đạt 40,48%; GV có trình độ PGS.TS là 28 đạt 11,67%; 18,83 SV/GV, đạt 50% GV có trình độ TS vào năm 2025; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV (Số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020) đã xác định rõ ràng việc quy hoạch các vị trí việc làm của CB, GV, NV toàn Học viện (xác định 17 vị trí GV cho Khoa KTCT, trong đó có

11 GV tham gia giảng dạy cho ngành KTCT và 1 vị trí quản lý Khoa kiêm nhiệm (Phó trưởng khoa điều hành vẫn tham gia giảng dạy, NCKH, đồng thời tham gia các sinh hoạt khác tại Khoa như Đảng, Công đoàn). Khoa KTCT có CLPT Khoa giai đoạn đến năm 2035, tầm nhìn 2050, trong đó có các mục tiêu và giải pháp phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH. Kế hoạch ĐTBĐ CB, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2023 (Số 6530/KH-HVBCTT ngày 31/12/2018) đã nêu rõ mục đích, yêu cầu; nội dung ĐTBĐ, biện pháp; tổ chức thực hiện. Hàng năm, Học viện ban hành kế hoạch ĐTBĐ dưỡng ngắn hạn: số 695/KH-HVBCTT ngày 09/02/2018; số 902/KH-HVBCTT ngày 26/02/2019; số 893/KH-HVBCTT ngày 06/3/2020; số 977/KH-HVBCTT ngày 08/02/2021. Học viện đã sử dụng quy định về ĐTBĐ của Quy chế ĐTBĐ CB, công chức, viên chức (Số 367/QĐ-HVCTQG ngày 17/01/2018) chung trong hệ thống Học viện và Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng CB, công chức, viên chức.

Học viện đã ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2023, định hướng đến năm 2030. Học viện đã xây dựng Kế hoạch số 2150-KH/HVBCTT ngày 17/5/2022 về quy hoạch CB, lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021 -2026 và giai đoạn 2026 - 2031. Trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ lãnh đạo, quản lý để có kế hoạch tuyển dụng, ĐTBĐ đội ngũ GV hàng năm, đáp ứng nhu cầu của các CTĐT. Triển khai CLPT, Kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NV của Học viện/Khoa đã xác định nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ GV, NV để xây dựng Kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch ĐTBĐ cho đội ngũ GV, NV hàng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt (Kế hoạch và Thông báo tuyển dụng các năm trong giai đoạn đánh giá; Kế hoạch ĐTBĐ hàng năm).

Việc tuyển dụng được Học viện thực hiện theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Việc điều động và bổ nhiệm CB được Học viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý (Số 339-QĐ/HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQGHCM) và Quy định số 201-QĐ/HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc HVCTQGHCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB; Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, quy định rõ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng cho từng vị trí chức danh; chính sách thu hút, đãi ngộ, ĐTBĐ nhân sự. Hàng năm, Học viện và Khoa có triển khai thực hiện

theo kế hoạch phát triển đội ngũ GV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH theo các chỉ tiêu xác định hàng năm và theo giai đoạn; tuyển mới GV trẻ. Tại thời điểm ĐGN ngành KTCT có 11 GV, trong đó có 07 TS (chiếm 63,6%), 4 ThS (chiếm 36,4%). Độ tuổi bình quân của đội ngũ GV của ngành là 44 tuổi.

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (Số 404/KH-HVBCCTT ngày 17/02/2016) và kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch chức danh CB lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016-2020 (Số 5949/KH-HVBCCTT, ngày 21/12/2018). Trong đó, có mục đích, yêu cầu; các chức danh quy hoạch; điều kiện, tiêu chuẩn CB bổ sung vào quy hoạch; đối tượng đưa ra khỏi quy hoạch; thẩm quyền quyết định quy hoạch; quy trình xây dựng, quyết định quy hoạch; thời gian tiến hành.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên đã có định tính và định lượng nhưng chưa chi tiết.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát và chi tiết hóa kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên trên cơ sở nhu cầu đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên thực tế.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

## ***2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### 1. Điểm mạnh

Khoa KTCT hiện đang đào tạo 04 CTĐT trình độ ĐH. Quy đổi theo quy định tại các Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018; số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25/02/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT về thi tỷ lệ GV/SV quy đổi của CTĐT ngành KTCT là đủ, đáp ứng yêu cầu qui định của Bộ GD&ĐT.

Trong giai đoạn đánh giá, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được Học viện thực hiện Quy định chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (Số 928/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 01/3/2018); Bảng mô tả vị trí công việc của GV, trong đó có quy định rõ về quy đổi theo giờ chuẩn, NCKH, tiết chuẩn nghĩa vụ, khối lượng và thời gian làm việc đối với từng đối tượng; hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc, tiết chuẩn, tiết miễn giảm của đội ngũ GV, nghiên cứu viên theo chuẩn và đo lường được để giám sát, đánh giá và cải tiến. Ví dụ: thời gian làm việc GV là 40 giờ/tuần, được xác định theo năm học; tổng quỹ thời gian làm việc

của GV bình quân trong 01 năm học để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, học tập bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác trong Học viện là 1760 giờ (44 tuần x40 giờ/tuần). Định mức giờ chuẩn theo các chức danh và được xác định trên 3 loại nhiệm vụ: giảng dạy, NCKH và học tập, bồi dưỡng và các nhiệm vụ khác. Cụ thể: Với GV (hạng III) trình độ TS và chưa TS (800 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 600 giờ NCKH, 360 giờ chuẩn công việc khác); Với GV (hạng II) trình độ TS và chưa TS (800 giờ hành chính (280 giờ chuẩn) và 700 giờ NCKH, 260 giờ chuẩn công việc khác); Với GV (hạng I): trình độ TS (700 giờ hành chính (290 giờ chuẩn) và 850 giờ NCKH, 210 giờ chuẩn công việc khác); trình độ Phó GS (750 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 900 giờ NCKH, 110 giờ chuẩn công việc khác) và trình độ GS (720 giờ hành chính (270 giờ chuẩn) và 950 giờ NCKH, 90 giờ chuẩn công việc khác). Ngoài ra, còn quy định số giờ giảng chuẩn cho GV giữ chức vụ quản lí.

Đầu mỗi năm học, Khoa căn cứ kế hoạch công tác của từng GV và phối hợp với Ban Quản lí đào tạo (QLĐT) để phân công khối lượng giảng dạy theo kế hoạch đào tạo; phối hợp với Ban quản lí khoa học để giao khối lượng giờ NCKH cho GV. Cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Ban QLĐT thống kê khối lượng giảng dạy và Ban QLĐT thống kê khối lượng NCKH của từng GV làm căn cứ đánh giá việc thực hiện công việc của GV.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát chặt chẽ: Khoa theo dõi tiến độ, khối lượng giảng dạy, NCKH của GV, giám sát chất lượng, kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy trình xét thi đua khen thưởng. Ở cấp Học viện, Ban QLĐT là đơn vị giám sát, kiểm tra khối lượng giảng dạy của GV, Ban quản lí khoa học kiểm tra rà soát hoạt động NCKH của GV; còn có sự phối hợp của Trung tâm KT&ĐBCLĐT, Ban Tổ chức - CB.

## 2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2017-2021, việc thực hiện số giờ NCKH của ngành chưa đồng đều, tập trung vào một số GV, mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ: công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài nhưng vẫn thấp so với nhiều CSGD ĐH khác.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được thể hiện rõ và chưa đề cập trong các quy định của Học viện/Khoa.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn để khuyến khích GV NCKH và có biện pháp để các GV có chức danh GS, PGS có kinh nghiệm dẫn dắt các

GV khác cùng thực hiện các hoạt động NCKH. Cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

Học viện/Khoa cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV trong Quy định chế độ làm việc của GV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***3. Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

#### **1. Điểm mạnh**

Việc tuyển dụng được Học viện thực hiện theo quy định cập nhật của Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Việc điều động và bổ nhiệm CB được Học viện thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQGHCM), Quy định số 201/QĐ-HVCTQG ngày 22/6/2020 của Giám đốc HVCTQGHCM về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm CB. Đề án vị trí việc làm kèm theo Bảng mô tả vị trí công việc của GV. Trong đó, đã nêu rõ các tiêu chuẩn chung và tiêu chí, yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng (bao gồm tiêu chí tuyển dụng về đạo đức, năng lực và trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định).

Trong giai đoạn 2017-2021, trên cơ sở nhu cầu thực tế đội ngũ GV và của CTĐT, NCKH của các CB, GV, NV (Khoa tổng hợp), Học viện ban hành kế hoạch, thông báo tuyển dụng và kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Các thông báo tuyển dụng và kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển GV trong giai đoạn 2017-2021 của Học viện đều được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Học viện, qua hệ thống Email của các Phòng, Ban, Khoa, Viện và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Giai đoạn 2017-2021, ngành KTCT không thay đổi về tổng số 11 GV, GV có trình độ TS tăng từ 6 TS lên 7 TS, có 02 GV thuyên chuyển.

#### **2. Điểm tồn tại**

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQGHCM (Số 339/QĐ-

HVCTQG ngày 22/01/2019) đang dùng chung cho các cơ sở trực thuộc HVCTQGHCM, còn hạn chế về mặt thời gian triển khai thực hiện so với thực tế yêu cầu.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQGHCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của HVBC&TT giai đoạn hiện nay.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***4. Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

### 1. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên của Học viện được thể hiện ở nhiều văn bản: Quy định tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học, kinh nghiệm công tác, kỹ năng giảng dạy, NCKH, đóng góp cho cộng đồng của CB - GV - NV Học viện; Bản mô tả vị trí công việc của GV; Quy định về chế độ làm việc đối với GV của HVBC&TT (Số 928/QĐ-HVBC&TT-ĐT ngày 01/3/2018); Quy chế quản lý hoạt động khoa học của HVBC&TT (Số 6531/QĐ-HVBC&TT ngày 26/12/2018). Trong đó, năng lực của GV được xác định qua năng lực sư phạm: năng lực giảng dạy, ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học; năng lực nghiên cứu NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Hàng năm, Học viện/Khoa thực hiện đánh giá năng lực của GV, qua các hình thức: (i) Đánh giá chất lượng giảng dạy của GV qua quá trình dạy học của GV (lấy ý kiến từ NH); (ii) Đánh giá hoạt động NCKH của GV qua kết quả số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH cuối năm. Cuối năm, tất cả GV đều thực hiện đánh giá, xếp loại GV trong công tác giảng dạy và NCKH hàng năm trên cơ sở quy định cụ thể theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy chế thi đua - Khen thưởng của HVCTQGHCM (Số 3370/QĐ-HVCTQG ngày 04/7/2019). Giai đoạn 2017-2021, 16 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 28 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 11 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

### 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo



từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, CCVC hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để đánh giá, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hằng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCĐ và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối hợp.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

***5. Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

#### 1. Điểm mạnh

Công tác ĐTBĐ dài hạn nâng cao trình độ GV của Học viện được thực hiện dựa trên cơ sở các chỉ tiêu phát triển ngũ GV đã được xác định trong CLPT của Học viện các giai đoạn và Bản mô tả vị trí công việc của đội CB, GV, NV. Hằng năm, trên cơ sở các văn bản này và kết quả phân tích thực trạng đội ngũ, nhu cầu CTĐT, nhu cầu ĐTBĐ của các GV/Khoa, Học viện ban hành Kế hoạch ĐTBĐ và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB-GV-NV giai đoạn 2019-2023 (Số 6530/KH-HVBCCTT ngày 31/12/2018) và kế hoạch ĐTBĐ hàng năm. Các hình thức ĐTBĐ được Học viện triển khai đa dạng: Đào tạo nâng cao trình độ ThS, TS; ĐTBĐ thường xuyên theo nhu cầu phát triển của từng khoa/trung tâm, của GV; GV tự học tập và bồi dưỡng nâng cao năng lực của bản thân. Kế hoạch ĐTBĐ được thông báo tới các đơn vị toàn Học viện để triển khai thực hiện và được giám sát bởi Ban Tổ chức - CB và Khoa và qua kết quả

ĐTĐG, tổng hợp, xếp loại báo cáo kết quả của việc triển khai thực hiện các kế hoạch ĐTBĐ của đội ngũ CB, GV. Giai đoạn 2017-2021, Ngành KTCT có 83,6% số GV được ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hằng năm của Học viện. Cụ thể: năm 2017 có 10/11 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 81,8%; năm 2018 có 11/11 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 100%; năm 2019 có 9/11 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 81,8%; năm 2020 có 11/11 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 100%; năm 2021 có 8/11 lượt GV đi bồi dưỡng đạt 72,7%. Kết quả ĐTBĐ là một trong tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV và sử dụng để xét đánh giá, phân loại, thi đua khen thưởng hằng năm.

Kết thúc mỗi khóa ĐTBĐ, Ban Tổ chức - CB đã lấy ý kiến phản hồi của các CB, GV được cử đi ĐTBĐ về khóa học thông qua phiếu lấy ý kiến phản hồi của NH. Kết quả phản hồi cho thấy hầu hết CB, GV ngành cho rằng kết quả ĐTBĐ đã đáp ứng được nhu cầu phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ CB, GV.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có nhiều khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG; kỹ năng thiết kế câu hỏi, đề thi, rà soát đánh giá KQHT; tiếp cận và định hướng NCKH hướng tới đạt CĐR của HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tổ chức thêm các khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CĐR của HP/CTĐT và phát triển năng lực NCKH giáo dục.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**6. Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

### 1. Điểm mạnh

Việc đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy và NCKH được Học viện thực hiện trên cơ sở các văn bản: Quy định về chế độ làm việc của GV; Quy định quản lý hoạt động khoa học trong HVBC&TT; Quy chế chi tiêu nội bộ của HVBC&TT; Bản mô tả vị trí công việc của CB, GV, NV. Các văn bản này đã xác định rõ khối lượng các công việc và tiêu chí đánh giá năng lực cho từng CB, GV, NV và là cơ sở để Học viện quản trị mức độ hoàn thành công việc hằng năm của CB, GV, NV. Để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CB, GV, NV, Học viện đã thực hiện theo Quy trình đánh giá, phân loại CB-GV-NV và Quy trình xét thi đua khen thưởng.

Hệ thống các Quy định, Quy chế này được công bố rộng rãi, đầy đủ đến CB, GV, NV trong toàn Học viện.

Hàng năm các CB, GV của Khoa đều lập kế hoạch công tác cá nhân; đăng kí danh hiệu thi đua năm học và được Lãnh đạo Khoa phê duyệt. Kế hoạch công tác được xây dựng dựa trên Bảng mô tả vị trí việc làm, định mức khối lượng giờ giảng và NCKH cũng như các hoạt động khác theo quy định của từng năm học và nhiệm vụ giảng dạy, NCKH đã được giao và trên cơ sở nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng GV (Bảng phân công giờ giảng và Bảng phân công khối lượng NCKH của Khoa; Kế hoạch công việc của các đơn vị thuộc Học viện hằng năm). Vào cuối năm tất cả CB, GV, NV thực hiện TĐG, xếp loại theo Hướng dẫn đánh giá, xếp loại đối với CB, GV, NV. Quy trình đánh giá của Học viện được thực hiện trên cơ sở cá nhân TĐG, cấp ủy và đồng nghiệp góp ý, nhận xét trên cơ sở tham khảo ý kiến góp ý, Trưởng đơn vị đánh giá, xếp loại cá nhân. Kết quả đánh giá là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm, điều chuyển và là căn cứ xây dựng kế hoạch ĐTBĐ hằng năm. Việc đánh giá kết quả công việc của GV được công khai, minh bạch. Giai đoạn 2017-2021, 16 lượt GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 28 lượt GV được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và 11 lượt GV được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ. Giai đoạn 2017-2021, 27 lượt GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến và 14 lượt GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở.

Hàng năm, Học viện/Khoa đều lấy ý kiến đánh giá hiệu quả công việc bằng phiếu khảo sát đến tất cả GV và sự hài lòng về kết quả đánh giá và thi đua khen thưởng của Học viện/Khoa (trên 80% GV hài lòng trở lên). Các kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CB, GV, NV được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại và được công khai trên trang văn thư điện tử để toàn thể CB, GV biết. Vì vậy, trong giai đoạn đánh giá, Học viện chưa nhận được đơn khiếu nại kết quả đánh giá, phân loại, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV.

## 2. Điểm tồn tại

Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV của Học viện chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCD của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định. Việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần quy định về đánh giá, phân loại CB, GV, NV, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCD của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCD để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**7. Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Điểm mạnh**

Trong giai đoạn đánh giá, hoạt động NCKH của đội ngũ GV Học viện được thực hiện theo Quy chế Quản lý hoạt động khoa học ở HVBC&TT (Số 881/QĐ-HVBC TT ngày 25/09/2011; số 6531/QĐ-HVBC TT ngày 26/12/2018) và Quy định chế độ làm việc đối với GV (Số 2901/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 8/10/2013; số 928/QĐ-HVBC TT ngày 01/03/2018). Theo đó, hoạt động NCKH gồm các loại hình: Tham gia đề tài/dự án/nhiệm vụ khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong/ngoài nước hoặc trong các hội nghị/hội thảo khoa học, biên soạn giáo trình/sách chuyên khảo, tham gia hội nghị/hội thảo khoa học, tư vấn chuyên gia công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, hướng dẫn NH tham gia NCKH, ... Học viện đã quy định giờ chuẩn NCKH mỗi năm đối với GVCC hạng I gồm các GS là 950 giờ, PGS là 900 giờ, GV có trình độ TS là 850 giờ, đối với GVC (hạng II) là 700 giờ, đối với GV (hạng III) là 600 giờ. Hoạt động KHCN được quy đổi ra giờ giảng lý thuyết, được quy định tương đối rõ ràng như: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus được quy đổi tối đa 900 giờ/bài, bài báo trên tạp chí quốc tế ngoài hệ thống ISI/Scopus tối đa 600 giờ/bài, chủ trì đề tài cấp Nhà nước 500 giờ/đề tài, hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH 50 giờ/đề tài, ... Để khuyến khích các GV có kết quả hoạt động NCKH xuất sắc, Học viện đã có quy định thưởng cho các cá nhân có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus tối đa 10 triệu đồng/bài, đăng trên tạp chí quốc tế có chỉ số ISSN tối đa 03 triệu đồng/bài (Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021). Hằng năm, Học viện đều tổ chức hội nghị NCKH của GV và tổ chức nhiều hội thảo khoa học các cấp. Yêu cầu về NCKH được thể hiện rõ trong năng lực vị trí GV.

Học viện/Khoa thực hiện tổng kết đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, từ đó đề ra phương hướng hoạt động NCKH hàng năm. Số lượng và loại hình NCKH của Khoa KTCT/ngành KTCT được thực hiện giám sát, đối sánh với các khoa khác trong Học viện. Trong chu kỳ đánh giá, số liệu thống kê cho thấy, đội ngũ GV Khoa KTCT tham gia thực hiện CTĐT KTCT đã triển khai hoạt động NCKH với nhiều loại hình như triển khai và nghiệm thu 04 đề tài cấp Bộ; 33 đề tài cấp Học viện; đã đăng 110 bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước; đã đăng 03 bài trên tạp chí khoa học quốc tế (ISI/Scopus); đã viết 02 sách giáo trình và 03 sách chuyên khảo; tham gia các hội thảo trong nước (98 tham luận), hội

thảo quốc tế (07 tham luận) Trong chu kỳ đánh giá, kinh phí chi cho NCKH của GV khoa KTCT là trên 1,2 tỷ VNĐ.

## 2. Điểm tồn tại

Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều.

Việc định hướng nội dung nghiên cứu trong đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT KTCT chưa được thực sự chú trọng.

Các văn bản liên quan đến NCKH chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT (Số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa/Học viện cần quan tâm, tạo cơ hội, khuyến khích CB GV tham gia đề tài NCKH các cấp hướng đến việc đạt được các kết quả có thể công bố quốc tế.

Học viện/Khoa nên tiếp tục xây dựng các hướng nghiên cứu chính của Khoa và hình thành nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường khoa học công nghệ trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Học viện cần sớm hoàn thiện quy định nhiệm vụ NCKH của GV trên cơ sở cập nhật Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GD&ĐT về chế độ làm việc của GV thuộc CSGD ĐH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện/Khoa ban hành khá đầy đủ các văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm đội ngũ GV, trong đó, đánh giá thực trạng và nhu cầu đội ngũ; xác định mục tiêu, giải pháp để phát triển nguồn nhân lực; kế hoạch phát triển nhân sự đáp ứng được nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc tuyển dụng đội ngũ GV được thực hiện khá tốt.

Kế hoạch ĐTBĐ đội ngũ CB, GV, NV giai đoạn 2016-2021 được xây dựng và thực hiện trên nhu cầu đào tạo, NCKH; nhu cầu của GV của Khoa; được thực hiện và giám sát đánh giá bởi Ban Tổ chức - CB và các Khoa.

Khối lượng công việc (khối lượng giảng dạy, NCKH và công tác khác) của GV được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí, chức danh theo quy định làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại GV hằng năm học.

Học viện có các văn bản quy định về hoạt động NCKH. Giờ NCKH được định mức theo học hàm học vị của GV, đồng thời quy định rõ định mức tối thiểu phải hoàn thành so với định mức giờ NCKH. Học viện đã chú trọng đầu tư kinh phí cho NCKH. Đội ngũ GV của Khoa đã đạt được những kết quả tích cực trong NCKH.

Công tác ĐTBĐ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ được triển khai theo kế hoạch.

Thực hiện tốt việc quản trị công việc của CB, GV, NV: ban hành các văn bản, phân công công việc rõ ràng đầu mỗi năm học, giám sát quá trình thực hiện và đánh giá hằng năm học. Thi đua khen thưởng được thực hiện công khai, minh bạch, không có khiếu nại gì.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Học viện có kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên đã có định tính và định lượng nhưng chưa chi tiết.

Giai đoạn 2017-2021, việc thực hiện số giờ NCKH của ngành chưa đồng đều, tập trung vào một số GV. Mức chi cho các sản phẩm NCKH xuất sắc cho GV còn thấp. Ví dụ công bố khoa học quốc tế (danh mục ISI/Scopus, chỉ số ISSN) còn thấp (trước năm 2021 là 3 triệu đồng/1 bài), năm 2021 Học viện đã điều chỉnh bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus lên tối đa 10 triệu đồng/bài nhưng vẫn thấp so với nhiều CSGD ĐH.

Hoạt động PVCĐ của GV chưa được thể hiện rõ và chưa đề cập trong các quy định của Học viện/Khoa.

Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG HCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) đang dùng chung cho các cơ sở trực thuộc HVCTQG HCM, còn hạn chế về mặt thời gian triển khai thực hiện so với thực tế yêu cầu.

Học viện chưa có quy định về đánh giá năng lực đội ngũ GV, bao gồm tiêu chí đánh giá năng lực, quy trình đánh giá và cách thức thực hiện đánh giá năng lực theo từng lĩnh vực giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác (chỉ có một số các tiêu chí đánh giá năng lực GV về giảng dạy, NCKH trong biểu mẫu đánh giá, phân loại CB, công chức, viên chức hằng năm hoặc một số văn bản khác nhau nhưng còn chung chung).

Học viện/Khoa chưa tách biệt việc đánh giá năng lực với đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thi đua khen thưởng đối với GV vào cuối mỗi năm (kết quả đánh giá năng lực là một trong tiêu chí để đánh giá, phân loại GV). Việc đánh giá một số năng lực của GV còn chưa được thường xuyên và hiệu quả.

Học viện chưa có nhiều khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới

đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG; kỹ năng thiết kế câu hỏi, đề thi, rà soát đánh giá KQHT; tiếp cận và định hướng NCKH hướng tới đạt CĐR của HP hướng đến đạt CĐR của CTĐT.

Học viện có Quy trình đánh giá, phân loại CB, GV, NV nhưng chưa có tiêu chí đánh giá, phân loại đối với hoạt động PVCĐ của GV để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; việc quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ còn chưa rõ nét như hoạt động đào tạo và NCKH.

Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế chưa nhiều. Việc định hướng nội dung nghiên cứu trong đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT KTCT chưa được thực sự chú trọng.

Các văn bản liên quan đến NCKH chưa cập nhật các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT (Số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/07/2020 của Bộ GDĐT về chế độ làm việc của GV).

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện cần rà soát và chi tiết hóa kế hoạch xây dựng quy hoạch CB GV, nghiên cứu viên trên cơ sở nhu cầu thực tế về đội ngũ CB, GV, nghiên cứu viên.

Học viện cần tăng cường chính sách thu hút, hấp dẫn để khuyến khích GV NCKH và có biện pháp để các GV có chức danh GS, PGS có kinh nghiệm dẫn dắt các GV khác cùng thực hiện các hoạt động NCKH. Cần tăng cường hơn nữa những chính sách hỗ trợ, khuyến khích và có biện pháp để giúp GV tăng số lượng công bố quốc tế.

Học viện/Khoa cần bổ sung quy định về hoạt động PVCĐ của GV trong Quy định chế độ làm việc của GV.

Học viện cần rà soát lại Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, thôi giữ chức vụ, từ chức và miễn nhiệm CB quản lý, các đơn vị thuộc thẩm quyền của HVCTQG HCM (Số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế của HVBC&TT giai đoạn hiện nay.

Học viện cần ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ GV. Trong đó, cần tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực GV (KPIs) bao gồm các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ; quy định quy trình và cách thức đánh giá năng lực của đội ngũ GV và việc sử dụng kết quả đánh giá năng lực (không chỉ để xét thi đua, khen thưởng và lương bổ sung mà còn để lập kế hoạch ĐTBĐ, luân chuyển, bổ nhiệm).

Hàng năm, Học viện/Khoa cần lập kế hoạch và thực hiện đánh giá năng lực GV, trong đó cần nêu rõ cách thức đánh giá năng lực về giảng dạy, phát triển CTĐT, về NCKH, về PVCĐ và các hoạt động khác; phân công rõ đơn vị, cá nhân chủ trì, phối

hợp.

Học viện/Khoa cần tổ chức thêm các khóa ĐTBĐ ngắn hạn cho GV về kỹ năng, kiến thức mới đáp ứng yêu cầu về đổi mới PPDH, KTĐG, hướng đến đạt CDR của HP/CTĐT, phát triển năng lực NCKH giáo dục.

Học viện cần quy định về đánh giá, phân loại CB, GV, NV, trong đó lưu ý quy định về việc đánh giá hoạt động PVCĐ của GV cũng như quản trị công việc của GV về hoạt động PVCĐ để đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định; đưa kết quả đánh giá năng lực thành 1 tiêu chí đánh giá, phân loại GV cuối mỗi năm học.

Khoa KTCT nên tăng cường đối sánh kết quả NCKH của GV với GV các ngành khác trong Học viện và với ngành KTCT của các CSGD ĐH khác trong nước và quốc tế.

Học viện/Khoa cần xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác NCKH với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước, tích cực tìm hiểu thị trường KHCN trong nước để có thêm nhiều đề tài dự án.

Học viện cần có kế hoạch và triển khai cập nhật các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH của GV.

## **VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

***1. Tiêu chí 7.1. Việc qui hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Điểm mạnh**

Việc quy hoạch đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tuân thủ theo CLPT HVBC&TT đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Số 2418/QĐ-HVBCTT ngày 08/7/2014), chỉnh sửa và ban hành CLPT HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (Số 770/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2017); bổ sung điều chỉnh CLPT HVBC&TT đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 (số 6528/QĐ-HVBCTT ngày 31/12/2018); Đề án vị trí việc làm (Số 6079-ĐA/HVBCTT ngày 31/12/2020; Tờ trình số 632-TTr/HVBCTT ngày 25/01/2022) của Học viện, trong đó đã đề cập đến phát triển nguồn nhân lực như đẩy mạnh công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có chế độ khuyến khích và tạo điều kiện cho CB nâng cao trình độ chuyên môn, đảm bảo cơ cấu về giới, độ tuổi và chuyên môn theo quy định.

Hàng năm, Học viện/Khoa đã thực hiện khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các



hoạt động PVCD gồm các CB thư viện, phòng thí nghiệm, phòng CNTT, các dịch vụ hỗ trợ khác, đồng thời xác định, mô tả công việc cho từng vị trí của đội ngũ NV hỗ trợ, trên cơ sở đó lập kế hoạch tuyển dụng, lựa chọn đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Học viện đã có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (Số 2440/QĐ-HVBCTT ngày 10/7/2014), với các chính sách ưu đãi như: chính sách về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học; quy định về phụ cấp cho các NV phòng/ban; quy định về thu nhập tăng thêm.

Tại thời điểm đánh giá, Khoa KTCT và ngành KTCT sử dụng chung đội ngũ NV của 13 đơn vị chức năng thuộc Học viện (Ban Tổ chức - CB, Ban QLĐT, Ban Quản lý khoa học, Ban Kế hoạch tài chính, Ban Hợp tác quốc tế, Ban Thanh tra, Văn phòng, Trung tâm KT&ĐBCLĐT, Phòng Quản trị và Quản lý kí túc xá, Phòng Công tác chính trị và hỗ trợ SV (CTCT & HTSV), Trung tâm Thông tin khoa học) với tổng số 115 người. Trong đó đội ngũ chuyên viên là 105 người, đội ngũ GV kiêm nhiệm là 10 người. Khoa KTCT có 01 chuyên viên đảm trách nhiệm vụ giáo vụ kiêm thư kí khoa có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, giúp Khoa giải quyết kịp thời các vấn đề về giảng dạy, về học tập của SV, quản lý bài thi, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, giải đáp thắc mắc của SV; ngoài ra còn có 04 GV của Khoa đồng thời đảm trách công tác CVHT, chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ NH ngành KTCT; 14 chuyên viên của các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm chính trong hỗ trợ các hoạt động của ngành/Khoa KTCT theo sự phân công của các đơn vị; 01 GV là thư ký khoa học, 01 GV phụ trách công tác phát triển Đảng, 01 GV phụ trách truyền thông và hoạt động QLSV.

Qua khảo sát thực tế và kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy đội ngũ NV của Học viện và Khoa đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy gần 90% NH tham gia khảo sát hài lòng về chất lượng phục vụ của các NV phòng chức năng. Ngoài ra, kết quả phỏng vấn NH, GV cho thấy, hầu hết ý kiến hài lòng với tinh thần thái độ phục vụ, giải quyết công việc của NV hỗ trợ.

## 2. Điểm tồn tại

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ đối với đội ngũ NV chưa thật sự bài bản.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBĐ của đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**2. Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**

**1. Điểm mạnh**

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được quy định trong Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức (số 2440/QĐ-HVBC TT ngày 10/7/2014), Quy định về tuyển dụng và quản lý viên chức (Số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020), và sử dụng Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giao quyền, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm CB lãnh đạo, quản lý ban hành theo Quyết định số 339/QĐ-HVCTQG ngày 22/01/2019 của Giám đốc HVCTQG HCM.

Học viện đã xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể của từng vị trí công việc về hiểu biết, kiến thức và trình độ, kỹ năng và mô tả công việc trong Đề án vị trí việc làm năm 2020, Danh mục vị trí việc làm năm 2022. Học viện cũng đồng thời tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ (NH, GV), tiến hành tổng hợp và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực. Dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Đề án vị trí việc làm, Học viện/Khoa xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức hàng năm.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến/ thông báo tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức như trên website của Trường, qua hệ thống Email và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm NV được lưu trữ đầy đủ.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn đội ngũ CB hỗ trợ cho thấy công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển của Học viện/Khoa được công khai minh bạch và có tiêu chí rõ ràng.

**2. Điểm tồn tại**

Giai đoạn đánh giá, hoạt động tuyển dụng tuân thủ Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức ban hành năm 2014 và chưa được rà soát một cách bài bản.

**3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng**

Học viện cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020 của Chính phủ.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### **3. Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá**

#### **1. Điểm mạnh**

Học viện đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí tuân theo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQG HCM (Số 3370/QĐ-HVCTQG ngày 04/7/2019); Hướng dẫn đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hàng năm của HVCTQG HCM và HVBC&TT (Số 468/HD-HVCTQG ngày 30/10/2017; số 3998/HD-HVBCTT ngày 07/11/2017; số 348/HD-HVCTQG ngày 08/10/2018; số 5460/HD-HVBCTT ngày 26/11/2018; số 910/HD-HVCTQG ngày 09/10/2019; số 4752/HD-HVBCTT ngày 22/10/2019; số 4341/HD-HVBCTT ngày 19/10/2020; số 4818/HD-HVBCTT ngày 14/10/2021) và Quy định về đánh giá, xếp loại để chi thu nhập tăng thêm đối với CB, công chức, viên chức và người lao động (Số 4780/QĐ-HVBCTT ngày 16/12/2014).

Năng lực của đội ngũ NV được xác định trong Quy chế tuyển dụng công chức, viên chức, trong Đề án vị trí việc làm và Hướng dẫn đánh giá xếp loại hàng năm. Theo đó, các tiêu chí đánh giá bao gồm về Chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ, ...

Học viện đã xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn phân loại theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chức danh, vị trí công tác. Đối với đội ngũ NV hỗ trợ được phân rõ với từng ngạch bậc, có chức vụ quản lý hoặc không có chức vụ quản lý như: chuyên viên tập sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp có điểm đánh giá mức độ hoàn thành với mỗi tiêu chí có chỉ số đo lường cụ thể, chi tiết, tính trên tổng điểm 100.

Hoạt động đánh giá được thực hiện theo trình tự: NV TĐG theo mẫu phiếu đánh giá thống nhất của Học viện, đồng nghiệp đánh giá tại cuộc họp của các đơn vị, NH đánh giá qua các lần khảo sát ý kiến, cấp trên đánh giá thông qua hội đồng thi đua khen thưởng các cấp. Các quy định này được phổ biến công khai để mọi CB, NV biết và cùng triển khai thực hiện.

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021, ngành KTCT có 13 lượt NV hỗ trợ ngành xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 69 lượt xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, 05 lượt hoàn thành nhiệm vụ; 08 lượt NV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 04 lượt NV hỗ trợ ngành đạt khen cao.

#### **2. Điểm tồn tại**

Các tiêu chí liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV triển khai theo mẫu hàng năm, chưa được tổ hợp thành Bộ tiêu chuẩn.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cân nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***4. Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó***

### 1. Điểm mạnh

Hàng năm, Học viện/Khoa, ngành KTCT đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ. Căn cứ vào đề xuất của đơn vị và yêu cầu công việc, Trưởng các Khoa/đơn vị báo cáo Ban Tổ chức - CB để lên kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

Kết quả phê duyệt của Ban Giám đốc về công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức được gửi tới các đơn vị trong Học viện để triển khai thực hiện (“Kế hoạch bồi dưỡng cho CB, công chức, viên chức”) tuân thủ quy định của HVCTQGHCM và HVBC&TT. Kết quả khảo sát cho thấy các văn bản cử người đi học, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ.

Trong giai đoạn 2017-2021, đội ngũ NV của Học viện và Khoa KTCT được tham gia các khóa ĐTBĐ và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm do Học viện tổ chức hoặc cử đi như Lớp cao cấp lý luận chính trị; Lớp Trung cấp lý luận chính trị; Lớp Bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên/chuyên viên chính/chuyên viên cao cấp; Ngoài ra, đội ngũ NV tại các đơn vị chức năng còn được Học viện cử đi đào tạo dài hạn trình độ TS, ThS, ĐH văn bằng 2. Đội ngũ NV tham gia các khóa ĐTBĐ ngắn hạn, dài hạn được HVCTQGHCM hoặc HVBC&TT chi trả, hỗ trợ kinh phí học tập, hoặc/và tuân thủ Quy chế chi tiêu nội bộ (Số 4280/QĐ-HVBC&TT ngày 15/9/2021)

Kết quả thống kê cho thấy, giai đoạn 2017-2021 đã có 111 lượt NV được tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, ngắn hạn, các lớp tập huấn (12 người được cử đi đào tạo TS, 8 người được cử đi đào tạo ThS), tổng kinh phí chi cho ĐTBĐ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV từ nguồn thu của Học viện là gần 100 triệu đồng. Ngoài ra, kinh phí chi cho ĐTBĐ hàng năm còn được hỗ trợ từ HVCTQGHCM, trung bình 200 triệu VND/năm.

### 2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho Ban QLĐT, về ĐBCL cho đội ngũ trung tâm KT&ĐBCLĐT còn hạn chế.

Hoạt động tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV chưa triển khai một cách bài bản.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, ĐBCL, ... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện.

Học viện cần triển khai hoạt động tổng kết, đánh giá về hiệu quả của các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ NV một cách bài bản để làm căn cứ cho cải tiến chất lượng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

***5. Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

#### 1. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa KTCT xây dựng Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách (văn bản ban hành ngày 06/02/2017, ngày 02/02/2018, ngày 11/12/2019; ngày 06/01/2021) quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận được thể hiện ở Quy chế Công tác thi đua, khen thưởng của HVCTQGHCN; Hướng dẫn Đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân và tổng kết phong trào, bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của HVBC&TT.

Vào đầu mỗi năm học, Khoa giao nhiệm vụ cụ thể cho mỗi NV trong Bảng phân công nhiệm vụ chi tiết của Khoa và thực hiện theo dõi, giám sát kết quả, đồng thời hỗ trợ giải quyết các tình huống phát sinh. Mỗi NV trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch của cá nhân, triển khai thực hiện đồng thời có trách nhiệm báo cáo tình hình công việc và kết quả thu được.

Hàng năm, Học viện/Khoa triển khai đánh giá, phân loại công chức, viên chức và người lao động. Việc đánh giá dựa trên kết quả TĐG của viên chức, người lao động, nhận xét của đơn vị công tác, mức độ hoàn thành các tiêu chí về định mức lao động đã được quy định tại các văn bản của Học viện, tham gia các hoạt động NCKH và ý kiến của NH, GV về công tác phục vụ giảng dạy (thư viện, máy móc, phòng thực hành).

Kết quả khảo sát và qua phỏng vấn cho thấy, giai đoạn 2017-2021, trên 85% NH

hài lòng với sự hỗ trợ của đội ngũ NV. Kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động là cơ sở quan trọng để xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân. Hồ sơ bình xét được Học viện/Khoa lưu trữ đầy đủ. Trong chu kỳ KĐCL 5 năm gần đây, NV của Khoa/Học viện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận đạt từ lao động tiên tiến trở lên. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn cho thấy, trên 90% đội ngũ NV hỗ trợ hài lòng với phương pháp quản trị theo kết quả công việc và các tiêu chí bình xét thi đua khen thưởng, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện đã chi trên 330 triệu VNĐ cho công tác thi đua khen thưởng đội ngũ NV toàn Học viện, trên 2,5 triệu VNĐ cho đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa X.

## 2. Điểm tồn tại

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, tỷ lệ NV đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, đạt thành tích được khen thưởng còn hạn chế.

Với sự tăng trưởng ngày một lớn mạnh của Học viện về mọi mặt trong đó có số lượng NH, dẫn đến hoạt động hỗ trợ NH đòi hỏi đội ngũ hỗ trợ chuyên nghiệp và nỗ lực. Qua khảo sát thực tế cho thấy, chế độ chính sách hỗ trợ đội ngũ NV chưa thực sự phù hợp khi số lượng SV/chỉ tiêu tuyển sinh ngày một tăng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện cho đội ngũ NV đạt được các mức khen thưởng theo quy định, đồng thời cần có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV (tuyển sinh, ĐBCL, đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lí kí túc xá, Y tế, CTSV, ...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Công tác quy hoạch đội ngũ NV của Học viện/Khoa được tuân thủ theo CLPT HVBC&TT. Học viện đã tiến hành khảo sát tổng hợp nhu cầu về đội ngũ NV, tiến hành phân tích thực trạng đội ngũ NV hỗ trợ triển khai đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, đồng thời có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV tuân thủ Quy định về việc tuyển dụng công chức, viên chức và thông báo công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.

Học viện đã triển khai thực hiện đánh giá năng lực đội ngũ NV với quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí cụ thể; đã triển khai thu thập thông tin về nhu cầu đào

tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV hỗ trợ.

Học viện đã ban hành Quy chế làm việc và phân công CB chuyên trách, Quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Hoạt động phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBD đối với đội ngũ NV chưa thật sự bài bản.

Hoạt động rà soát các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng chưa được tiến hành bài bản.

Các tiêu chí liên quan đến đánh giá năng lực đội ngũ NV triển khai theo mẫu hàng năm, chưa được tổ hợp thành Bộ tiêu chuẩn.

Các khóa tập huấn về phát triển CTĐT cho Ban QLĐT, về ĐBCL cho đội ngũ Trung tâm KT&ĐBCLĐT còn hạn chế.

Chế độ chính sách hỗ trợ đội ngũ NV chưa thực sự phù hợp khi số lượng SV/chỉ tiêu tuyển sinh ngày một tăng.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện/Khoa cần tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích đánh giá nhu cầu ĐTBD của đội ngũ NV một cách bài bản.

Học viện cần có kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Học viện cần nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ NV một cách bài bản.

Học viện cần có kế hoạch hỗ trợ, cử đội ngũ chuyên viên tham gia các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT, ĐBCL, ... nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện

Học viện nên có chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đội ngũ NV hỗ trợ các hoạt động về đào tạo, NCKH, PVCĐ của Học viện như Tuyển sinh, ĐBCL, Đào tạo, CSVC, Tài chính, Quản lý kí túc xá, Y tế, CTCT&HTSV, ... khi số lượng NH ngày một tăng.

## **VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

***1. Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật***

1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn đánh giá 2017-2021, HVBC&TT đã thực hiện chính sách tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (Từ số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26/02/2015 đến số 09/2020 TT-BGDĐT ngày 07/5/2020), và theo Đề án tuyển sinh của Học viện (Số 589/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 10/02/2017; số 1269/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 19/3/2018; số 1326/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 18/3/2019; số 1650/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 11/5/2020; số 1339-TB/HVBCTT-ĐT ngày 11/3/2021). Theo đó, từ năm 2017, 2018, 2019, Học viện áp dụng 02 phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; từ năm 2020 và 2021, Học viện áp dụng 03 phương thức tuyển sinh: căn cứ kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, xét học bạ THPT và diện xét tuyển thẳng quy định của Bộ GD&ĐT. Đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện được cập nhật.

Chính sách và quy định về tuyển sinh được công bố công khai tại cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, cổng thông tin tuyển sinh của Học viện (Website tuyển sinh: <http://tuyensinhajc.edu.vn>, Website của HVBC&TT <http://ajc.hcma.vn>), Fanpage Khoa KTCT, tờ rơi quảng bá CTĐT, thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện (Số 2610/TB-HVBCTT-ĐT ngày 09/8/2017; số 3419/TB-HVBCTT-ĐT ngày 12/8/2018; số 3408/TB-HVBCTT-ĐT ngày 15/8/2019), trong cuốn “Những điều cần biết về tuyển sinh ĐH” do Bộ GD&ĐT phát hành; Các hoạt động quảng bá tuyển sinh khác của Học viện diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như: tư vấn trực tiếp tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh (AJC open day), tư vấn trực tuyến trên mạng xã hội bằng Livestream; tư vấn tuyển sinh cho học sinh THPT và phụ huynh (tại chỗ, đi đến các tỉnh/thành phố);

Hội đồng tuyển sinh của Học viện được thành lập hàng năm (số 321/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 27/01/2016; số 508/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 07/02/2017; số 418/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 23/01/2018; số 905/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 15/02/2019; số 1346/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 22/02/2020; số 1336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 12/3/2021; số 650/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 24/01/2022) đã thực hiện đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức chọn SV theo ngành đào tạo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ĐH chính quy các năm ngày 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/4/2020, 2021).

Việc cập nhật chính sách tuyển sinh hàng năm Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT khảo sát ý kiến đóng góp của BLQ, các khoa và các phòng ban liên quan phân tích kết quả tuyển sinh, trình Hội đồng tuyển sinh của Học viện xem xét quyết định cải tiến, điều chỉnh bổ sung chính sách tuyển sinh năm sau cho phù hợp.

Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017-2021 được lưu trữ đầy đủ tại các Quyết định trúng tuyển hằng năm (Số 3459/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 21/8/2017; số 3336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 06/8/2018; số 3299/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày



08/8/2019; số 3342/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 28/8/2020; số 3981/QĐ-HVBC TT-ĐT ngày 05/10/2020).

## 2. Điểm tồn tại

Chính sách tuyển sinh chưa có sự góp ý đầy đủ của các bên liên quan;

Việc phân tích /dự báo nhu cầu nhân lực chưa thực sự rõ ràng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có sự góp ý đầy đủ ý kiến của các BLQ trong việc tham mưu và xây dựng chính sách tuyển sinh hằng năm;

Học viện và Khoa KTCT cần phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực rõ ràng hơn. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành KTCT nói riêng.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## **2. Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

### 1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá 2017-2021, Học viện đã xây dựng Đề án và Thông báo tuyển sinh hằng năm có tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng (Số 589/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 10/02/2017; số 1269/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 19/3/2018; số 1326/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 18/3/2019; số 1650/ĐA-HVBC-TT-ĐT ngày 11/5/2020; số 1339-TB/HVBC TT-ĐT ngày 11/3/2021).

Học viện có quy trình xây dựng phương án xét tuyển và các tiêu chí tuyển sinh gồm 3 bước: (b1) Khoa đào tạo khảo sát, lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, chuyên gia, cựu SV để tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát và ý kiến đóng góp; đề xuất Hội đồng tuyển sinh Học viện tiêu chí và phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo (b2) Trên cơ sở đó, Hội đồng Tuyển sinh Học viện sẽ đánh giá tiêu chí và quyết định phương thức tuyển chọn SV theo ngành đào tạo; (b3) Bộ phận Tuyển sinh - Ban QLĐT thực hiện trong công tác tuyển sinh. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH vào hệ đào tạo chính quy của ngành đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và được xác định, ghi rõ trong Đề án tuyển sinh - công bố công khai hàng năm trên trang website tuyển sinh của Học viện.

Hàng năm, sau mỗi kỳ tuyển sinh, khoa đào tạo sẽ phân tích kết quả tuyển sinh, đánh giá mức độ phù hợp với tiêu chí tuyển sinh (bao gồm: số thí sinh đăng kí vào

CTĐT, số trúng tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, số nhập học thực tế, điểm tuyển đầu vào/thang điểm, điểm trung bình của SV được tuyển) nếu chưa phù hợp sẽ đề xuất Hội đồng Tuyển sinh Học viện họp tiến hành rà soát, đánh giá, cải tiến, điều chỉnh tiêu chí và phương thức tuyển chọn thí sinh cho kỳ tuyển sinh tiếp theo (Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh các năm từ 2017-2021 các ngày: 14/02/2017, 06/02/2018, 15/02/2019, 24/4/2020, 2021). Nhờ vậy mà trong chu kỳ đánh giá, số lượng SV nhập học thực tế của ngành KTCT luôn được đảm bảo và có xu hướng tăng dần (2017: 33/40, 2018: 52/40, 2019: 45/40, 2020:44/40 và 2021: 61/40).

Cơ sở dữ liệu tuyển sinh của Học viện các năm 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021 được lưu trữ đầy đủ (Kết quả tuyển sinh hằng năm của Học viện tại các quyết định về việc công nhận trúng tuyển ĐH chính quy tập trung: Quyết định số 3460/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 02/8/2017, số 3336/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 06/8/2018, số 3299/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 08/8/2019, số 3981/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 05/10/2020, số 3342/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 28/8/2020).

Kết quả tuyển sinh (số thí sinh nhập học chính thức hằng năm):

2017 – 2018: 33 SV (chỉ tiêu 40);

2018 – 2019: 52 SV (chỉ tiêu 40), tăng 57,5% so với cùng kỳ năm trước;

2019 – 2020: 45 SV (chỉ tiêu 40), giảm 13,4% so với cùng kỳ năm trước;

2020 – 2021: 44 SV (chỉ tiêu 40), giảm 8% so với cùng kỳ năm trước;

2021 – 2022: 61 SV (chỉ tiêu 40), tăng 47,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nhìn vào số liệu cho thấy số SV thực tế nhập học tăng dần trong chu kỳ đánh giá, trong đó số tăng cuối chu kỳ so với đầu chu kỳ là: 84,8%. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu đề ra thì cho thấy:

2017 – 2018 đạt 82,5% so với chỉ tiêu đề ra;

2018 – 2019 đạt 130% so với chỉ tiêu đề ra;

2019 – 2020 đạt 112% so với chỉ tiêu đề ra;

2020 – 2021 đạt 111% so với chỉ tiêu đề ra;

2021 – 2022 đạt 152,5% so với chỉ tiêu đề ra.

## 2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng, cho thấy việc triển khai lấy ý kiến đóng góp của BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành KTCT nói riêng chưa thực hiện đầy đủ.

Số lượng thí sinh trúng tuyển nhập học hằng năm ngành KTCT cao hơn so với chỉ tiêu (năm 2018: 52/40, 2019: 45/40, 2020: 44/40, 2021: 61/40).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ các BLQ về phương pháp và tiêu chí tuyển sinh của Học viện nói chung, ngành KTCT nói riêng đầy đủ.

Nguồn tuyển sinh hằng năm ngành KTCT phong phú, do vậy Học viện cần tuyển thêm GV cho chuyên Ngành KTCT để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***3. Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học***

#### **1. Điểm mạnh**

Học viện đã ban hành CTĐT ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ của các ngành (trong đó có ngành KTCT) từ năm 2014 (Số 3310/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 15 tháng 9 năm 2014), quy chế/quy định đào tạo tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017). Năm 2018 và 2020 có điều chỉnh (Số 4950/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 26/10/2018 và số 3911/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 20/9/2020). Các văn bản trên đều quy định rõ khối lượng học tập của SV. Học viện có phân công bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của SV và cảnh báo học vụ; các văn bản trên đều được tập hợp trong Sổ tay SV. Tham gia vào hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV (Trong đó CVHT có vai trò quan trọng: là những CB giảng dạy nắm chắc quy chế và CTĐT, có thể tư vấn một cách hiệu quả về kế hoạch, tiến độ, phương pháp học tập, phương thức KTĐG theo học chế tín chỉ, đội ngũ CVHT thường xuyên cung cấp thông tin, thông báo những nội dung liên quan đến chương trình học tập, quyền lợi và trách nhiệm cho NH bám sát tiến trình đào tạo, việc tư vấn học tập được tiến hành đều đặn, thường kỳ trong các buổi sinh hoạt lớp (định kỳ 3 tháng/1 lần hay họp phản ánh SV định kỳ 1 tháng 1 lần (vào ngày 20 hàng tháng); Học viện ban hành Quy định công tác CVHT và bổ nhiệm CVHT hàng năm: Quyết định số 3935/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 25/11/2015, số 2875/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/5/2017, số 3930/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 07/9/2018, số 3594-QĐ/HVBCCTT-ĐT ngày 28/8/2019). Tại HVBC&TT, Ban QLĐT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản lý, hỗ trợ các hoạt động dạy, học và KQHT của SV. Phòng CTCT&HTSV là đơn vị quản lý các hoạt động rèn luyện và kết quả rèn luyện của SV.

Học viện có quy trình/quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, đó là sự kết hợp giữa Hệ thống các văn bản, các công cụ phương tiện hỗ trợ (phần mềm đào tạo Maxman) và các chủ thể hoạt

động giám sát (đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV). Theo đó, cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của NH được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần ((i) họp khoa, trong đó có nội dung về công tác đào tạo, công tác SV, công tác NCKH, (ii) họp phản ánh SV (thành phần: đại diện lãnh đạo khoa, CVHT, chuyên viên văn phòng khoa và đại diện ban cán sự các lớp, đại diện Liên chi đoàn Khoa KTCT). Ngoài ra, CVHT của ngành đào tạo còn theo dõi tiến độ của NH thông qua hệ thống phần mềm QLĐT của Học viện. Sau mỗi học kỳ, Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV, Khoa KTCT đánh giá và đưa ra các quyết định về KQHT, rèn luyện của SV căn cứ trên KQHT và quá trình rèn luyện. Trên cơ sở đó, Học viện sẽ xét học bổng/khen thưởng hoặc đưa ra các quyết định kỉ luật SV ở các mức độ khác nhau (khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ học 1 năm, buộc thôi học); Cuối học kỳ, Ban QLĐT phối hợp với Phòng CTCT&HTSV, Khoa KTCT xem xét tình trạng học tập (nghỉ học quá thời gian cho phép, không đăng kí đủ số lượng tín chỉ cho học kỳ, điểm tích lũy thấp dưới mức quy định, ...) của SV, sau đó sẽ gửi danh sách chính thức những SV thuộc diện kỉ luật ở các mức độ khác nhau kèm Quyết định tới Khoa, SV.

Học viện đã có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện đầy đủ, hiệu quả qua hệ thống giám sát, KTĐG KQHT, rèn luyện của NH được thực hiện bởi nhiều bộ phận khác nhau, qua công cụ là phần mềm Maxman. Trong chu kỳ đánh giá, qua hệ thống giám sát phù hợp và áp dụng liên tục đã giúp NH có kết quả trong học tập và rèn luyện tiến bộ dần qua các năm học. Tỷ lệ yếu kém và trung bình của SV năm cuối giảm hơn nhiều so với năm thứ nhất, tỷ lệ đạt loại giỏi, xuất sắc cũng tăng dần theo các năm. SV ngành KTCT hoàn thành chương trình học đúng tiến độ (4 năm) trong chu kỳ đánh giá: số lượng SV toàn khóa ở học kì II năm thứ tư so với số lượng SV hoàn thành CTĐT đúng 4 năm là: năm 2017 đạt 22/27 (81,48%), năm 2018 đạt 37/52 (71,15%), năm 2019 đạt 32/46 (69,56%), năm 2020 đạt 22/41 (53,65%), năm 2021 đạt 18/31 (58,06%). Học viện có hệ thống phần mềm đào tạo Maxman phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của NH đầy đủ, chính xác, kịp thời và hiệu quả.

## 2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2017-2021, Học viện và Khoa KTCT chưa xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của NH.

Số liệu thống kê cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, vẫn còn tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và Khoa KTCT cần xây dựng quy trình giám sát KQHT, rèn luyện, tỷ lệ học vượt của NH.

Học viện cần tăng cường giám sát, KTĐG KQHT, rèn luyện của NH để giảm thiểu tình trạng SV bỏ học, học quá thời hạn, tốt nghiệp muộn.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**4. Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học**

**1. Điểm mạnh**

Học viện đã ban hành các văn bản liên quan đến quy chế, quy định các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH: Quy định đào tạo ĐH hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017); Quyết định ban hành chức năng, nhiệm vụ của phòng CTCT&HTSV (Số 4239-QĐ/HVBCCTT ngày 30/9/2019). Học viện đã phân công bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH là đội ngũ chuyên viên văn phòng khoa, CVHT và các chuyên viên Ban QLĐT, Phòng CTCT&HTSV. Học viện ban hành Quy định công tác CVHT bậc ĐH hệ chính quy và bổ nhiệm CVHT hằng năm (Số 3935/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 25/11/2015; số 2875/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/5/2017; số 3930/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 07/9/2018; số 3594/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 28/8/2019).

Ngoài ra, Học viện phân công Khoa đào tạo và phòng CTCT&HTSV chịu trách nhiệm tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ nghề nghiệp cho SV để tăng cường kiến thức thực tiễn và kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp.

Học viện và Khoa đào tạo có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập, và tăng cường kỹ năng mềm cho SV ngành KTCT và các ngành khác trong Khoa và Học viện. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo kế hoạch và có báo cáo kết quả thực hiện như: Kế hoạch tổ chức cuộc thi tuyển chọn “MC Speak up” 2017 (Số 37-KH/ĐTĐN tháng 3/2017); Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm cho SV năm học 2017-2018 (Số 03-KH/ĐTĐN-HVBCCTT ngày 13/9/2017); Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng tháng thanh niên năm 2019 (Số 19-KH/ĐTĐN-HVBCCTT ngày 20/02/2019); Kế hoạch tổ chức hoạt động “Tuổi trẻ học viện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2020” (Số 09-KH/ĐTĐN-HVBCCTT ngày 14/9/2020); Kế hoạch tổ chức tập huấn kỹ năng mềm năm học 2020-2021 (Số 07-

KH/ĐTN-HVBCCTT ngày 05/9/2020). Học viện tổ chức các CLB với đa dạng các lĩnh vực hoạt động, đáp ứng nhu cầu của SV các chuyên ngành thuộc các khoa chuyên môn: đội Văn nghệ Xung kích; CLB Thanh niên vận động hiến máu AJC; CLB Võ thuật; CLB Guitar; CLB Bóng rổ; CLB Phục hồi mắt gốc tiếng Anh; ... Các hoạt động thi đua, tình nguyện, ngoại khóa như: mùa hè xanh, phục vụ tuyển sinh ĐH, hiến máu nhân đạo, các giải bóng đá nam nữ SV, cắm trại, văn nghệ, Phút cuối, Nhật kí 20, các kỳ thi (Olympic tiếng Anh). Các hoạt động thực hành nghề nghiệp tại các CLB đội nhóm thì có: CLB Nhà kinh tế trẻ; Chương trình thực hành kinh doanh và khởi nghiệp; ...

Khoa KTCT và phòng CTCT&HTSV có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH như: thực tế môn học, thực tế chính trị - xã hội, kiến tập trong nước/nước ngoài, thực tập, định hướng/cơ hội nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng viết hồ sơ xin việc, phỏng vấn xin việc, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ và trả lời phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh, các buổi hội thảo, tọa đàm khoa học về triển vọng nghề nghiệp cho SV ngành KTCT hoặc lồng ghép nội dung này trong các hội nghị SV NCKH. Mặt khác, Khoa còn chú trọng đến việc liên hệ với các cơ sở kiến tập, thực tập là các cơ quan, doanh nghiệp để giúp SV có cơ hội đến học tập thực tế, học hỏi kinh nghiệm làm việc, tiếp xúc trực tiếp với các NTD trong tương lai, rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết.

Trong chu kỳ đánh giá, Hàng năm, Học viện/Khoa KTCT đều có báo cáo, phân tích, đánh giá về các hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác; trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những điểm mạnh và có giải pháp hạn chế tồn tại nhằm hỗ trợ tốt nhất cho SV. Trong 3 năm 2018, 2019 và 2020 qua khảo sát về tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp cho thấy tỷ lệ SV ngành KTCT tốt nghiệp có việc làm khá cao, đặc biệt trong năm 2020 đạt 88,23%, trong đó tỷ lệ đúng chuyên ngành đạt trên 73.33% (Báo cáo Tổng kết năm học của HVBC&TT). Qua phỏng vấn trực tiếp cho thấy, đối tượng là NH và NH tốt nghiệp đều hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Học viện và Khoa KTCT.

## 2. Điểm tồn tại

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện và Khoa KTCT chưa có kế hoạch kiểm tra giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của đội ngũ CVHT.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện và khoa cần có kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ CVHT (hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ NH).

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**5. Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học**

**1. Điểm mạnh**

Học viện có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái cho NH và GV thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu (diện tích phòng học là 11,957,9m<sup>2</sup> trên tổng SV chính quy là 7557 nên diện tích phòng học bình quân là 1,58m<sup>2</sup>/sv: đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Học viện; Hệ thống phòng làm việc gồm 86 phòng và tòa nhà 11 tầng đầy đủ phương tiện làm việc hành chính); Thư viện sử dụng tòa nhà 3 tầng có diện tích hơn 3.000 m<sup>2</sup> bao gồm 10 phòng học, 05 phòng phục vụ với 300 chỗ ngồi. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm: bàn, ghế, tủ, giá sách, máy số hóa, máy tính, máy photocopy, máy in, ti vi, điều hòa, ... đáp ứng yêu cầu sử dụng của CB, GV và SV. Cảnh quan trong Học viện sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo sự thuận lợi cho NH, công chức, viên chức và người lao động trong cơ sở đào tạo. Học viện ban hành Quy định về Văn hóa học đường và quy tắc ứng xử văn hóa của SV HVBC&TT (Số 4674/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2022). Các nội quy/quy tắc ứng xử trong khuôn viên trường và được công bố công khai, quy định về môi trường, giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017, nội quy Phòng cháy, chữa cháy, kế hoạch tổ chức tập huấn nghiệp vụ và diễn tập PCCC (số 5029/QĐ-HVCTQG ngày 26/10/2017; số 4924/KH-HVBCTT-VP năm 2018).

Qua khảo sát cho thấy, mạng lưới y tế của Học viện, công tác bảo hiểm, công tác khám sức khỏe và truyền thông sức khỏe được thực hiện đảm bảo đúng quy định (Báo cáo Tổng kết năm học của văn phòng học viện, phần của y tế). Công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy được thực hiện hằng năm. Các Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy các năm 2020, 2019, 2018, 2017 đều có kết luận: Phương tiện đảm bảo cho công tác PCCC, các phòng học thông thoáng, hệ thống điện được lắp đặt đúng kỹ thuật.

Hàng năm SV Học viện trong đó có SV ngành KTCT được lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan sư phạm của Học viện và Khoa theo phiếu khảo sát chung của học viện. Kết quả thống kê cho thấy hầu hết SV hài lòng về cảnh quan môi trường của Học viện, khoa (Báo cáo Tổng kết năm học từ 2017-2018 đến 2020-2021).

**2. Điểm tồn tại**

Qua khảo sát thực địa tại học viện cho thấy, không gian tổ chức các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV còn chật hẹp; không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện chưa được đầu tư đúng mức.

Qua phỏng vấn SV ngành KTCT cho thấy, Học viện chưa bố trí được không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành KTCT và các ngành khác trong Học viện.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm cho không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện;

Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành KTCT và các ngành khác.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

#### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:***

##### **- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Học viện có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng được xây dựng căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, được cập nhật hằng năm và được công khai trên các phương tiện thông tin.

Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ NH trong học tập, NCKH. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ và thôi học của NH.

Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và nhiều dịch vụ hỗ trợ khác đã khuyến khích SV phấn đấu học tập, NCKH cũng như tu dưỡng, rèn luyện để đạt được những thành tích tốt trong học tập, NCKH.

SV còn được học tập, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường cảnh quan, xã hội và tâm lý thuận lợi.

##### **- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:**

Học viện và Khoa KTCT chưa phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành KTCT sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm.

Học viện chưa mở rộng các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện,



từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành KTCT nói riêng.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện chưa triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện tuyển sinh hàng năm vượt chỉ tiêu đề ra.

Học viện chỉ thực hiện khảo sát lấy ý kiến của NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Học viện, chưa mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách quan hơn.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Học viện và Khoa cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành KTCT sát với đối tượng mà Khoa đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm. Bên cạnh đó, Học viện cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi SV, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Học viện, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Học viện nói chung và của ngành KTCT nói riêng.

Trong chu kỳ đánh giá, Học viện cần triển khai lấy ý kiến đóng góp từ đội ngũ GV, NV của khoa về phương thức xét tuyển và chỉ tiêu tuyển sinh của Học viện nói chung, chuyên ngành nói riêng.

Học viện cần tuyển thêm GV chuyên Ngành để việc tuyển sinh sẽ phù hợp chỉ tiêu đề ra.

Học viện cần tạo thêm không gian tổ chức cho các hoạt động CLB, sinh hoạt đội nhóm cho SV; đầu tư thêm cho không gian giải trí cho SV trong khuôn viên Học viện.

Học viện cần bố trí thêm không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa CVHT và SV ngành KTCT và các ngành khác.

## **IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

***1. Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Điểm mạnh**

Học viện/Khoa KTCT có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng) tại tòa nhà 11 tầng, phòng học (90 phòng học lí thuyết gồm 24 phòng học đến 50 chỗ ngồi, 53 phòng đến 100 chỗ, 07 phòng đến 200 chỗ và 01 hội trường trên 200 chỗ ngồi) và 01 phòng học trực tuyến, 60 phòng làm việc cho GS, phó GS, GV cơ hữu; 02 phòng họp trực

tuyến; phòng học rộng rãi (trung bình 6,7m<sup>2</sup>/SV), thoáng mát, có trang thiết bị phù hợp cho hoạt động đào tạo của Học viện nói chung và cho ngành KTCT nói riêng.

Văn phòng Khoa KTCT gồm 01 phòng làm việc cho Trưởng khoa (có diện tích là 19,8 m<sup>2</sup>), 01 phòng cho Phó Trưởng khoa (có diện tích là 22,7 m<sup>2</sup>), 02 làm việc chung (dùng cả cho đón tiếp NH) có diện tích là 21,2 và 77,4 m<sup>2</sup> tại Tầng 7 Nhà A1 và 01 phòng đọc (22,7m<sup>2</sup>) tại Tầng 9 Nhà A1 được trang bị đầy đủ các trang thiết bị văn phòng, có kết nối mạng Internet bằng dây và wifi.

Học viện có nội qui sử dụng tài sản, trang thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành do Văn phòng theo dõi hiệu quả sử dụng phục vụ cho đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc bố trí phòng học hợp lí đã đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng phòng học cũng như các hoạt động hỗ trợ đào tạo như học nhóm, tự học, ... Học viện thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi từ GV và NH. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 40,0% năm 2020 lên 71,4% năm 2021; tỉ lệ NH hài lòng về thiết bị phòng học tăng từ 71,1 năm 2020 lên 92,3% năm 2021. Học viện đã tổng hợp và đề xuất kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp trang thiết bị cần thiết cho phòng học, phòng thực hành và các phòng chức năng của Khoa phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc (điện, quạt, điều hòa không khí, bảng chống lóa, bàn, ghế, tủ làm việc, máy tính nối mạng, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thiết bị an toàn...). Trong phòng học, hội trường có trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh, camera, bàn ghế phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ cho CTĐT ngành KTCT. Văn phòng Khoa KTCT được trang bị 14 bàn làm việc, 04 bộ máy tính để bàn, 01 máy tính xách tay, 02 máy in, 01 máy phô-tô, 16 tủ đựng tài liệu.

## 2. Điểm tồn tại

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) còn ít.

Hầu hết phòng học đang sử dụng bàn đôi (khó di chuyển khi bố trí lại phòng học để tổ chức các hoạt động dạy học tích cực).

Phòng tự học chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu của SV vào mùa thi.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường số lượng phòng học dạng smart class hướng đến mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và “Giáo dục 4.0”.

Cần trang bị bàn đơn cho các phòng học và bố trí phòng học hợp lí hơn cho việc tự học vào mùa thi.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

**2. Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

**1. Điểm mạnh**

Học viện/Khoa có thư viện (thư viện điện tử Kipos phiên bản 6.X với 04 module cơ bản: biên mục tài liệu, lưu thông tài liệu, quản lý ấn phẩm và công thông tin điện tử để quản lý toàn bộ các tài liệu in có trong thư viện qua mã vạch và thư viện số Dspace tại địa chỉ truy cập [thuvienajc.hcma.vn](http://thuvienajc.hcma.vn)), phòng đọc tại Trung tâm Thông tin khoa học (Tòa nhà 3 tầng) với diện tích là 3.000m<sup>2</sup>, gồm 10 phòng đọc, 5 phòng phục vụ và 300 chỗ ngồi, có bàn ghế, 48 máy tính tra cứu tiện lợi phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành KTCT.

Thư viện, phòng đọc của Học viện/Khoa có nội qui và hướng dẫn rõ ràng như các qui định về mượn, trả tài liệu, qui định về xử phạt, qui định về việc sử dụng và thời gian mở cửa (từ thứ Hai đến thứ Bảy (phòng mượn chỉ làm việc đến thứ Sáu) Thư viện mở cửa phục vụ bạn đọc từ 7h30 đến 11h30 và 13h00 đến 17h00), được trang bị các trang thiết bị để hoạt động như máy tính để tra cứu thuận tiện, bàn đọc, khu tự học rộng rãi.

Ngoài ra, Khoa KTCT có tủ sách riêng cung cấp những nguồn học liệu chuyên biệt của ngành Kinh tế và KTCT với hơn 100 tài liệu giáo trình, sách chuyên khảo bằng tiếng Việt và tiếng Anh, báo chí, cùng hàng trăm đầu luận văn đề GV và NH ngành KTCT tham khảo trong học tập và NCKH.

Học viện/Khoa có 225 đầu sách/2877 bản học liệu bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; 690 tài liệu số; 353 luận văn, cơ bản bảo đảm qui định về sở hữu trí tuệ và phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo (54 HP) và NCKH của GV, NH ngành KTCT. Vào đầu năm học, Học viện/Khoa hướng dẫn sử dụng Thư viện và cung cấp tài khoản truy cập thư viện cho NH.

Các tài liệu, học liệu (bản điện tử) của Học viện/Khoa tương đối được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH. Hàng năm, Học viện đầu tư cho mua mới học liệu phục vụ đào tạo ngành KTCT hàng chục triệu đồng (tính theo 5 năm 2017-2021 của giai đoạn đánh giá là 62,7; 58,9; 59,9; 48,6; 88,9 triệu đồng).

Học viện/Khoa có dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện gồm Sổ theo dõi bạn đọc truyền thống để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện có khảo sát sự hài lòng của độc giả về mức độ phù hợp của Thư viện, kết quả khảo sát có 87,0% NH năm 2018 và 86,5% năm 2021 hài lòng về thư viện và học liệu.

**2. Điểm tồn tại**

Một số tài liệu, giáo trình đang là “tài liệu lưu hành nội bộ”; việc hướng dẫn NH khai thác thư viện số hiệu quả chưa cao (một số SV khai thác thư viện số chưa hiệu quả).

Công tác mở rộng hợp tác, liên kết với các thư viện trên cả nước và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng.

Phần mềm quản lí thư viện Kipos của Học viện mới chỉ có 04 module cơ bản, chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; chỉ có 01 máy khử từ.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH, tổ chức khác trên cả nước và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu.

ĐBCL học liệu thông qua thúc đẩy việc xuất bản tài liệu lưu hành nội bộ và cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn.

Tăng số máy khử từ đủ cho phòng mượn tại mỗi tầng của tòa nhà Thư viện.

Cần đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm cho Phần mềm quản lí thư viện Kipos để phục vụ quản lí, báo cáo và KĐCLGD được tiện lợi.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***3. Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện có 06 phòng thực hành tin học, 03 phòng Lab có trang thiết bị học ngoại ngữ và 10 phòng thực hành kĩ năng nghề nghiệp dùng chung cho các ngành đào tạo của Học viện. Khoa KTCT sử dụng phòng học và phòng các phòng thực hành nghiệp vụ để tổ chức thực hành nghiệp vụ công tác dân vận, thực hành giảng dạy KTCT cho NH. Do tính chất của ngành học KTCT, một số tiết học thực hành có thể thực hiện tại lớp học. Học viện có các phòng chức năng được trang bị đầy đủ âm thanh, ánh sáng, màn hình LED để phục vụ cho NH tổ chức sự kiện, tranh biện, ... kĩ năng mềm.

Học viện có Quy định về quản lí, sử dụng các phòng thực hành (ví dụ Quyết định số 368/QĐ-HVBCCTT ngày 11/02/2020), trong đó nêu rõ mục đích, nguyên tắc, nội dung, qui trình sử dụng phòng thực hành cũng như công tác kiểm tra, khen thưởng và xử lí vi phạm. Trang thiết bị trong phòng thực hành của Khoa KTCT được Văn phòng (Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo) chủ trì việc định kì duy tu, bảo dưỡng và cập

nhật/nâng cấp (từ 600 triệu năm 2020 đến hơn 2 tỉ đồng năm 2017) để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của ngành KTCT.

Học viện có NV (thuộc Bộ phận Thực hành và Hỗ trợ đào tạo của Văn phòng Học viện) phụ trách phòng thực hành; có hồ sơ theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị của phòng thực hành.

Định kì, Học viện và Khoa KTCT thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV và NH về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết GV và NH hài lòng về trang thiết bị và các dịch vụ của Học viện. Chẳng hạn, năm 2021, 74.7% GV và 89,5 SV hài lòng về CSVC cho thực hành.

## 2. Điểm tồn tại

Học viện chưa có phòng thực hành PPGD riêng biệt nên thiết bị dùng cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy chưa hoàn toàn phù hợp (màn hình ti-vi bé, bàn học đôi...) và chưa có phòng thực hành dạy học trực tuyến riêng.

Qui định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành (Số 368/QĐ-HVBCTT) chưa có qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ PPGD; phòng thực hành dạy học trực tuyến.

Cần bổ sung qui trình đăng kí sử dụng các phòng thực hành vào Qui định về quản lý, sử dụng các phòng thực hành.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

***4. Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### 1. Điểm mạnh

Học viện có hệ thống CNTT bao gồm hệ thống 03 máy chủ IBMX3500 M4 có bộ vi xử lý IntelXeonE5-2609 (2.4 GHz, 10M Cache, 4C/4T, Dual LGA 2011) để quản lý cơ sở dữ liệu, quản lý các phần mềm quản lý và quản lý công nghệ thông tin SV; 610 máy tính có cài đặt phần mềm và được nối mạng, gồm cả 06 phòng thực hành máy tính dùng chung, 99 máy chiếu projectors (Khoa KTCT được trang bị riêng 04 máy tính để bàn, 02 máy in) dùng cho văn phòng phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống CNTT của Học viện hoạt động ổn định, an toàn (Học viện sử dụng 02 hệ đường truyền internet Leased Line do FPT cung cấp có tốc độ 6Mbps truyền đi quốc tế, 300Mbps truyền trong nước phục vụ công tác quản lý và 04 kênh FTTH do FPT và VNPT cung cấp có tốc độ 100Mbps/kênh) để hỗ trợ các hoạt động quản lý, đào tạo và NCKH; có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh dữ liệu như hệ thống tường lửa (2 thiết bị Palo alto PA-500) cho hệ thống mạng LAN, phần mềm diệt virus bản quyền cho các máy chủ, chia VLAN mạng nội bộ, phân vùng wifi kèm đặt mật khẩu truy cập, ...

Công tác tin học hoá các hoạt động quản lý của Học viện đã bước đầu được chú trọng, như sử dụng 06 phần mềm quản lý các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn sử dụng Microsoft Teams để giảng dạy, KTĐG và quản lý việc dạy học trực tuyến (có Quy định về công tác tổ chức kì thi HP theo hình thức trực tuyến dành cho SV ĐH chính qui tập trung gồm 12 trang; Hướng dẫn coi thi trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams gồm 04 trang và Hướng dẫn thi trực tuyến trên phần mềm Microsoft Teams gồm 04 trang).

Hệ thống CNTT của Học viện/Khoa được định kì sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật thông qua việc kí kết các hợp đồng kinh tế hạ tầng mạng, cung cấp bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống CNTT hàng năm để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Trong thời gian Đoàn chuyên gia ĐGN làm việc, tốc độ wifi tại phòng làm việc của Đoàn ổn định, đáp ứng yêu cầu công việc.

Học viện/Khoa đã lấy ý kiến phản hồi của NH về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của NH về hệ thống CNTT tăng từ 71,1% năm 2020 đến 92,3% năm 2021.

## 2. Điểm tồn tại

Chưa có phần mềm quản lý tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến (việc quản lý, giám sát đánh giá online chưa thực sự hiệu quả); chưa có phòng studio để sản xuất học liệu e-learning riêng (đang dùng chung với phòng thực hành nghề).

Chưa có phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác KĐCLGD; việc số hóa minh chứng/văn bản còn hạn chế.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần phát triển phần mềm quản lý giảng dạy trực tuyến để quản lý, giám sát tương tác giữa dạy và học, KTĐG trực tuyến; trang bị phòng studio để sản xuất học liệu e-learning.

Tăng cường tin học hóa (ứng dụng CNTT) trong quản lý và đào tạo, đặc biệt hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể (Single Sign on) để việc sử dụng, quản lý được thuận tiện.

Cần phát triển phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định; tăng cường việc số hóa minh chứng/văn bản.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**5. Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật**

**1. Điểm mạnh**

Học viện áp dụng qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe theo Nghị định 80/2017/NĐ-CP (chưa có qui định riêng); có các qui định, nội qui về an ninh, an toàn, trật tự, phòng chống cháy nổ được bố trí trong khuôn viên, giảng đường, phòng thực hành, ... để toàn thể CB, GV, NV, NH biết và thực hiện; Học viện có kí túc xá (độc lập), khu thể thao, căng-in (xã hội hóa), trạm y tế (04 phòng, có phòng lưu bệnh nhân trong vòng 12 giờ) rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ, tiện dụng; cảnh quan môi trường thoáng đãng (5,6ha), xanh, sạch, đẹp: khuôn viên Học viện thiết kế như công viên với 497 cây xanh các loại (360 cây bóng mát, 137 cây cảnh), 241 chậu cảnh, 04 bể cảnh và khoảng 2.576m<sup>2</sup> thảm cỏ xanh.

Các qui định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện như môi trường sinh thái và môi trường học tập, công tác y tế học đường, công tác đảm bảo an toàn cho NH, vệ sinh an toàn thực phẩm; phối hợp với Cảnh sát PCCC tập huấn cho CB, GV và NH về kiến thức, pháp luật PCCC; thường xuyên tự kiểm tra, phát hiện và khắc phục những sơ hở, thiếu sót về PCCC, triển khai các hoạt động liên quan đến phòng chống cháy nổ trong khuôn viên Học viện. Để việc di chuyển và sinh hoạt thuận lợi cho mọi đối tượng, Học viện có hệ thống lối đi thân thiện, có độ dốc ít dành cho người khuyết tật.

Học viện đã thực hiện lấy ý kiến phản hồi của GV và NH định kì về môi trường, sức khỏe và an toàn với tỉ lệ hài lòng khá cao (kết quả khảo sát năm 2021 cho thấy có 85,4% NV, 85,7 GV và 96,2 SV hài lòng về môi trường tâm lí, xã hội; 91,2 SV hài lòng về môi trường cảnh quan sư phạm).

**2. Điểm tồn tại**

Học viện chưa cụ thể hóa qui định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn; chưa có phân loại rác thải ban đầu (thùng đựng rác thải tái chế, thùng đựng rác thải hữu cơ, thùng đựng chai/lọ thủy tinh, thùng đựng pin)

**3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng**

Cần cụ thể hóa Nghị định 80/2017/NĐ-CP và Thông tư 38/2019/TT-BLĐTBXH thành qui định riêng của Học viện về tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn.

Cần trang bị dụng cụ (thùng đựng) để phân loại rác thải ban đầu để giảm tải cho các bãi rác/nhà máy xử lí, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Có đủ hệ thống phòng làm việc (86 phòng), phòng học (90 phòng) và phòng học trực tuyến (01), phòng thực hành tin học (06), phòng lab học tiếng (03), phòng chức năng và phòng làm việc dùng chung cho GS, phó GS, GV cơ hữu (60); hệ thống CNTT, Kí túc xá, thư viện, căng-tin, khu thể thao phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thư viện số và thư viện điện tử có đủ tài liệu học tập. Công tác tin học hoá việc quản lí trường học và an toàn dữ liệu bước đầu được chú trọng. Tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Kết quả khảo sát sự hài lòng về mức độ phù hợp của CSVC, chất lượng phục vụ, về môi trường, sức khỏe và an toàn đạt cao.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class) của Học viện còn ít. Việc hợp tác, liên kết với các thư viện của CSGD khác và các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa đạt như kì vọng; phần mềm quản lí thư viện Kipos chưa có chức năng thống kê số lượng sách theo ngành, theo năm; đang sử dụng nhiều tài liệu nội bộ (chưa xuất bản). Chưa có phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm riêng, chưa có phòng thực hành dạy học trực tuyến riêng. Chưa có phần mềm quản lí tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, việc sản xuất học liệu e-learning còn hạn chế; chưa có phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại (Smart Class). Tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường ĐH khác và nâng cao hiệu quả việc khai thác dữ liệu số; đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho phần mềm quản lí thư viện Kipos; rà soát ĐCHP thường xuyên hơn để bổ sung, cập nhật tài liệu học tập; tăng số máy khử từ. Trang bị phòng thực hành PPGD riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy; phòng thực hành dạy học trực tuyến. Phân tích kết quả khảo sát sự hài lòng của GV, NH về mức độ phù hợp của phòng thực hành một cách hiệu quả hơn. Đầu tư phần mềm quản lí tương tác giữa GV và NH trong dạy-học trực tuyến, tăng cường sản xuất học liệu e-learning; phát triển phần mềm quản lí minh chứng phục vụ công tác kiểm định.



## **X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

### ***1. Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

#### **1. Điểm mạnh**

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Cụ thể, Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì công việc xây dựng quy trình, hệ thống phiếu khảo sát và làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị tổ chức khảo sát các đối tượng có liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện; chủ trì, phối hợp với các Khoa và đơn vị chức năng nghiên cứu, đổi mới, xây dựng đánh giá và cập nhật CTĐT (Số 4237/QĐ-HVBCCTT ngày 30/9/2019). Ban QLĐT phối hợp với Trung tâm KT&ĐBCLĐT và các khoa, đơn vị liên quan xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung CTĐT, bồi dưỡng; nghiên cứu đề xuất xây dựng các CTĐT, bồi dưỡng mới các ngành và chuyên ngành đào tạo, các CTĐT tiên tiến; nghiên cứu xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng (Số 4227/QĐ-HVBCCTT ngày 30/9/2019). Các Khoa trong Học viện thực hiện nhiệm vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng của ngành, chuyên ngành được Học viện giao nhiệm vụ.

Hiện nay, Học viện đang thực hiện các loại khảo sát: khảo sát giờ giảng bằng hình thức trực tuyến trước khi kết thúc HP; khảo sát HP bằng hình thức trực tuyến sau khi thi kết thúc HP; khảo sát cựu SV bằng hình thức gửi qua email; khảo sát NTD bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email; khảo sát đội ngũ CB, NV bằng phát phiếu trực tiếp, email hoặc gửi link.

Tất cả các kết quả khảo sát đều được Trung tâm KT&ĐBCLĐT tổng hợp, phân tích và báo cáo Giám đốc Học viện, Chủ tịch Hội đồng trường để xử lý. Các kết quả khảo sát liên quan đến CTĐT được gửi đến các đơn vị liên quan sử dụng cho phát triển CTDH.

#### **2. Điểm tồn tại**

Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa chưa rõ sự tham gia của các Khoa trong thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ.

Qua phỏng vấn cho thấy, nhiệm vụ chủ trì trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT đang còn chưa được phân định rõ giữa Trung tâm KT&ĐBCLĐT và Ban QLĐT.

Qua phỏng vấn cho thấy, Học viện chưa có quy chế phối hợp trong các hoạt động khảo sát, chia sẻ và sử dụng các dữ liệu sau khảo sát trong hoạt động xây dựng CTDH nói riêng và trong các hoạt động của Học viện nói chung.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần bổ sung nhiệm vụ của các Khoa trong thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ trong Quy định về chức năng nhiệm vụ của các Khoa.

Nên quy định rõ trong nhiệm vụ của Ban QLĐT là chủ trì trong việc xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT.

Học viện nên xem xét ban hành Quy chế phối hợp của các đơn vị trong các hoạt động khảo sát, sử dụng các số liệu sau khảo sát cho các hoạt động của Học viện, đặc biệt là hoạt động phát triển CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***2. Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến***

### 1. Điểm mạnh

Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT. Quy trình mới nhất được ban hành theo quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020. Theo đó, quy trình xây dựng CTĐT gồm 12 bước, quy trình đánh giá cập nhật CTĐT gồm 10 bước.

Hàng năm, Học viện đều thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Từ năm 2018 đến nay, Học viện đã tiến hành rà soát các thuật ngữ sử dụng trong quy trình thiết kế phát triển CTDH, các bước trong quy trình xây dựng CTĐT và quy trình đánh giá cập nhật CTĐT. Hiện nay, Học viện đang tiến hành rà soát Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT ban hành theo Quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020.

Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT đã được cải tiến. Cụ thể, Quyết định số 2643/QĐ-HVBCCTT ngày 29/4/2020 đã được cải tiến từ quy trình ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-HVBCCTT ngày 23/5/2018 trong đó: quy trình xây dựng CTĐT gồm 12 bước so với 9 bước ở quy trình ban hành năm 2018; quy trình đánh giá cập nhật CTĐT có 10 bước so với 6 bước của quy trình ban hành năm 2018. Quy trình ban hành năm 2020 bổ sung, làm rõ thêm các biểu mẫu trong quy trình xây dựng như mẫu ĐCHP, mẫu đối sánh CTĐT so với quy trình ban hành năm 2018.

### 2. Điểm tồn tại

Hoạt động cải tiến quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT chưa xuất phát từ khảo sát đầy đủ các BLQ đến phát triển CTDH.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Ban QLĐT nên chủ trì trong việc lấy ý kiến các BLQ thông qua đa dạng các hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, các khảo sát để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

**3. Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra**

**1. Điểm mạnh**

Quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá kết quả hoạt động của NH, các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CĐR được thể hiện một phần ở các văn bản Học viện ban hành. Cụ thể, trước năm 2018, việc thực hiện rà soát và đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo quy định đào tạo ĐH chính quy theo hệ thống tín chỉ (Số 3307/QĐ-HVBCTT ngày 12/9/2014), quy định về công tác xây dựng ngân hàng đề thi (Ban hành ngày 30/11/2015). Từ năm 2018, Học viện đã ban hành quy định về công tác khảo thí (Số 2989/QĐ-HVBCTT-KT ngày 01/9/2017), quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT (Số 2244/QĐ-HVBCTT ngày 23/5/2018), hướng dẫn thiết kế PPDH và KTĐG đáp ứng CĐR (Số 2647/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020; số 2663/HD-HVBCTT ngày 09/7/2020), quy định về công tác tổ chức kỳ thi HP theo hình thức trực tuyến dành cho SV hệ ĐH chính quy tập trung (Số 1182/QĐ-HVBCTT ngày 16/3/2022). Trong hướng dẫn 2647 có quy định ma trận thể hiện sự tương thích giữa CĐR và phương pháp KTĐG, đảm bảo các phương pháp KTĐG trong CTDH hướng tới đạt CĐR.

Hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của SV thể hiện trong CTĐT và thực tế dạy và học. Các kết quả khảo sát đánh giá được thể hiện trong các hồ sơ tổng hợp dự giờ của GV Khoa KTCT, các biên bản biên bản họp Khoa KTCT, báo cáo tổng kết các mặt công tác từ năm 2017 đến năm 2020 của Học viện.

**2. Điểm tồn tại**

Học viện chưa ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát HP trong việc sử dụng để rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện.

Học viện, Khoa KTCT xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

### **4. Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học**

#### 1. Điểm mạnh

Trong giai đoạn 2016 - 2021, GV của Khoa KTCT đã có 59 đề tài NCKH các cấp, trong đó có 04 đề tài cấp Bộ và 55 đề tài cấp cơ sở; công bố 64 bài báo trên các tạp chí khoa học, các hội thảo trong và ngoài nước, trong đó có 03 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 61 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước; có 07 báo cáo tại hội thảo khoa học quốc tế, 98 báo cáo tại hội thảo khoa học trong nước; biên soạn và xuất bản 02 giáo trình, 03 sách chuyên khảo. Các đề tài NCKH đều liên quan đến việc dạy và học.

Trong tổng số đề tài NCKH của GV và SV Khoa KTCT đã thực hiện, có 11 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều HP trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo. Kết quả NCKH các đề tài các cấp góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập, là nguồn tài liệu tham khảo, hỗ trợ GV, SV làm khóa luận tốt nghiệp và NCKH.

#### 2. Điểm tồn tại

Số lượng các đề tài NCKH liên quan đến phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, áp dụng các công nghệ dạy học mới vào trong hoạt động giảng dạy còn hạn chế.

Việc cải tiến hoạt động dạy và học trên cơ sở kết quả của các đề tài NCKH chưa thực sự rõ nét.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần có chính sách để GV, SV tham gia các hoạt động NCKH trong lĩnh vực khoa học giáo dục, phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, áp dụng các công nghệ dạy học hiện đại để nâng cao chất lượng dạy và học.

Học viện nên có hướng dẫn cho cải tiến hoạt động dạy và học trên cơ sở kết quả của các đề tài NCKH, đặc biệt là cải tiến trong tổ chức đào tạo, PPGD, áp dụng các thành tựu của khoa học công nghệ trong dạy học.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.
5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 5).

**5. Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến**

**1. Điểm mạnh**

Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện ở Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo được ban hành theo quyết định số 3801/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019.

Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Cụ thể, khảo sát SV cuối khóa về mức độ hài lòng về CSVC, hệ thống thiết bị, phòng thực hành về trang thiết bị tin học từ năm 2018-2021 cho thấy điểm số trung bình luôn cao hơn 3,8 điểm. Kết quả đánh giá phản hồi của SV về đội ngũ CB phục vụ khá cao và tăng theo từng năm: năm 2020 tỉ lệ hài lòng là 78,7%, năm 2021 tỉ lệ hài lòng là 91,2%. Học viện cũng thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ qua các hội nghị đối thoại giữa SV với lãnh đạo học viện và các phòng/ban chức năng.

Đối với Khoa KTCT, tỉ lệ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm từ năm 2018-2021 lần lượt là: 77,86%; 68,70%; 81,5%; 89,9%, tỉ lệ hài lòng của SV về đội ngũ CB hỗ trợ từ năm 2018-2021 lần lượt là 76,06%; 72,5%; 77,5%; 91,2%.

Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến: trang bị hệ thống điều hòa tại 100% các phòng học năm 2018; nâng cấp mạng internet do Công ty cổ phần viễn thông FPT thực hiện năm 2019; triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện.

**2. Điểm tồn tại**

Văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nằm rải rác ở các văn bản khác nhau, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

Học viện chưa có tổng hợp một cách hệ thống về kết quả đánh giá chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đưa ra phương án cải tiến. Tại thời điểm đánh giá cho thấy một số giảng đường không truy cập được wifi như B6, B7, B8. Khu vực giảng đường gần Thư viện truy cập được wifi nhưng tốc độ thấp (tốc độ tải xuống/tải lên chỉ 10Mbps).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên ban hành quy định riêng về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để đảm bảo thuận lợi trong quá trình triển khai, trong đó quy định rõ cơ chế chia sẻ, sử dụng các dữ liệu khảo sát thu thập được để tiến hành cải tiến các dịch vụ hỗ trợ.

Học viện nên xem xét cải tiến tốt hơn chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đảm bảo SV truy cập internet được liên tục và ổn định đảm bảo nhu cầu học tập, nghiên cứu.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### **6. Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến**

#### 1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 3901/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019; Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo theo Quyết định số 612/QĐ-HVBCTT ngày 20/02/2020.

Bộ công cụ khảo sát cho các đối tượng và nội dung khảo sát khác nhau theo mô hình đánh giá thang Likert 5 mức; phương pháp xử lý dữ liệu khảo sát bằng thống kê toán học nên có độ tin cậy và chính xác.

#### 2. Điểm tồn tại

Cơ chế phản hồi của các BLQ chưa được thiết lập một cách có hệ thống. Chưa rõ chức năng của một số đơn vị trong việc thu thập, phân tích, chia sẻ, sử dụng dữ liệu phản hồi của một số đơn vị như Ban Tổ chức - CB, Phòng CTCT&HTSV, ... Việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị còn có hiện tượng giao theo năng lực của CB hiện tại chứ không phải đòi hỏi chức năng nhiệm vụ theo vị trí việc làm của đơn vị dẫn đến không có đơn vị chủ trì rõ ràng như việc phát triển CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ cho phát triển CTĐT.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện cần đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện, thông qua các hội thảo chuyên đề. Trên cơ sở đó để tiến hành cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ để sử dụng tốt các dữ liệu phản hồi thu

thập được cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như chỉ đạo các hoạt động của Học viện nói chung.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa đạt (Mức 3).

***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Học viện đã xây dựng được hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. Hiện nay, Học viện đang thực hiện các loại khảo sát: khảo sát giờ giảng, khảo sát HP, khảo sát cựu SV, khảo sát NTD, khảo sát đội ngũ CB, NV. Tất cả các kết quả khảo sát đều được xử lí.

Học viện đã ban hành Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT và thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình này.

Hàng năm, Học viện đã tổ chức khảo sát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của SV thể hiện trong CTĐT và thực tế dạy và học.

Trong tổng số đề tài 59 đề tài NCKH các cấp có 11 đề tài đã được chuyển tải thành nội dung giảng dạy của nhiều HP trong CTDH và được sử dụng làm tài liệu tham khảo.

Quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện ở Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo. Học viện thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Đối với Khoa KTCT, tỉ lệ hài lòng của SV về dịch vụ hỗ trợ đào tạo và việc làm từ năm 2018-2021 lần lượt là: 77,86%; 68,70%; 81,5%; 89,9%, tỉ lệ hài lòng của SV về đội ngũ CB hỗ trợ từ năm 2018-2021 lần lượt là 76,06%; 72,5%; 77,5%; 91,2%.

Trong giai đoạn đánh giá, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đã được cải tiến: trang bị hệ thống điều hòa tại 100% các phòng học năm 2018; nâng cấp mạng internet do Công ty cổ phần viễn thông FPT thực hiện năm 2019; triển khai 12 gói thầu nâng cấp toàn diện thư viện.

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT chủ trì xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình khảo sát, công cụ cho khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ, các đơn vị phòng ban và các khoa là đơn vị phối hợp thực hiện.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Hoạt động cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT chưa xuất phát từ khảo sát đầy đủ các BLQ đến phát triển CTDH.

Học viện chưa ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá KQHT thuận tiện trong quá trình triển khai thực hiện.

Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát HP trong việc sử dụng đề rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Tại thời điểm đánh giá cho thấy một số giảng đường không truy cập được wifi như B6, B7, B8. Khu vực giảng đường gần Thư viện truy cập được wifi nhưng tốc độ thấp (tốc độ tải xuống/tải lên chỉ 10Mbps).

Cơ chế phản hồi của các BLQ chưa được thiết lập một cách có hệ thống. Việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị còn có hiện tượng giao theo năng lực của CB hiện tại, không phải đòi hỏi chức năng nhiệm vụ theo vị trí việc làm của đơn vị, dẫn đến không có đơn vị chủ trì rõ ràng như việc phát triển CTĐT và sử dụng thông tin phản hồi từ các BLQ cho phát triển CTĐT.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Ban QLĐT nên chủ trì trong việc lấy ý kiến các BLQ thông qua đa dạng các hình thức khác nhau như thông qua các cuộc họp, các khảo sát để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến Quy trình xây dựng và cập nhật, đánh giá CTĐT.

Học viện cần ban hành Quy định về rà soát và đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, đánh giá KQHT để thuận tiện trong quá trình triển khai và thực hiện

Học viện, Khoa KTCT xem xét việc tổng hợp, phân tích dữ liệu từ kết quả khảo sát SV về giờ giảng, khảo sát HP cho rà soát, đánh giá việc sử dụng các PPDH, phương pháp KTĐG KQHT của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

Học viện nên xem xét cải tiến tốt hơn chất lượng dịch vụ của hệ thống CNTT để đảm bảo SV truy cập internet được liên tục và ổn định đảm bảo nhu cầu học tập, nghiên cứu.

Học viện cần đánh giá lại cơ chế phản hồi của các BLQ trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện, thông qua các hội thảo chuyên đề. Trên cơ sở đó để tiến hành cải tiến cơ chế phản hồi các BLQ để sử dụng tốt các dữ liệu phản hồi thu thập được cho việc phát triển CTĐT nói riêng cũng như chỉ đạo các hoạt động của Học viện nói chung.



## **XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

### ***1. Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### **1. Điểm mạnh**

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV ngành học được Học viện giao cho Ban QLĐT là đơn vị chủ trì thực hiện (Số 4227/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019), Khoa KTCT là đơn vị phối hợp (Số 4201/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Việc quản lý KQHT, theo dõi số SV thôi học và tốt nghiệp được thực hiện qua phần mềm QLĐT. Cuối mỗi học kì, Ban QLĐT đều thống kê và có quyết định danh sách các SV thuộc diện cảnh báo học vụ để gửi về Khoa. Công tác xét tốt nghiệp được Học viện tổ chức chặt chẽ, đúng quy chế. Mỗi năm, Học viện tổ chức xét tốt nghiệp 02 lần. Danh sách SV thôi học và tốt nghiệp được xác lập, cập nhật hằng năm và đều được gửi đến các khoa để theo dõi. Khảo sát thực tế nhận thấy, Học viện lưu trữ đầy đủ quyết định cho SV thôi học, nghỉ học có thời hạn và tốt nghiệp. Kết quả thống kê của Học viện cho thấy, tỷ lệ SV thôi học của các khóa tuyển sinh năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 tương đối cao và tương ứng là 19,6%, 20,51%, 13,7%, 20,0%, 2,1% (trung bình là 15,2%); tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn của các khóa từ 2013-2017 đến khóa 2017-2021 tương ứng là 92,6%, 87,8%, 87,9%, 71,4%, 62,1% (trung bình 80,4%). Không có SV nào tốt nghiệp trước hạn.

Tình hình SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn đã được Khoa/Học viện đánh giá, phân tích thông qua các cuộc họp chuyên đề về đào tạo hoặc tổng kết học kỳ/năm học (Biên bản họp khoa ngày 23/6/2021). Khảo sát thực tế nhận thấy, Khoa đã có một số cuộc họp thảo luận về tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp của SV và nhận thấy, tỷ lệ SVTN đúng hạn thấp là do SV không đạt CĐR về tin học và ngoại ngữ và còn nợ một số HP; SV thôi học chủ yếu ở năm thứ hai với nhiều lí do khác nhau như đi du học, chuyên trường, hoàn cảnh gia đình hoặc KQHT kém. CVHT là đầu mối gặp gỡ SV có KQHT kém để tìm hiểu nguyên nhân và đề xuất biện pháp giúp đỡ (tư vấn tâm lí, trao đổi trực tiếp với gia đình, ...).

Khoa đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV thôi học của ngành học giữa các khóa, đối sánh với SV của 06 ngành đào tạo khác của Học viện như ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, ... của Học viện. Kết quả đối sánh cho thấy, ngành học có tỷ lệ SVTN của các khóa 2013-2017 đến khóa 2017-2021 nhìn chung thấp hơn SV của ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học. Khoa cũng đã đối sánh tỷ lệ SVTN của ngành học với SV cùng ngành của Trường ĐH Kinh tế - ĐH Huế.

#### **2. Điểm tồn tại**

Tỉ lệ SV thôi học còn cao. Hiệu quả của việc đối sánh tỉ lệ SV thôi học và tỉ lệ SVTN của ngành học với SV các ngành khác trong Học viện và với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước chưa hiệu quả như số liệu đối sánh còn ít, chưa khai thác hết giá trị của những số liệu thống kê do Ban QLĐT xác lập (các biên bản họp Khoa có nội dung bàn sâu về giải pháp cải tiến còn ít).

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa cần quan tâm hơn đến công tác hướng nghiệp thông qua công tác truyền thông tuyển sinh, thông qua các hoạt động giới thiệu sâu về ngành học cho SV ngay từ năm thứ nhất (mời các nhà lãnh đạo quản lí, các nhà khoa học đến giao lưu với NH, ...) để khơi dậy và hun đúc lòng yêu nghề cho SV. Các CVHT cần gần gũi và sâu sát hơn với SV để nắm bắt kịp thời hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của SV. Số liệu thống kê cần được chi tiết hơn như có bao nhiêu SV thôi học do tự bỏ học, bao nhiêu bị buộc thôi học vì học lực yếu và bị kỉ luật, bao nhiêu chuyển trường, đi du học, bỏ học để đi làm, ...

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***2. Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### 1. Điểm mạnh

Ban QLĐT là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lí KQHT, tổ chức xét tốt nghiệp và quản lí hồ sơ cấp bằng tốt nghiệp của SV. Quy chế đào tạo và phần mềm QLĐT là công cụ chính để giám sát, thống kê tình hình tốt nghiệp và xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Theo quy chế đào tạo của Học viện thì thời gian đào tạo chuẩn của ngành học là 04 năm, thời gian tối đa là 06 năm. Kết quả thống kê cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa 2013-2017 đến khóa 2017-2021 khá nhỏ và tương ứng là 4,0 năm, 4,2 năm, 4,2 năm, 4,0 năm và 4,0 năm (bình quân là 4,1 năm).

Khảo sát thực tế nhận thấy, kết quả xét tốt nghiệp đều được gửi đến Khoa để thông báo đến các lớp SV và SV có thể truy cập thông tin qua tài khoản cá nhân được cấp. Đoàn thanh niên, CVHT và ban cán sự lớp đều có các cuộc họp định kỳ hằng tháng để nắm bắt tình hình học tập của SV để tư vấn cho SV lập kế hoạch học tập phù hợp, hỗ trợ mọi mặt khi SV có nhu cầu (Biên bản họp lớp ngày 15/12/2020). Khoa đã họp phân tích nguyên nhân tình trạng chậm tốt nghiệp và đề xuất giải pháp khắc phục (Biên bản họp Khoa ngày 19/10/2021). Nguyên nhân chủ yếu của việc tốt nghiệp chậm là SV chưa đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học hoặc còn nợ một số HP chuyên môn. Một số giải pháp Học viện/Khoa đã thực hiện để nâng cao tỉ lệ SVTN đúng hạn là:

Giám sát chặt chẽ KQHT của SV và thông báo kịp thời để SV có kế hoạch học trả nợ những HP chưa đạt, thông báo những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp kèm lí do cụ thể, tổ chức các lớp học bổ sung/ôn tập cho SV có nhu cầu học trả nợ hoặc cải thiện điểm (Số 3748/QĐ-HVBCTT ngày 21/9/2020 về việc mở lớp bồi dưỡng CĐR Tiếng Anh trình độ B2). Học viện đã điều chỉnh CĐR ngoại ngữ từ B2 xuống B1 để phù hợp với chất lượng thực tế của SV từ năm 2020.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa SV đã được đối sánh với SV các khóa tương ứng của một số ngành trong Học viện như ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Xuất bản. Kết quả đối sánh cho thấy, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thuộc ngành học tương đương với SV của các ngành học nói trên. Khảo sát thực tế (qua minh chứng và phỏng vấn) cho thấy, Học viện/Khoa đã có những cuộc họp trao đổi thảo luận, đánh giá về tình hình tốt nghiệp của SV và hiệu quả của những giải pháp đã thực hiện để tăng số SVTN đúng hạn.

## 2. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SVTN đúng hạn có xu hướng giảm dần trong chu kỳ đánh giá. Khoa chưa thực sự tích cực tìm kiếm thông tin để đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành học với SV cùng ngành của một số trường ĐH trong nước.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Phần mềm QLĐT cần được hoàn thiện để có thêm chức năng thống kê số SVTN hằng năm theo khóa học và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV thuộc mỗi CTĐT theo khóa học. Sau học kỳ II của năm thứ ba, Ban QLĐT nên thống kê danh sách những SV còn nợ các HP để thông báo cho SV biết, chủ động lập kế hoạch học trả nợ. Khoa/CVHT cần giám sát chặt chẽ KQHT của SV, gần gũi, quan tâm đối với những SV có KQHT kém để có giải pháp/tư vấn giúp đỡ kịp thời. Cần nâng cao hiệu quả của hoạt động đối sánh tình hình tốt nghiệp trước và đúng hạn của SV ngành học với SV của tất cả các CTĐT trong Học viện và với SV cùng ngành của nhiều trường ĐH khác trong nước.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***3. Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### 1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT là đơn vị chủ trì việc khảo sát tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp (Số 4237/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Theo đó, Trung tâm có nhiệm vụ cụ thể là xây dựng cơ sở dữ liệu SVTN, khảo sát thống kê

việc làm của SV sau tốt nghiệp và lập báo cáo kết quả khảo sát hằng năm. Trước năm 2020, Khoa trực tiếp thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả chuyển về Trung tâm KT&ĐBCLĐT. Kể từ năm 2020 trở lại đây thì nhiệm vụ này được chuyển cho Trung tâm KT&ĐBCLĐT thực hiện. Hình thức khảo sát được thực hiện là gửi email, gọi điện thoại, gửi phiếu điều tra. Hồ sơ minh chứng cho thấy, Học viện có khá đầy đủ dữ liệu khảo sát về tình trạng SVTN hằng năm và hằng năm đều có báo cáo gửi Bộ GD&ĐT theo đúng quy định (báo cáo ngày 25/01/2022). Tình hình việc làm của SV còn được công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (mục ba công khai). Kết quả thống kê tình trạng việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của các khóa tốt nghiệp vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020 như sau: Trung bình tỉ lệ SV phản hồi là 84,8%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm là 80,0%, trung bình tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo là 34,5% làm việc liên quan đến ngành đào tạo là 24,3%, trung bình tỉ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước là 10,5% và tự tạo việc làm là 15,7%, làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài là 7,1%.

Đoàn ĐGN đã khảo sát độc lập đối với 65 SVTN năm 2020 và năm 2021. Trong số phản hồi 100 % đã có việc làm, làm việc phù hợp với ngành đào tạo là 72,2%, làm việc trong khu vực nhà nước là 50%, thu nhập bình quân từ 07 triệu đồng/tháng trở lên chiếm 27,8%.

Khoa đã thực hiện đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học sau tốt nghiệp với SV ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học của Học viện. Kết quả đối sánh SV của khóa tốt nghiệp năm 2020 với SV cùng ngành của Trường ĐH Kinh tế - ĐH Huế cho thấy, tỉ lệ SV có việc làm là tương đương nhau (khoảng 88%).

Khảo sát thực tế cho thấy, Khoa đã có một số buổi họp, tọa đàm tư vấn hướng nghiệp cho SV (biên bản họp ngày 15/12/2020) để phân tích nguyên nhân tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành thấp và đề xuất một số giải pháp khắc phục. Trên thực tế, một số giải pháp đã được thực hiện như mở rộng các cơ sở hợp tác trong việc gửi SV đến thực tập thực tế (Biên bản ghi nhớ ngày 15/9/2019 với Trường Chính trị, Tỉnh Bắc Giang), tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng mềm cho SV (do Đoàn thanh niên Học viện chủ trì), thu thập thông tin tuyển dụng để công bố trên trang thông tin điện tử của Học viện (chuyên mục SV khởi nghiệp), tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV, ... Công tác hướng nghiệp đã được triển khai ngay từ năm thứ nhất để SV hiểu rõ về ngành nghề đào tạo, tạo động lực học tập tốt hơn.

## 2. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo khá thấp. Khoa chưa thường niên đối sánh tình trạng việc làm của SV ngành học với SV các ngành khác của Học viện và số lượng đối sánh với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước còn khá ít. Minh chứng và kết quả khảo sát cho thấy, Khoa chưa có những phân tích sâu sắc về

tình trạng việc làm của SV nên những biện pháp nâng cao tỉ lệ SV có việc làm và nâng cao tỉ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo còn ít và chưa thật sự hiệu quả. Hoạt động hướng nghiệp chưa nhiều.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Sau khi có kết quả khảo sát, Học viện/Khoa cần nghiên cứu và phân tích dữ liệu kĩ càng để tìm biện pháp cải tiến. Cần rà soát, hoàn thiện hướng dẫn về hoạt động đối sánh, so chuẩn trong công tác ĐBCL, trong đó có đối sánh về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp. Cần tìm hiểu căn nguyên dẫn đến tỉ lệ SV có việc làm đúng và phù hợp với ngành đào tạo không cao để có giải pháp điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh hoặc đổi mới CTĐT nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## ***4. Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### 1. Điểm mạnh

Học viện giao cho Ban Quản lí khoa học là đơn vị chịu trách nhiệm quản lí hoạt động NCKH của SV và các Khoa là đơn vị phối hợp thực hiện. Việc quản lí và tổ chức hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy chế Quản lí hoạt động khoa học của Học viện (Số 881/QĐ-HVBCCTT ngày 25/9/2011; số 6531/QĐ-HVBCCTT ngày 26/12/2018), Quy định tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ (Số 5061/QĐ-HVBCCTT ngày 27/12/2017) và theo thông tư 19/2012/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Khảo sát thực tế cho thấy, loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV được xác định gồm chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án NCKH SV, thực hiện triển khai các tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học.

Theo quy định của Học viện, mỗi lớp SV năm thứ hai và năm thứ ba được đề xuất 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện. Việc giao cho SV thực hiện các đề tài NCKH SV cấp Học viện được thực hiện theo một quy trình tương đối chặt chẽ nhưng vẫn khuyến khích được SV tham gia thực hiện từ khâu thông báo đăng kí, phê duyệt cho đến khâu nghiệm thu thanh lí đề tài. SV được đăng kí làm chủ nhiệm đề tài phải là SV từ năm thứ hai trở đi, có ít nhất một học kỳ đạt học lực loại khá trở lên, có GV nhận hướng dẫn. Tiêu chuẩn và quyền lợi của GV hướng dẫn cũng được quy định rõ ràng và có quy định giám sát tiến độ thực hiện (Biên bản kiểm tra tiến độ NCKH của SV ngày 16/7/2020). Ban Quản lí khoa học lưu trữ khá đầy đủ các quyết định phê duyệt đề tài NCKH SV cấp Học viện, hồ sơ các đề tài đã được nghiệm thu và thanh lí. Hằng năm, Học viện đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH của SV (Số 5877/KH-HVBCCTT

ngày 28/12/2020). Ngoài ra, Học viện còn chi kinh phí cho hoạt động hội nghị, hội thảo khoa học do SV tổ chức và hằng năm đều tổ chức Hội nghị Khoa học SV cấp Học viện.

Kết quả thống kê của Khoa cho thấy, trong chu kỳ đánh giá, SV của ngành học đã chủ trì thực hiện 04 đề tài NCKH SV cấp cơ sở với sự tham gia của 15 SV. Năm 2020, Học viện đã dự trù cấp 979 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV toàn Học viện (trung bình chi 5 triệu đồng/đề tài). Học viện đã chi 17,6 triệu đồng cho hoạt động NCKH của SV thuộc CTĐT.

Minh chứng cho thấy, Khoa đã đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV cùng ngành của Trường ĐH Kinh tế - ĐH Huế.

## 2. Điểm tồn tại

Quy định về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV chưa đa dạng (mới chỉ quan tâm đến việc chủ trì/tham gia đề tài NCKH SV, tham gia các hội nghị hội thảo) và quy định mỗi lớp SV từ năm thứ hai trở lên được đăng kí 01 đề tài NCKH SV cấp Học viện là hơi ít. Chi thưởng cho SV có thành tích xuất sắc trong NCKH ở mức 500.000VNĐ là thấp nên khó khuyến khích được SV tích cực tham gia (Số 1366/QĐ-HVBCTT ngày 11/3/2021). Khoa chưa định kỳ đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV nhiều ngành khác trong Học viện và đối sánh với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong cả nước.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Học viện nên có hướng dẫn chi tiết hơn về số lượng và các loại hình NCKH của SV như ngoài các loại hình đã quy định nên bổ sung thêm các loại hình khác như tham gia các đề tài NCKH của GV, thực hiện các dự án, công bố kết quả nghiên cứu, tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, tham dự các cuộc thi NCKH SV các cấp, ... Nên điều chỉnh quy định về số lượng đề tài NCKH SV hằng năm theo hướng mở rộng và tăng mức thưởng với những đề tài có kết quả xuất sắc để khuyến khích được các lớp, các ngành có phong trào NCKH tốt. Định kỳ nên tổ chức các cuộc thi ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp trong SV ở cấp Khoa/Học viện. Cần quan tâm hơn đến hoạt động đối sánh kết quả NCKH của SV ngành học với SV các ngành đào tạo khác của Học viện và với SV cùng ngành của các trường ĐH khác trong nước làm cơ sở cho những cải tiến để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

## **5. Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### **1. Điểm mạnh**

Trung tâm KT&ĐBCLĐT được thành lập vào năm 2012 có nhiệm vụ chủ trì thực hiện hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ và các ban/khoa là đơn vị phối hợp thực hiện (Số 4237/QĐ-HVBCTT ngày 30/9/2019). Để khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, Học viện đã ban hành Quy chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về chất lượng đào tạo (Số 3901/QĐ-HVBCTT ngày 31/8/2019). Theo đó, có 05 loại khảo sát là: Khảo sát ý kiến của các BLQ về CTĐT; khảo sát ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy HP; khảo sát GV, NV và SV năm cuối, cựu SV, NTD về chất lượng đào tạo, khảo sát tình trạng việc làm của SVTN. Phương pháp khảo sát tương đối đa dạng gồm khảo sát online qua phần mềm QLĐT, Google form, gửi phiếu khảo sát qua email, gửi phiếu khảo sát trực tiếp, gọi điện thoại. Kết quả mỗi đợt khảo sát đều được tổng hợp báo cáo lãnh đạo Học viện và gửi đến các đơn vị có liên quan để nghiên cứu xây dựng biện pháp cải tiến chất lượng. Ngoài việc khảo sát qua phiếu hỏi, Học viện còn thường niên tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với SV để lắng nghe và giải quyết kịp thời những đề xuất của SV (Số 1559/TB-HVBCTT ngày 29/03/2021 thông báo về kết luận của Giám đốc Học viện tại buổi đối thoại với SV).

Minh chứng cho thấy, Học viện đã khảo sát sự hài lòng của SV về nội dung của CTĐT, về PPGD và phương pháp KTĐG, về hoạt động hỗ trợ NH; khảo sát cựu NH về CTĐT, về hoạt động hỗ trợ đào tạo và tư vấn hỗ trợ việc làm; khảo sát sự hài lòng của GV về các chính sách và CSVC phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH của GV; khảo sát sự hài lòng của NTD về nội dung CTĐT.

Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập và đối sánh sau mỗi đợt khảo sát như: Mức độ hài lòng của SV về phương pháp KTĐG trong các năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 tương ứng là 43,3%, 68,8%, 66,4%, 75,9%, 89,9%; hài lòng về hoạt động hỗ trợ đào tạo là 45,5%, 77,8%, 68,7%, 81,5%, 89,9%; mức độ hài lòng của cựu NH khảo sát năm 2020, 2021 về hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm là 80,0% và 66,7%; mức độ hài lòng của NTD về chất lượng SV khảo sát năm 2020 là 83,3% về kiến thức chuyên ngành, 91,6% về kỹ năng chuyên ngành, ... Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV về các lĩnh vực khảo sát có xu hướng tăng dần thể hiện Học viện đã có nhiều cải tiến để nâng cao chất lượng.

### **2. Điểm tồn tại**

Hồ sơ minh chứng chưa thể hiện rõ việc Khoa đã phân tích kỹ càng kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ, chưa thường niên đối sánh kết quả khảo sát với các CTĐT khác ở trong và ngoài Học viện để xây dựng các biện pháp cải tiến chất lượng.

Khoa chưa thường niên khảo sát mức độ hài lòng của NTD, của GV đối với chất lượng SVTN. Hằng năm chưa tổ chức các hội nghị chuyên đề về công tác khảo sát sự hài lòng của các BLQ để có những đánh giá về chất lượng, hiệu quả, độ tin cậy của công cụ và phương pháp khảo sát.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trung tâm KT&ĐBCLĐT cần cập nhật điều chỉnh bộ phiếu khảo sát để phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong mỗi năm học như bổ sung phần nêu các điểm hạn chế lớn của CTĐT trong phiếu khảo sát SV năm cuối. Cần đa dạng hình thức khảo sát mức độ hài lòng của NTD và của GV về chất lượng SV sau tốt nghiệp (như ngoài các hình thức đã thực hiện cần tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo); và khảo sát theo khóa SVTN để có thêm cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT. Học viện/Khoa cần định kỳ tổ chức tổng kết đánh giá kết quả tác động của hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ đến việc nâng cao chất lượng SVTN (như đánh giá độ tin cậy của kết quả khảo sát, đánh giá hiệu quả của phương pháp khảo sát, đánh giá tính hợp lý và khoa học của các phiếu khảo sát, đánh giá sự hợp lý của thời điểm tiến hành khảo sát trong năm, đánh giá mức độ cải tiến sau mỗi lần khảo sát, ...).

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có.

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (Mức 4).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Tỷ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Tỉ lệ SVTN đúng hạn khá cao, trung bình đạt 91,1%. Kết quả thống kê tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình đã được Học viện/Khoa phân tích, đối sánh với các CTĐT khác trong Học viện để cải tiến chất lượng. Công tác hỗ trợ, tư vấn hướng nghiệp giúp SV tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp được quan tâm thông qua kết nối với các cơ sở ngoài Học viện để gửi SV đi tham quan/Thực tập, tìm kiếm và cập nhật thông tin tuyển dụng để thông báo cho SV. Hoạt động khảo sát việc làm và sự hài lòng của cựu NH được thực hiện khá tốt. Công tác NCKH của SV được quan tâm thông qua việc ban hành chính sách khuyến khích và cấp kinh phí để thực hiện đề tài NCKH SV cấp cơ sở. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các BLQ được triển khai định kỳ hằng năm, có cải tiến về quy trình, phương thức khảo sát, công cụ khảo sát và kết quả khảo sát đã được Khoa và các đơn vị sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:



Học viện chưa có văn bản quy định chi tiết về công tác giám sát, thống kê tình hình SV thôi học, SVTN của các CTĐT theo khóa học. Tỷ lệ SV thôi học còn cao, trung bình là 15,2%. Tỷ lệ SV có việc làm đúng và phù hợp với ngành đào tạo không cao. Chưa tạo được phong trào NCKH sâu rộng trong SV. Công tác đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tỷ lệ SVTN đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình trạng việc làm của SV, kết quả NCKH của SV với SV cùng ngành của các trường ĐH khác còn hạn chế.

- Khuyến nghị đối với CTĐT:

Trong thời gian tới, Học viện cần ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của SV các khóa đào tạo. Khoa cần đặc biệt quan tâm đến các giải pháp để giảm số SV thôi học và tăng tỷ lệ SV có việc làm đúng và gần với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực SVTN để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của NTD, GV, cựu NH về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm xã hội của SV sau tốt nghiệp làm cơ sở triển khai đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

### **Phần III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kết luận:**

Đoàn ĐGN đã bỏ phiếu thống nhất kết quả đánh giá mức đạt của CTĐT ngành Kinh tế chính trị:

- Số tiêu chí đạt mức 4 trở lên: 44 tiêu chí, đạt 88,00%;
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu: 11 tiêu chuẩn, đạt 100%;
- Đã có 43 khóa NH tốt nghiệp.

Chiều theo khoản 1 (*Đã có ít nhất một khóa NH tốt nghiệp tại thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá*) và khoản 4 (*chương trình đào tạo có ít nhất 80% số tiêu chí đạt yêu cầu, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu theo kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục*) Điều 23 của Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 19/11/2013 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về qui trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp thì CTĐT ngành Kinh tế chính trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền giai đoạn 2017 - 2022 đủ điều kiện xét công nhận đạt đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

#### **2. Kiến nghị**

Đề nghị Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường ĐH Vinh tiến hành các thủ tục tiếp theo để xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho CTĐT ngành Kinh tế chính trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD**

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

**TS. Trần Đình Quang**

**PGS. TS. Bùi Duy Cam**

## **Phần IV. PHỤ LỤC**

Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Kinh tế chính trị

Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo

Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài

Phụ lục 4. Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục 5. Công văn phản hồi của CSGD có chương trình đào tạo được đánh giá về dự thảo báo cáo đánh giá ngoài

## Phụ lục 1.

### Gới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Khoa Xây dựng Đảng

#### 1. Giới thiệu tóm tắt về Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh được thành lập ngày 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa II. Ngày 20/11/1990, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 406 - HĐBT công nhận trường là trường Đại học. Từ thời điểm này, Học viện vừa là một trường Đảng trực thuộc Ban Bí thư Trung ương, đồng thời là trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân. Các hoạt động chuyên môn của Học viện đều được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Luật Giáo dục.

Sứ mệnh “NCKH, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí, truyền thông và một số ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.”

Tầm nhìn của HVBC&TT đến năm 2050: “trở thành cơ sở hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông. Học viện không ngừng phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín học thuật trong khu vực và trên thế giới... Học viện phấn đấu trở thành:

*Trường đại học là lựa chọn số một của sinh viên trong các ngành học thuộc lĩnh vực lí luận chính trị, tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông*

*Trung tâm nghiên cứu trong lĩnh vực tư vấn chính sách, công tác tư tưởng - văn hóa, báo chí và truyền thông hàng đầu, nơi tập hợp đội ngũ chuyên gia đầu ngành có tầm ảnh hưởng trong nước và khu vực.*

*Trường đại học vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế, có tầm ảnh hưởng về báo chí và truyền thông ở khu vực Đông Nam Á trước năm 2030; cơ sở đào tạo và nghiên cứu báo chí và truyền thông có uy tín ở châu Á - Thái Bình Dương trước năm 2050.*

Các giá trị cốt lõi mà HVBC&TT cam kết bao gồm: *Đoàn kết, Dân chủ, Đổi mới, Chất lượng và Cống hiến.*

Triết lí giáo dục của HVBC&TT theo triết lí giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Học để làm việc, làm người, làm CB. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”.

Tính đến tháng 3/2022, Học viện có tổng số 386 CB GV, NV, trong đó có 28 Phó Giáo sư, 103 Tiến sĩ, 205 Thạc sĩ, 35 cử nhân số lượng SV trình độ đại học hệ chính quy của Học viện là 7557; số lượng nghiên cứu sinh là 129 và học viên cao học là 1134 học viên. Học viện có 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 12 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 6 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

Trong 5 năm (2017-2022) Học viện đã nghiệm thu 6 đề tài cấp Nhà nước, 19 đề tài cấp Bộ, 119 đề tài cấp cơ sở trọng điểm, 562 đề tài cấp cơ sở, và 159 đề tài NCKH của SV.

Về hợp tác quốc tế, Học viện đã ký kết văn bản ghi nhớ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế, có thể kể đến như: Đại học Middlesex (Vương Quốc Anh), Đại học Tổng hợp Viên (Cộng hòa Áo), Khoa Khoa học chính trị - Đại học Thammasat - Bangkok (Thái Lan), Đại học Nữ sinh Sookmyung (Hàn Quốc) và Viện Thông tin văn hóa Lào thuộc Bộ Thông tin Văn hóa Lào.

Đảm bảo chất lượng, Từ năm 2015, Học viện đã thực hiện tự đánh giá chất lượng CSGD theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học được ban hành theo Thông tư số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 11 năm 2007. Đến năm 2018, Học viện thực hiện đánh giá đồng cấp và đạt chứng nhận kiểm định chất lượng CSGD. Cuối năm 2019, Học viện thành lập Hội đồng tự đánh giá và triển khai thực hiện tự đánh giá CTĐT đào tạo các ngành Triết học, Xã hội học, Quan hệ công chúng và Quan hệ quốc tế.

## **2. Giới thiệu về Khoa Kinh tế chính trị**

Khoa Kinh tế chính trị thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền được ngay từ giai đoạn đầu tiên khi thành lập Trường Tuyên giáo Trung ương (từ 16 tháng 01 năm 1962 theo Nghị quyết số 36 NQ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa III, trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II, Trường Tuyên Huân và Trường Đại học Nhân dân). Trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, Khoa KTCT trải qua nhiều giai đoạn với tên gọi khác nhau, thực hiện việc đào tạo các cán bộ kinh tế cho các cơ quan từ Trung ương đến địa phương, các giảng viên Kinh tế chính trị và quản lí kinh tế cho các trường Chính trị tỉnh, thành phố, các trường đại học, cao đẳng trong cả nước.

Hiện nay, Khoa có 3 tổ bộ môn gồm: Kinh tế cơ sở; Kinh tế chính trị và Quản lí kinh tế. Đội ngũ CB, giảng viên cơ hữu của Khoa thực hiện CTĐT gồm có 19 người: 9 TS và 10 ThS (trong đó có 05 giảng viên đang học NCS). Bên cạnh đó, Khoa KTCT còn mời các chuyên gia, GV, doanh nhân từ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Học viện Ngân hàng, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Học viện Tài Chính, Đại học Thương Mại, Tập đoàn FPT, Tập đoàn Vasco, ... Chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của các cộng tác viên giúp nâng cao chất lượng dạy và học tại Khoa. Chức năng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa cụ thể như sau:

### ***Về công tác đào tạo***

Trong 60 năm qua, Khoa KTCT đã thực hiện nhiệm vụ đào tạo 2 hệ: đào tạo đại học và sau đại học ở 2 ngành KTCT và ngành Kinh tế với 3 chuyên ngành: KTCT, QLKT và Kinh tế và Quản lí.

Từ năm 2009, Khoa KTCT bắt đầu đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành KTCT theo quyết định 8752/QĐ-BGDĐT, ngày 29/12/2008, mã ngành 8310102. Đến nay Khoa KTCT đã đào tạo được 12 khóa cao học với tổng số khoảng 350 học viên.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, Khoa đã xây dựng các chương trình 4 năm cho đào tạo đại học theo chương trình khung của Bộ GD&ĐT. Khoa đã hoàn thành 100% các môn học có giáo trình cấp nhà xuất bản hoặc cấp cơ sở phục vụ cho đào tạo theo tín chỉ.

Hiện nay, số lượng sinh viên đang theo học các ngành và chuyên ngành của Khoa đạt 891 sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên trong Khoa ngày càng được nâng cao, tới nay đã có 01 sinh viên là thủ khoa đầu ra của Học viện và được tuyên UBND thành phố Hà Nội tuyên dương (Nguyễn Thùy Linh QLKT 31A1)

Khoa luôn củng cố và mở rộng quan hệ đào tạo và liên kết với các cơ sở đào tạo về Kinh tế như: Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Kinh tế học và Viện Kinh tế chính trị - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Đại học Ngoại thương Hà Nội... các trường chính trị tỉnh (thành phố), các doanh nghiệp: Tập đoàn FPT... cũng như các địa phương, Ban tuyên giáo Trung ương... nhằm tận dụng tốt nhất mối quan hệ hợp tác đào tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Học viện giao. Khoa hợp tác với các chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước để luôn cập nhật tình hình, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu. Bên cạnh đó, Khoa còn phối hợp với Ban Hợp tác quốc tế tổ chức lớp học trực tuyến về Chính sách công do chuyên gia Hàn Quốc dạy cho sinh viên, sau 01 khóa học đã có 01 sinh viên của Khoa được đi Hàn Quốc học 03 tuần học bổng từ Hàn Quốc. Ngoài ra khoa cũng mời chuyên gia của Koica về thông tin tình hình kinh tế, chính trị của Hàn Quốc cho sinh viên ngành KTCT và ngành Kinh tế.

### ***Về công tác nghiên cứu khoa học***

Khoa KTCT luôn xác định nâng cao chất lượng đội ngũ GV phải đi đôi với việc tăng cường năng lực NCKH. NCKH góp phần tích lũy, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực và chất lượng giảng dạy, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy. Vì thế, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa luôn diễn ra hết sức sôi động và đạt được nhiều thành tích quan trọng.

Bên cạnh công tác giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa luôn được chú trọng, với kết quả hoàn thành gần 200 đề tài khoa học, trong đó nhiều đề tài được nghiệm thu và đánh giá xuất sắc; biên soạn và xuất bản 30 giáo trình chuyên ngành cùng nhiều tài liệu phục vụ dạy – học; công bố hàng trăm bài báo khoa học trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước. Các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng luôn được quan tâm và hướng dẫn thực hiện với chất lượng tốt. Nhiều đề tài do sinh viên của Khoa hoàn thành có ý nghĩa thực tiễn cao

Năng lực NCKH của Khoa còn thể hiện ở khả năng thực hiện rất nhiều hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài. Một số hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế nổi bật như sau: Cán bộ, GV trong Khoa là đơn vị đi đầu trong việc liên hệ với các cơ quan quản lí Nhà nước về kinh tế, các Chính quyền địa phương, các doanh nghiệp, các trường Đại học, Học viện, các trường chính trị tỉnh (thành phố), khảo sát, kết nối đưa sinh viên đi thực tập ở các địa phương, các doanh nghiệp, các trường Đại học, Học viện, trường chính trị tỉnh (thành phố)... nhằm nâng cao trình độ, kiến thức thực tiễn cho GV và sinh viên..

## **Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả Tự đánh giá chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành KTCT do Khoa KTCT quản lí. Khoa và Học viện đã thực hiện TĐG theo thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT và công văn 2085/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT.

1. Quá trình thực hiện TĐG từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2022. Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT KTCT thực hiện theo 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung và phương pháp tiếp cận trong dạy-học; tiêu chuẩn 5 về đánh giá KQHT của NH; tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ CB GV, nghiên cứu viên và đội ngũ NV; tiêu chuẩn 8 mô tả công tác tuyển sinh và hỗ trợ NH; tiêu chuẩn 9 tập trung đánh giá CSVC, trang thiết bị và môi trường học thuật; tiêu chuẩn 10 mô tả các qui trình nâng cao chất lượng CTĐT; tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra.

### **2. Mục đích, qui trình, phương pháp và công cụ TĐG CTĐT**

Mục tiêu của việc TĐG: thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình về các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Học viện. Trên cơ sở các kết quả đánh giá, Học viện/Khoa nhận dạng những điểm mạnh để phát huy, điểm yếu cần khắc phục, từ đó đề ra các biện pháp và lập kế hoạch điều chỉnh nhằm cải thiện hơn nữa chất lượng đào tạo; thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực ngành KTCT chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

Báo cáo TĐG còn là cơ sở cho công tác ĐGN CTĐT, hướng tới mục tiêu kiểm định chất lượng CTĐT, khẳng định mong muốn và cam kết của Học viện với NH, với xã hội, với thị trường lao động. Dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, Học viện đã trình bày hiện trạng các điều kiện ĐBCL, chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, ... cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Phạm vi TĐG bao gồm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động hỗ trợ khác cho CTĐT ngành KTCT giai đoạn 2017-2022.

Công cụ TĐG là bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT qui định tại Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT cùng các công văn Số 1669/QLCL-KĐCLGD và Số 2085 và 774/QLCL-KĐCLGD của GDĐH của Bộ GD&ĐT.

Hội đồng TĐG được thành lập theo Quyết định số 6869/QĐ-HVBCTT ngày 01/12/2021, với 23 thành viên. Hội đồng có Ban thư kí gồm 15 thành viên và 6 nhóm công tác chuyên trách.

Qui trình TĐG: thực hiện theo các bước như hướng dẫn tại công văn số 2085 và 774/QLCL-KĐCLGD của Bộ GD&ĐT. Đối với mỗi tiêu chí, nội dung đánh giá bao gồm:



phần mô tả thực trạng phân tích, giải thích, so sánh nêu ra những nhận định đánh giá, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu; từ đó, lên kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế để cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT; cuối cùng là phần TĐG theo từng tiêu chí.

Sự tham gia của các BLQ: Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo TĐG chất lượng CTĐT do Học viện tổ chức, Hội đồng TĐG đã lên kế hoạch chi tiết, tiến hành họp Hội đồng phổ biến kế hoạch và phân công trách nhiệm theo những phần việc như: Thu thập thông tin, xác định cỡ mẫu khảo sát từ tổng số SV năm cuối, cựu SV, NTD, GV, chuyên gia; thực hiện điều tra khảo sát; viết phiếu đánh giá tiêu chí; viết dự thảo báo cáo TĐG; hoàn thiện dự thảo báo cáo; lưu giữ hồ sơ, minh chứng...

Báo cáo TĐG do Ban thư kí mà chủ yếu là các CB, GV của Khoa KTCT triển khai thực hiện với sự hỗ trợ cung cấp minh chứng từ các đơn vị chức năng của Học viện. Từng nhóm tiến hành họp và phân công nhiệm vụ nghiên cứu các tiêu chuẩn, tiêu chí, văn bản hướng dẫn; xác định minh chứng cần có; phân tích minh chứng để từ đó xác định cách viết Báo cáo và tiến hành viết báo cáo. Báo cáo TĐG có sự tham gia đánh giá, đóng góp ý kiến của các phòng ban chức năng, các nhóm SV và cựu SV, các doanh nghiệp và tổ chức sử dụng lao động.

Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch, biện pháp khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh; định hướng trọng tâm phát triển và cải tiến chất lượng CTĐT trong giai đoạn tiếp theo.

### 3. Kết quả TĐG có thể tóm tắt như sau:

- Số tiêu chí đạt từ mức 4 trở lên: 50 (100%);
  - + Số tiêu chí đạt mức 2: 0
  - + Số tiêu chí đạt mức 3: 0
  - + Số tiêu chí đạt mức 4: 2
  - + Số tiêu chí đạt mức 5: 48
  - + Số tiêu chí đạt mức 6: 0
  - + Số tiêu chí đạt mức 7: 0
- Số tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá từ mức đạt trở lên: 11;
- Số tiêu chuẩn có mức đánh giá trung bình đạt từ mức 4 trở lên: 11 (100%);
- Tỷ lệ số tiêu chí đạt (mức 4 trở lên): 100% (50 tiêu chí);
- Điểm trung bình chung: 4,96.

**Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
- TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 3980-CV/HVBCTT ngày 22/8/2022 của Học viện Báo chí và Tuyên truyền về việc phân hồi danh sách đoàn đánh giá ngoài CTĐT;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế chính trị của Học viện Báo chí và Tuyên truyền (Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong “Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo” ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KĐCLDHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

**Điều 3.** Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ph*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu: HC-DV, ĐGCN. *ph*

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Đình Quang**

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ CHÍNH TRỊ  
CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

*(Kèm theo Quyết định số 514/QĐ-KĐCLV ngày 25 tháng 8 năm 2022  
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Số thẻ/Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
<b>I</b>	<b>Chuyên gia</b>		
1	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Trưởng đoàn
2	TS. Phan Hùng Thư	2017.01.323	Thư ký
3	TS. Trần Đình Quang	2017.01.313	Thành viên thường trực
4	GS.TS. Nguyễn Quang Đông	2017.01.252	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
6	PGS.TS. Phan Văn Hiếu	2014.02.071	Thành viên
7	TS. Lê Huy Tùng	2014.1.052	Thành viên
<b>II</b>	<b>Giám sát</b>		
8	ThS. Võ Công Dũng		Giám sát viên

*Ấn định danh sách gồm 08 người. *ph**

**Phụ lục 4. Lịch trình Đánh giá ngoài**

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG  
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI 04 CTĐT CỦA  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ TUYÊN TRUYỀN**

**KẾ HOẠCH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

- 1. Chủ nghĩa xã hội khoa học**
- 2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**
- 3. Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước**
- 4. Kinh tế chính trị**

Thời gian: từ ngày 07/10/2022 đến ngày 11/10/2022

Địa điểm: Học viện Báo chí tuyên truyền

Số 36, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Đối tượng, thành phần, địa điểm làm việc			
		CNXHKH	LSĐCSVN	KTCT	KTCT
<b>Ngày làm việc thứ nhất (Thứ Sáu, ngày 07 tháng 10 năm 2022)</b>					
8:00 - 8:30	Họp đoàn, Trưởng đoàn phân công nhiệm vụ cho các thành viên	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
8:30 – 10:30	Đoàn làm việc nội bộ				
10:30 - 12:00	Khai mạc Khảo sát chính thức (Có chương trình chi tiết kèm theo)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Đại diện Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Các Hội đồng Tự đánh giá;</li> <li>- Cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá (do Nhà trường điều động).</li> </ul> <p style="text-align: center;">(Hội trường)</p>			
12:00 - 13:30	Nghỉ trưa				
13:30 -14:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)			

14:00 - 17:00	Quan sát thực tế văn phòng bộ môn; phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và phòng tư liệu các khoa phụ trách 04 CTĐT.	Nhóm 1			
	Quan sát thực tế thư viện, y tế, phòng làm việc các phòng, ban chức năng liên quan, khuôn viên nhà trường và cơ sở vật chất khác.	Nhóm 2			
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b>Ngày làm việc thứ hai (Thứ Bảy, ngày 08 tháng 10 năm 2022)</b>					
8:00 – 11:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) (Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)			
11:00 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
		<b>CNXHKH</b>	<b>LSĐCSVN</b>	<b>KTCT</b>	<b>KTCT</b>
13:30 - 14:30	Phỏng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (Trưởng/ phó Khoa, trưởng/ phó Bộ môn phụ trách chuyên môn CTĐT được đánh giá)	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
14:30 -14:45	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
14:45 - 15:45	Phỏng vấn nhóm Cán bộ hỗ trợ và cán bộ Đoàn thể của cả 04 CTĐT	Phòng PV 04			
15:45 - 16:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
16:00 - 17:00	Phỏng vấn nhóm Giảng viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
17:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b>Ngày làm việc thứ ba (Chủ Nhật ngày 09 tháng 10 năm 2022)</b>					

8:00 - 9:00	Phỏng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động theo từng CTĐT	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
9:00 - 9:15	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
9:15 - 10:15	Phỏng vấn nhóm Cựu sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
10:15 - 10:30	Đoàn hội ý chuyên môn	Phòng hội ý			
10:30 - 11:30	Phỏng vấn nhóm Sinh viên	Phòng PV1	Phòng PV2	Phòng PV3	Phòng PV4
8:00 - 12:00	<i>Phỏng vấn qua điện thoại tình hình SV tốt nghiệp năm 2020 và 2021</i>	<i>Các phòng PV có lắp điện thoại</i>			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 16:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ minh chứng và làm việc trực tiếp với cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Đào tạo, Khảo thí; CTSV, ĐBCL, TTrGD; NCKH, Tài chính, Tuyển sinh, Hợp tác doanh nghiệp, Quản trị, Thư viện, CNTT...	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn) <i>(Cán bộ Nhà trường làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)</i>			
16:00 - 17:30	Đoàn làm việc nội bộ (Họp đoàn)	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
<b><i>Ngày làm việc thứ 4 (Thứ 2, ngày 10 tháng 10 năm 2022)</i></b>					
8:00 - 10:00	Các thành viên trình bày báo cáo kết quả đánh giá theo công việc được phân công	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			
	Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên				
10:00 - 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Học viện và Lãnh đạo Khoa có CTĐT được đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoàn chuyên gia ĐGN;</li> <li>- Lãnh đạo Học viện;</li> <li>- Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;</li> <li>- Hội đồng tự đánh giá.</li> </ul> <i>(Phòng họp)</i>			
11:30 - 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Phòng làm việc của Đoàn			
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>				
13:30 - 15:30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành viên chuẩn bị slide báo cáo sơ bộ kết quả đánh giá các tiêu chuẩn được phân công;</li> <li>- Trưởng đoàn tổng hợp báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ;</li> </ul>	Đoàn ĐGN (Phòng làm việc của Đoàn)			

	- Thư kí tổng hợp Dự thảo Biên bản kết thúc đợt khảo sát chính thức.	
15:30 - 17:00	Các thành viên hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá theo Phụ lục 14, 15.	
17:00 - 17:30	- Đoàn làm việc nội bộ; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên tự do tiếp xúc với Đoàn ( <i>nếu có nhu cầu</i> )	
<b>Ngày làm việc thứ năm (Thứ Ba ngày 11 tháng 10 năm 2022)</b>		
8:00 - 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN ( <i>Phòng làm việc của Đoàn</i> )
8:30 - 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức ( <i>có chương trình chi tiết kèm theo</i> )	- Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Học viện; - Lãnh đạo các Khoa có CTĐT được đánh giá;
11:30 - 12:00	Kí biên bản hoàn thành đợt khảo sát chính thức giữa Đoàn ĐGN, Học viện BCTT và Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV.	- Các Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị trong Học viện; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên các ngành có CTĐT được đánh giá. ( <i>Hội trường</i> )

-Hết-

**Phụ lục 5.**

**Công văn phản hồi của CSGD có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN**

